

Nhiều tác giả

Stephen R. Covey tuyển chọn và giới thiệu

9



hạt giống tâm hồn

Vượt qua
thử thách

First News®



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH



hạt giống
tâm hồn

Original title:

**EVERYDAY GREATNESS: INSPIRATION FOR A
MEANINGFUL LIFE**

by Stephen R. Covey, David L. Hatch

Copyright © 2006 by FranklinCovey Co.,
and The Reader's Digest Association, Inc.

Vietnamese Edition Copyright © 2010 by First News - Tri Viet.
All rights reserved. This licensed work published under license.

EVERYDAY GREATNESS

- HẠT GIỐNG TÂM HỒN: VƯỢT QUA THỬ THÁCH -

Công ty First News – Trí Việt giữ bản quyền xuất bản và phát hành ấn bản tiếng Việt trên toàn thế giới theo hợp đồng chuyển giao bản quyền với Thomas Nelson, Inc.

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của First News và Thomas Nelson đều là bất hợp pháp và vi phạm Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền Quốc tế và Công ước Bảo hộ Bản quyền Sở hữu Trí tuệ Berne.

CÔNG TY VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT - FIRST NEWS

11 H Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 38227979 - 38227980 - 38233859 - 38233860

Fax: (84.8) 38224560; Email: triviet@firstnews.com.vn

Website: www.firstnews.com.vn

Nhiều tác giả
Stephen R. Covey
tuyển chọn và giới thiệu

hạt giống tâm hồn

Vượt Qua Thử Thách

9

Biên dịch:
Thu Trang - Minh Tươi

First News

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

“Thân tặng tất cả những người đang trần trở, đang vượt qua những khó khăn, thử thách tinh thần và luôn giữ vững niềm tin để tìm được hạnh phúc cuộc sống, để đạt được ước mơ của mình.”

- First News

Các sáng tác bài dịch cộng tác của bạn đọc về các chủ đề Sống Đẹp (tâm hồn cao thượng, gương vượt khó, những cảm xúc sâu sắc về cuộc sống, tình bạn, tình yêu...) cho các tập Hạt Giống Tâm Hồn tiếp theo xin gửi về:

HẠT GIỐNG TÂM HỒN - FIRST NEWS

11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. HCM

Tel: 38227979 - 38227980

Fax: (08) 38224560

Email: firstnews@firstnews.com.vn

Web: www.firstnews.com.vn

Lời giới thiệu

Tôi là một người may mắn!

Sống trong một thế giới đầy biến động, với những cuộc khủng hoảng, chết chóc và thở than, tôi thấy mình thật may mắn khi hàng ngày được gặp gỡ với rất nhiều cá nhân trên khắp thế giới. Họ là những người đã dùng cuộc sống của mình để chứng minh rằng thế giới quanh ta vẫn thật đáng quý, đáng yêu.

Giữa lúc chúng ta phải nghe quá nhiều những vụ bê bối của các doanh nghiệp và tình trạng suy đồi đạo đức trong kinh doanh, tôi thấy mình thật may mắn khi quen biết nhiều nhà lãnh đạo cấp quốc gia, chủ tịch các tập đoàn và các tư vấn viên đạo đức, liêm chính.

Sống trong thế kỷ khi mà tội ác, chiến tranh, thiên tai và dịch bệnh luôn rình rập, đe dọa, tôi cảm thấy mình thật may mắn khi được làm việc cùng các nhà hành pháp, các chuyên gia trong lĩnh vực quân sự, các nhà lãnh đạo, các giáo sư bác sĩ sẵn lòng cống hiến cho mọi người.

Sống trong thời đại khi mà tình phụ tử và mối ràng buộc gia đình đang bị đe dọa nghiêm trọng, tôi cảm thấy mình thật may mắn khi biết những người cha tận tụy, những người mẹ bao dung đang từng ngày từng đêm nỗ lực hết sức mình cho sự lớn khôn cả về thể chất lẫn tâm hồn của con cái.

Và trong một kỷ nguyên nơi trường học và giới trẻ tồn tại đầy những tệ nạn xã hội, tôi cảm thấy mình thật may mắn khi được gần gũi những giáo viên nhiệt tâm, những thanh niên tài năng, tất cả đều giàu có cả về tri thức và tấm lòng, hàng ngày họ vẫn đang miệt mài tạo nên sự thay đổi - theo một cách riêng.

Quả thực, tôi cảm thấy mình may mắn khi có cơ hội gặp gỡ những con người như thế trên mọi nẻo đời. Chính họ đã mang đến cho tôi niềm tin rằng ở bất cứ nơi đâu trên trái đất này vẫn luôn hiện diện những con người giàu lòng nhân hậu, không ngừng dần thân, cống hiến cho đời. Họ chính là nguồn cảm hứng bất tận của tôi. Và tôi đang muốn truyền nguồn cảm hứng đó đến bạn qua tập sách này.

Mà rất có thể, bạn cũng là một người trong số họ.

- STEPHEN R. COVEY

Lễ vật thách cưới

*Khi được tôn trọng,
người ta thường cảm thấy tự tin hơn
để bộc lộ những tiềm năng chưa được
khai phá trong con người mình.*

- Stephen Covey

Trong chuyến đi tới Kiniwata, một hòn đảo ở Thái Bình Dương, tôi đã mang theo mình một cuốn sổ nhỏ để ghi lại những sự kiện đáng nhớ. Khi trở về, cuốn sổ đầy ắp những mô tả sinh động về hệ thực vật và động vật cùng những phong tục và phục trang của người dân bản địa. Nhưng ghi chú khiến tôi thích thú nhất chính là: “*John Lingo đã trao tám con bò cho cha của Sarita*”. Tôi không cần phải viết nhiều về việc này, nhưng chỉ cần bắt gặp bất cứ một hành động coi thường hay ghẻ lạnh nào của người vợ đối với chồng hoặc ngược lại, là câu chuyện ấy liền hiện hiện trước mắt tôi. Những

lúc như thế, tôi chỉ muốn hét lên với họ: “*Này, hãy nhìn Johnny Lingo đi! Nếu các người biết tại sao Johnny trả tám con bò cho vợ của anh ấy thì các người sẽ không làm như vậy!*”.

Johnny Lingo không phải là tên thật của chàng thanh niên đó. Nhưng đó là cái tên mà Shenkin - người quản lý khu nhà nghỉ ở Kiniwata, đã gọi anh ta. Shenkin quê ở Chicago và thường có thói quen Mỹ hóa tên của người dân trên hòn đảo này. Tôi biết đến Johnny nhờ sự giới thiệu của nhiều người với nhiều mối quan hệ khác nhau. Nếu tôi muốn nghỉ ngơi một vài ngày trên hòn đảo láng giềng ở Nurabandi thì Johnny Lingo có thể đưa tôi tới đó. Nếu tôi muốn câu cá thì anh ta có thể chỉ cho tôi nơi nào câu trúng nhất. Nếu tôi kiếm được ngọc trai thì anh ta có thể giới thiệu cho tôi những người mua tốt nhất. Người dân ở Kiniwata đều nói tốt về Johnny Lingo. Tuy nhiên khi nói, họ thường kèm theo một nụ cười mỉm, và tôi hiểu trong nụ cười ấy chứa đựng một sự giấu cợt.

- Hãy để Johnny Lingo giúp cậu tìm thứ cậu muốn và hãy để cậu ấy mặc cả giúp. Johnny luôn biết cách thương lượng. - Shenkin khuyên tôi.

- Johnny Lingo! - Một cậu bé nhắc tên anh ra rồi phá lên cười.

- Thế nghĩa là thế nào? Ai cũng chỉ tôi tới Johnny Lingo nhưng rồi họ lại cười phá lên. Các anh định đùa tôi đấy à? - Tôi thắc mắc.

- Ô, những người ở đây thích cười mà. Johnny là thanh niên sáng sủa và mạnh mẽ nhất ở vùng đảo này, không những thế, anh ta còn là người giàu nhất vào tầm tuổi đó.

- Nhưng nếu anh ta tốt như các anh vẫn nói thì các anh cười vì điều gì?

- Chỉ một điều thôi. Năm tháng trước, vào dịp lễ hội mùa thu, Johnny đã tới Kiniwata để tìm vợ. Anh ta đã trả cho cha cô gái ấy tám con bò!

May mà tôi có đủ vốn hiểu biết về phong tục của hòn đảo này nên hiểu ý nghĩa của lời nói trên. Để cưới một người vợ kha khá, người dân ở đây chỉ cần nộp hai hoặc ba con bò cho nhà vợ là đủ, còn bốn đến năm con bò có thể giúp họ lấy được một cô vợ vừa đẹp vừa khéo léo.

- Trời. Tám con bò cơ à? Thế thì cô ấy chắc phải sắc nước hương trời lắm nhỉ! - Tôi tò mò.

- Cô gái ấy không xấu. Nhưng chỉ những người tế nhị nhất mới có thể nói Sarita là một cô gái không hấp dẫn. Sam Karoo - cha của cô ấy, còn lo là cô ta sẽ ế chồng. - Anh ấy giải thích với một nụ cười mỉm.

- Vậy anh ta vẫn trả tám con bò cho cô ấy à? Đúng là một điều kỳ lạ nhỉ?

- Trước đây chưa từng có lễ vật nào cao đến thế.

- Nhưng anh đã nói là vợ của Johnny không có chút hấp dẫn nào mà?

- Tôi nói là chỉ những người tế nhị nhất mới có thể gọi cô ấy là một cô gái không hấp dẫn. Cô ấy quá gầy. Cô ấy bước đi trong khi vai thì khom khom, đầu thì luôn cúi gằm. Cô ấy sợ cả cái bóng của mình.

- À, có lẽ tình yêu làm mờ lý trí con người đây mà. - Tôi nói.

- Đúng đấy. Đó cũng là lý do tại sao dân làng lại cười mỗi lần nói về Johnny. Họ buồn cười vì thương nhân sắc sảo nhất ở vùng đảo này lại thua ông già Sam Karoo ngờ nghệch.

- Nhưng làm thế nào mà ông ấy làm được như thế?

- Không ai biết cả, thế nên người ta càng nghi ngờ và suy đoán này nọ. Tất cả họ hàng đều bảo Sam đòi ba con bò thôi, rồi sau đó giảm xuống hai con cho tới khi chắc chắn là Johnny sẽ trả một con. Nhưng Johnny đã tới và nói với Sam Karoo rằng: *“Thưa cha, con đồng ý dâng lễ vật là tám con bò cho con gái của cha”*.

- Tám con bò. Tôi muốn gặp anh chàng Johnny Lingo này rồi đây! - Tôi xuýt xoa.

Lúc này tôi đang muốn câu cá và tìm ngọc trai, vì thế ngay buổi chiều ngày hôm sau, tôi cho tàu tới Nurabandi. Và tôi thực sự ngạc nhiên khi tôi nhắc tới Johnny lúc hỏi đường tới nhà anh, người dân ở làng Nurabandi không hề cười như những người khác. Sau đó, tôi gặp một người thanh niên đáng mảnh khảnh và điềm đạm, anh nhã nhặn mời tôi tới nhà anh. Thật lòng, tôi cảm thấy mừng cho Johnny vì người dân nơi đây đánh giá cao anh ấy chứ không có chút gì là mỉa mai. Chúng tôi ngồi trong nhà anh và nói chuyện. Rồi anh hỏi tôi:

- Anh từ Kiniwata tới à?

- Vâng.

- Trên hòn đảo đó họ vẫn xôn xao về tôi đúng không?

- Họ nói rằng chẳng có thứ gì tôi muốn mà anh lại không giúp được cả.

Anh ấy cười hiền lành.

- Vợ tôi cũng là người ở Kiniwata.

- Vâng, tôi biết.

- Họ cũng nói về cô ấy à?

- Chút ít thôi.

- Họ nói gì?

- À, tại sao... - Câu hỏi ấy khiến tôi hơi ngượng ngịu. - Họ kể với tôi rằng anh và cô ấy kết hôn đúng vào hôm lễ hội.

- Không còn gì khác nữa chứ? - Cái nhún mày của Johnny mách bảo tôi rằng anh ta biết chắc người ta còn nói nhiều nữa.

- Họ còn nói là đồ thách cưới của anh là tám con bò. Họ chỉ băn khoăn là tại sao. - Tôi ngừng lại.

- Họ hỏi như vậy à? Người dân ở Kiniwata ai cũng biết về chuyện tám con bò à? - Đôi mắt anh ấy sáng lên vui sướng.

Tôi gật đầu.

- Và mọi người dân ở Nurabandi cũng biết thế. Bây giờ và cả mai sau, mỗi khi họ nói về lễ vật thách cưới, chắc chắn họ sẽ nhớ tới việc Johnny Lingo đã trả tám con bò cho Sarita. - Johnny nói rồi ưỡn ngực tự hào.

“Thì ra đây chính là câu trả lời”, tôi thầm nghĩ.

Và rồi tôi nhìn thấy người phụ nữ ấy. Tôi quan sát cô bước vào căn phòng và đặt một lọ hoa lên bàn. Cô ấy đứng đó một lúc rồi mỉm cười với chàng thanh niên trẻ đang ngồi cạnh tôi. Sau đó cô ấy nhẹ nhàng bước ra. Cô ấy là người phụ nữ đẹp nhất mà tôi từng thấy. Bờ vai thon thả, cái cằm nghiêng nghiêng, đôi mắt sáng long lanh. Tất cả đều toát lên niềm kiêu hãnh mà không ai có thể phủ nhận.

Tôi quay sang Johnny Lingo và thấy anh ta cũng đang nhìn tôi.

- Anh cũng ngưỡng mộ cô ấy ư? - Johnny thì thầm.

- Cô ấy... cô ấy thật kiêu diễm. - Tôi nói.

- Chỉ có duy nhất một Sarita thôi. Có lẽ cô

ấy không giống như cách họ miêu tả về cô ấy ở Kiniwata.

- Đúng thế. Tôi được nghe kể rằng cô ấy không hấp dẫn. Tất cả bọn họ đều cười anh vì anh đã bị Sam Karoo lừa phỉnh.

- Anh nghĩ tám con bò có quá nhiều không?
- Anh cười hỏi.

- Không. Nhưng tại sao cô ấy có thể thay đổi như vậy?

- Anh có bao giờ nghĩ đến cảm giác của một người phụ nữ khi họ biết rằng người chồng tương lai đã trả một cái giá thấp nhất để có được họ không? Và sau đó, khi những người phụ nữ trò chuyện với nhau, họ sẽ hãnh diện khoe khoang về giá trị vật thách cưới mà họ được trả. Một người sẽ nói là bốn con bò, người khác là sáu. Người phụ nữ chỉ được trả một hoặc hai con bò ấy sẽ cảm thấy thế nào? Điều đó không thể xảy ra với Sarita của tôi.

- Hóa ra anh làm thế chỉ vì muốn cô ấy vui thôi sao?

- Dĩ nhiên là tôi luôn muốn Sarita hạnh phúc. Nhưng điều tôi muốn còn nhiều hơn thế.

Anh nói cô ấy đã khác đi. Đúng thế. Nhiều thứ có thể khiến một người phụ nữ thay đổi. Những yếu tố đó có thể đến từ bên trong cũng có thể xuất phát từ bên ngoài. Nhưng điều quan trọng nhất là cô ấy nghĩ gì về bản thân. Ở Kiniwata, Sarita luôn tự ti rằng mình chẳng là gì cả. Nhưng bây giờ cô ấy đã hiểu rằng cô ấy có giá trị hơn bất cứ người phụ nữ nào ở vùng đảo này.

- Vậy anh muốn...

- Tôi muốn cưới Sarita. Tôi yêu cô ấy chứ không phải một người phụ nữ nào khác.

- Nhưng... - Tôi chợt hiểu ra.

- Nhưng tôi muốn một người vợ với vật thách cưới là tám con bò! - Johnny đáp nhẹ nhàng với cái nháy mắt hóm hỉnh.

- Patricia McGerr

Đảo ngỗng

*Nếu bạn không thể chăm sóc một trăm người
thì hãy chăm sóc từng người một.*

- Mẹ Teresa

“**Đ**ảo Ngỗng” là tên mà các con tôi dùng để gọi một địa danh tôi sắp kể với các bạn dưới đây. Kể ra, việc gọi nó là “đảo” cũng hơi quá lời bởi đó chỉ là một mòm đá nhỏ với vài cái cây khẳng khiu. Khi thủy triều lên đến mức cao nhất, diện tích còn lại của mòm đá đó chỉ còn khoảng 20m².

Mười lăm năm trước đây, mỗi độ xuân về, có một đôi ngỗng từ Canada bay đến mòm đá này làm tổ. Nhưng không phải bất cứ nơi nào trên “đảo” cũng được chúng chọn làm nơi xây tổ. Đôi ngỗng ấy chỉ chọn đúng nơi năm trước chúng đã ở - một cái hốc đá nằm ở vị trí cao nhất so với mặt nước biển.

Ngỗng mẹ nhặt nhanh, thu gom nhánh cây con và cỏ khô để làm tổ. Sau đó, nó rút những chiếc lông mềm từ ngực ra để tạo một lớp nệm vô cùng êm ái trong tổ. Hai cây sơn thủy du mọc cạnh đấy phần nào đã nguy trang giúp cho chiếc tổ khỏi sự dòm ngó từ bên ngoài. Và việc ngỗng mẹ thường nằm im bất động trong tổ cũng góp phần làm cho chiếc tổ trở nên kín đáo hơn. Những người đánh cá thường xuyên đi qua nơi đây cũng không hề hay biết ngỗng mẹ đang nằm trong tổ.

Một mùa xuân nọ, tôi quyết định đi thăm ngỗng mẹ thường xuyên hơn trong thời kỳ nó ấp trứng. Thật tuyệt vời khi bắt đầu ngày mới bằng cách dành ra năm phút để chèo thuyền ra đảo. Tôi luôn mang theo một ít vỏ bánh mì trong các chuyến viếng thăm của mình. Đây là món khoái khẩu của ngỗng mẹ và lần nào nó cũng ăn một cách ngon lành. Trong khi cô nàng mãi mê chú ý đến bánh mì thì tôi có cơ hội được kiểm tra tài sản quý giá nhất trong tổ của nó - 6 quả trứng to tròn trắng tinh.

Vào một thứ Bảy trung tuần tháng Năm, ngỗng mẹ đã ấp trứng được 24 ngày. Khi tôi

ghé thăm, cô nàng không niêm nở đón tiếp như trước và luôn để mắt đến chiếc tổ của mình. Chỉ đến lúc ngỗng mẹ vươn mình ngoạm lấy bánh mì trong giỏ, tôi mới có điều kiện tìm hiểu nguyên nhân vì sao cô nàng lại cáu kỉnh đến vậy. Dưới ngực cô nàng, những đám lông tròn và mềm mại màu vàng nâu đang lấp ló nhìn ra.

Năm chú ngỗng con cực kỳ đáng yêu chen chúc nằm cạnh mẹ trong tổ. Nhưng điều khiến tôi chú ý hơn cả chính là quả trứng còn lại chưa nở. Theo lệ thường, tất cả các trứng được ấp cùng với nhau sẽ nở cùng một lúc. Dù ngỗng mẹ vẫn đang gùm gùm để phòng nhưng tôi vẫn lừa dịp để nhẹ nhàng nhắc quả trứng chưa nở ra khỏi tổ và đưa nó lên tai nghe. Tôi lắc nhẹ quả trứng nhưng chẳng thấy động tĩnh gì bên trong. Thế rồi một lúc sau, tôi giật mình khi cảm thấy có gì đó đang cựa quậy. Ngay lập tức, tôi nhận ra rằng chú ngỗng con nằm bên trong không đủ sức để đập vỡ vỏ trứng chui ra ngoài. Rất có thể nó sẽ kiệt sức và bị chết ngạt trong đó nếu không được cứu giúp kịp thời.

Tôi cẩn thận cầm quả trứng đập nhẹ vào hòn đá bên cạnh, lòng hồi hộp không biết chuyện gì

sẽ xảy đến. Vỏ trứng toác ra, để lộ một nhúm lông tơ ướt nhẹp, một cái mỏ bé xíu và đôi chân màu xám. Chú ngỗng con nằm im thiêm thiếp, cái đầu ngoẹo sang một bên. Không có dấu hiệu nào của sự sống ở sinh vật bé nhỏ đang nằm trên tay tôi.

Tôi nhẹ nhàng lấy áo sơ mi của mình lau khô cho chú ngỗng nhỏ bé tội nghiệp đó. Thế nhưng việc sưởi ấm của tôi không mang lại kết quả. Cuối cùng tôi đành đặt chú ngỗng đáng thương nằm giữa anh em của chúng rồi ra về để mọi thứ được diễn ra một cách tự nhiên.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy thật sớm. Hôm nay là ngày dành cho Mẹ.

Trong lúc cùng các con chuẩn bị một bữa điểm tâm thật đặc biệt cho gia đình, đầu tôi vẫn cứ nghĩ đến hình ảnh chú ngỗng con không đủ sức chui ra khỏi vỏ trứng hôm qua. Sau bữa sáng, tôi quyết định sẽ chèo xuống ra đảo và mang theo một khẩu phần đặc biệt dành cho ngỗng mẹ. Tôi muốn chúc mừng nó đã cho ra đời năm chú ngỗng con xinh xắn nhân Ngày của Mẹ.

Khi đứng ở mũi thuyền với giỏ bánh mì trong tay, tôi đã nhìn thấy một hình ảnh tuyệt đẹp: trước mắt tôi, ngỗng mẹ và sáu chú ngỗng con đang đi dạo bên ngoài tổ.

Tôi có cảm giác như cô nàng ngỗng muốn khoe với tôi về đàn con đáng yêu của nó. Và tôi biết rằng những nỗ lực của mình hôm qua là có ý nghĩa.

- Tom Lusk

Cuộc đua cuối cùng của John Baker

*Trước khi nhắm mắt xuôi tay,
mỗi người nên nỗ lực tìm ra mình
đến từ đâu, mình nên theo đuổi điều gì
và lý do của những điều đó.*

- James Thumber

Mùa xuân năm 1969 mở ra trước mắt chàng trai hai mươi bốn tuổi John Baker một tương lai xán lạn. Ở đỉnh cao phong độ, Baker - vận động viên điền kinh đầy triển vọng, đang là tâm điểm của giới truyền thông với biệt danh “đôi chân thần tốc của thế giới” - đã quyết định gắn ước mơ lớn nhất của đời mình vào mục tiêu trở thành người đại diện cho nước Mỹ tham dự Thế vận hội Olympic 1972.

Những năm đầu, khi mới bước chân vào làng thể thao, không ai biết đến cái tên John

Baker và cũng chẳng có dấu hiệu nào cho thấy anh sẽ là vận động viên tiềm năng. Với thân hình mảnh khảnh, chiều cao hơi khiêm tốn so với đa phần thanh thiếu niên Albuquerque⁽¹⁾, ở trường phổ thông, anh bị đánh giá là “*không phù hợp*” với điền kinh. Nhưng sự kiện xảy ra giữa năm học thứ ba đã thay đổi cả cuộc đời Baker.

Khi đó, vị huấn luyện viên điền kinh ở trường phổ thông Manzano, Bill Wolffarth, đang ra sức thuyết phục một vận động viên cao lớn và triển vọng là John Haaland - người bạn thân nhất của Baker - tham gia vào đội tuyển điền kinh. Haaland đã từ chối. Một ngày nọ, Baker gợi ý huấn luyện viên rằng: “*Xin thầy hãy cho em gia nhập đội, rồi Haaland cũng sẽ đồng ý thôi*”. Wolffarth chấp thuận. Từ đó John Baker trở thành một vận động viên điền kinh. Ít lâu sau, Haaland cũng tham gia cùng bạn.

Cuộc thi đấu đầu tiên của Baker là một chặng đua băng cánh đồng dài gần 3 km xuyên qua các ngọn đồi thấp dưới chân núi phía đông Albuquerque. Mọi con mắt đều đổ dồn vào vận

(1) Albuquerque (phát âm như “An-bơ-cơ-ky”): Một thành phố ở trung tâm tiểu bang New Mexico, Hoa Kỳ.

động viên hạt giống của bang là Lloyd Goff. Ngay sau tiếng súng khai cuộc, đội hình cuộc đua diễn ra đúng như mong đợi của mọi người, trong đó Goff dẫn đầu còn Haaland mãi miết bám gót. Các vận động viên lần lượt băng mình vào ngọn đồi thấp nằm trong lượt chạy bền của vòng đua. Một phút qua đi. Rồi hai phút. Sau đó người ta thấy một vận động viên đơn độc bứt phá. Huấn luyện viên Wolffarth thúc cùi chỏ về phía người trợ lý. Ông tự hào: *“Chính là Goff đấy”*. Ông cầm chiếc ống nhòm lên, bắt chợt sừng sốt: *“Nhầm rồi. Không phải Goff. Đó là Baker!”*.

Bỏ xa cả rừng vận động viên đang kinh ngạc phía sau, Baker đã một mình chạm đích. Thành tích của anh là 8:03.5 - một kỷ lục mới.

Chuyện gì đã xảy ra trên ngọn đồi đó? Sau này, Baker đã giải thích rằng, sau một nửa chặng đua mãi miết bám gót nhiều vận động viên khác, anh tự hỏi mình rằng: *“Ta đã làm hết sức của mình chưa?”*. Anh không biết. Rồi đôi mắt anh gắn chặt vào lưng vận động viên đang dẫn ngay phía trước. Anh loại bỏ mọi suy nghĩ khác ra khỏi đầu, chỉ còn trong tâm trí

một ngọn lửa quyết tâm đang bùng cháy: bắt kịp, vượt qua vận động viên phía trước rồi sau đó bám đuổi những người kế tiếp. Trong giây phút ấy, toàn thân anh sôi sục một nguồn sinh khí kỳ diệu. *“Tôi như bị thôi miên”* - Baker hồi tưởng. Anh lần lượt bỏ xa từng đối thủ. Bỏ qua sự rã rời của cơ bắp, anh quyết tâm duy trì vận tốc đáng kinh ngạc cho tới khi chạm đích rồi khụy xuống vì kiệt sức.

Cuộc đua đó có phải chỉ là một may mắn của Baker hay không? Tiếp trong mùa giải, Wolffarth đã đưa Baker tham dự một số cuộc đua khác và chiến thắng tiếp tục mỉm cười với anh. Một khi đã đặt chân vào đường đua, người thanh niên bình dị, hóm hỉnh ấy sẽ vụt biến thành một đối thủ đáng sợ, không khoan nhượng - một tay đua không thể bị đánh bại. Hết năm thứ ba, Baker đã phá sáu kỷ lục của bang New Mexico và đến năm cuối, anh được công nhận là vận động viên chạy nhanh nhất từng có của bang. Khi đó anh vẫn chưa bước sang tuổi 18.

Mùa thu năm 1962, Baker đổ vào Đại học New Mexico ở Albuquerque và cũng tại đây, anh

tiếp tục quá trình luyện tập gian khổ. Mỗi sáng tinh mơ, với can nước trên tay để đối phó với những chú chó hung dữ, Baker chạy băng qua những dãy phố dài, công viên và sân golf - chừng bốn mươi cây số. Ngay sau đó, ở Abilene, Tulsa, thành phố Salt Lake hay bất cứ nơi đâu diễn ra các cuộc đua, John Baker “bất bại” đều khiến giới truyền thông phải bối rối khi nắm gọn danh hiệu vận động viên yêu thích.

Sau khi tốt nghiệp, Baker buộc phải cân nhắc trước nhiều lựa chọn. Trường đại học đang cần tuyển một huấn luyện viên, điều đó thỏa mãn niềm mong mỏi được làm việc cùng các bạn trẻ trong anh. Nhưng còn giấc mơ của cả đời anh - điền kinh? Vâng, anh đang mong chờ tới Thế vận hội Olympic. Cuối cùng, anh đã lựa chọn một công việc cho phép anh theo đuổi cả hai niềm đam mê, đó là trở thành huấn luyện viên cho trường tiểu học Aspen ở Albuquerque, và bắt đầu thời gian tập luyện đầy gian khổ để hướng tới Thế vận hội 1972.

Ở trường Aspen, người ta thấy ở Baker một con người mới. Trên sân chơi, anh không có cái vẻ khó chịu của một ngôi sao chỉ biết chỉ trích

về sự kém cỏi của học sinh. Yêu cầu duy nhất của anh là bọn trẻ phải cố gắng hết sức mình. Sự thẳng thắn và quan tâm chân thành của anh đã đem lại những tác động kỳ diệu đối với học trò. Huấn luyện viên Baker là người đầu tiên bọn trẻ tìm đến tâm sự, chia sẻ. Dù lớn hay nhỏ, mỗi lời phàn nàn đều được anh lắng nghe và giải quyết như thể đó là vấn đề quan trọng nhất thế giới.

Vào đầu tháng 5 năm 1969, ngay trước ngày sinh nhật thứ 25, Baker bỗng cảm thấy thương xuyên bị xây xẩm trong giờ làm việc. Hai tuần sau đó, chứng đau ngực bắt đầu hành hạ anh và một buổi sáng gần cuối tháng, anh thức dậy với một bên háng sưng phồng đau đớn. Anh đành phải tới gặp bác sĩ.

Theo nhận định của bác sĩ khoa tiết niệu Edward Johnson, triệu chứng bệnh của Baker rất đáng ngại và anh cần phải tiến hành một ca phẫu thuật ngay lập tức để tìm hiểu nguyên nhân. Ca mổ đã chứng thực cho nỗi nghi ngại của bác sĩ. Một bên tinh hoàn của Baker bị ung thư và đang lan rộng. Mặc dù không nói ra nhưng vị bác sĩ dự đoán rằng dù có thực hiện ca

phẫu thuật thứ hai, Baker cũng chỉ sống được chừng sáu tháng nữa.

Trong thời gian nằm nhà dưỡng sức để chuẩn bị cho ca mổ thứ hai, Baker phải đương đầu với sự thật nghiệt ngã là anh sẽ không thể tiếp tục các cuộc đua và giấc mơ tham dự Olympic cũng tan thành bọt nước. Công việc huấn luyện của anh chắc cũng nhanh chóng kết thúc. Và điều tồi tệ nhất là gia đình anh sẽ không tránh khỏi buồn đau khi nhận tin dữ này.

Vào ngày Chủ nhật trước khi thực hiện ca mổ thứ hai, Baker một mình lái xe lên núi. Anh biến mất trong nhiều giờ liền. Cho đến khi anh trở về thì trời đã tối. Lúc này toàn bộ suy nghĩ của anh đã thay đổi. Nụ cười rạng rỡ quen thuộc lại xuất hiện trên môi, vẻ mặt u tối thất thần trước đó cũng biến mất. Và hơn cả thế, đây là lần đầu tiên sau hai tuần, anh đề cập tới những dự định cho tương lai. Khuya hôm đó, anh đã kể cho Jill - chị gái anh, những chuyện xảy ra vào ngày hôm ấy.

Anh đã lái xe tới Sandia Crest, đỉnh núi hùng vĩ cao gần 3.200 mét nằm che lấp đường chân trời phía tây Albuquerque. Khi ô tô lướt

đi giữa những vách núi dựng đứng, tâm trí anh lan man với những suy nghĩ rằng mình chỉ biết đem lại đau khổ cho người thân. Bỗng dưng anh muốn kết thúc viễn cảnh đau đớn đó và giải thoát cho chính mình ngay tại đây, trong giây lát. Lặng nhắm lời cầu nguyện, anh bắt đầu tăng tốc, còn chân dò dẫm chiếc thắng xe khẩn cấp. Bất chợt, một hình ảnh lướt qua mắt anh - gương mặt của những đứa trẻ ở trường tiểu học Aspen - những học sinh mà anh luôn dạy chúng rằng phải nỗ lực hết mình trước mọi khó khăn. Nếu anh tự tử, chúng sẽ nghĩ sao? Tự trong đáy lòng, anh cảm thấy vô cùng hổ thẹn, anh giảm tốc rồi cho xe dừng hẳn lại, ngồi sụp xuống ghế và bật khóc. Sau một hồi, nỗi sợ hãi trong lòng anh dần lắng dịu, anh thấy mình thanh thản. Rồi anh tự nhủ: *“Bất kể sống được bao lâu đi nữa, mình cũng phải sống hết mình với bọn trẻ”*.

Đến tháng 9, sau cuộc phẫu thuật mở rộng và những buổi trị liệu trong hè, Baker lại lao vào công việc. Không những thế, anh còn thêm vào bản kế hoạch dày đặc của mình một nhiệm vụ mới - *thể thao cho người khuyết tật*. Dù bị khiếm khuyết về thể chất nhưng những đứa trẻ

một thời chỉ biết đứng ngoài nhìn vào giờ đây đã được đảm nhận những vị trí như “*người bấm giờ cho huấn luyện viên*” hay “*giám sát viên*”. Tất cả đều mặc đồng phục áo nịt len của Aspen và đều được nhận dải ruy băng của huấn luyện viên Baker một cách bình đẳng sau những nỗ lực của mình. Những dải ruy băng này được chính tay Baker làm ra tại nhà vào các buổi tối từ các nguyên liệu mà anh dùng tiền cá nhân để mua.

Kể từ ngày lễ Tạ ơn, hầu như mỗi ngày Baker đều nhận được thư cảm ơn từ các bậc phụ huynh ở Aspen. Cho đến trước Giáng sinh, số thư đó đã lên tới con số 500. Một bà mẹ viết: “*Con trai tôi là một quý nhỏ vô cùng nghịch ngợm. Dựng nó dậy, cho ăn và đưa đi học là một công việc không dễ chịu chút nào. Nhưng giờ đây, thằng bé luôn nháp nhồm chờ được tới trường*”. Một bà mẹ khác chia sẻ: “*Dù con trai tôi có quả quyết thế nào đi nữa, tôi vẫn không thể tin nổi trường Aspen lại có một người thầy vĩ đại đến vậy, tôi đã bí mật lái xe tới trường để quan sát huấn luyện viên Baker tập luyện cùng bọn trẻ. Con trai tôi đã đúng*”. Và đây là lời tâm sự từ ông bà của một cô bé: “*Ở các trường khác, chỉ vì vụng về mà cháu gái tôi*

từng phải trải qua rất nhiều điều kinh khủng. Nhưng trong năm học tại Aspen, huấn luyện viên Baker đã cho con bé một điểm A vì sự nỗ lực hết mình của nó. Điều này thật tuyệt vời. Anh ấy đã giúp một đứa trẻ nhút nhát trở nên tự tin vào bản thân”.

Vào tháng 12, trong lần đến chỗ bác sĩ Johnson để tái khám định kỳ, Baker đã kể về chứng đau họng và đau đầu. Các xét nghiệm cho thấy khối u ác tính đã di căn lên cổ và não. Vị bác sĩ hiểu rằng trong suốt bốn tháng qua, Baker đã âm thầm chịu đựng sự giãy vò đau đớn của căn bệnh quái ác, anh đã dùng khả năng tập trung phi thường để quên đi đau đớn cũng như anh từng làm để quên đi sự rã rời của cơ bắp trên đường đua. Johnson gợi ý Baker về việc tiêm thuốc giảm đau nhưng anh từ chối. “Tôi muốn ở bên bọn trẻ bất cứ khi nào còn có thể,” - anh nói. “Tiêm thuốc giảm đau sẽ khiến khả năng phản ứng của tôi kém đi”.

Sau này Johnson chia sẻ: “Kể từ giây phút đó, trong mắt tôi, John Baker là một trong những người vì mọi người nhất mà tôi từng biết”.

Đầu năm 1970, Baker nhận được lời đề nghị hỗ trợ huấn luyện một câu lạc bộ điền kinh nhỏ dành cho nữ ở độ tuổi từ tiểu học tới trung học ở Albuquerque mang tên Duke City Dashers. Anh nhận lời ngay lập tức, và giống với học sinh ở Aspen, các nữ học viên ở Dashers cũng nhiệt tình đón nhận vị huấn luyện viên mới.

Một ngày, trong buổi thực hành, Baker mang tới một chiếc hộp bí ẩn và tuyên bố rằng mình sẽ có hai phần thưởng, trong đó, một phần thưởng sẽ dành tặng cho người không bỏ cuộc dù chưa từng chiến thắng. Khi Baker mở hộp, các nữ học viên đều háo hức tò mò. Trong đó là hai chiếc cúp bằng vàng sáng bóng. Kể từ đó, Dashers thường nhận được những chiếc cúp như vậy. Một tháng sau, gia đình Baker khám phá ra rằng những chiếc cúp đó chính là thành quả anh đạt được từ ngày tham gia thi đấu; anh đã lấy chúng ra và cẩn thận xóa đi tên mình.

Mùa hè đến, với sự nỗ lực không ngừng, Duke City Dashers đã liên tiếp phá kỷ lục tại các cuộc thi khắp New Mexico và các bang lân cận. Trong niềm tự hào, Baker đã dự đoán rằng: *“Dashers sẽ lọt vào trận chung kết quốc*

gia AAU (Association of American University - Hội các trường đại học ở Mỹ)".

Nhưng một rắc rối mới đã ập đến với Baker. Các mũi tiêm trong liệu pháp hóa trị khiến anh buồn nôn dữ dội và không thể nào gượng dậy nổi. Nhưng dù thể lực có bị suy kiệt, anh vẫn tiếp tục công việc dìu dắt Dashers. Anh thường ngồi trên một ngọn đồi phía trên khu tập luyện để cổ vũ học viên của mình.

Một buổi chiều tháng 10, khi anh đang ngồi quan sát các học viên trên đường chạy, một nữ học viên đã chạy lên đồi, tiến về phía Baker. Giọng cô bé hào hứng: *"Thưa thầy, thầy đã dự đoán đúng! Chúng em đã được mời tham gia trận chung kết AAU ở St. Louis vào tháng tới"*.

Baker đã hân hoan nói với bạn bè rằng anh hy vọng mình sống đủ lâu để theo dõi trận đấu đó.

Nhưng mọi chuyện không diễn biến tốt đẹp như mong đợi của Baker. Buổi sáng ngày 28 tháng 10, tại Aspen, Baker đột ngột ôm bụng rồi ngã lịm giữa sân trường. Kết quả xét nghiệm cho thấy khối u di căn đã bị vỡ và gây sốc. Baker từ chối nằm viện và năn nỉ được trở lại trường học

trong những ngày cuối cùng của đời mình. Anh nói với cha mẹ rằng anh muốn bọn trẻ sẽ nhớ tới anh với dáng đi vững chãi chứ không phải một bệnh nhân nằm bẹp dí chờ chết.

Sự sống của Baker giờ chỉ còn duy trì nhờ những lần truyền máu và thuốc giảm đau. Anh đau đớn nhận ra rằng chuyến đi tới St. Louis để theo dõi trận đấu của Dashers sẽ không thể trở thành hiện thực. Vì thế anh không ngừng gọi điện thoại cho nhóm vào mọi buổi tối cho tới khi nhắc nhở tất cả các nữ học viên phải cố gắng hết mình trong trận đấu.

Chiều tối ngày 23 tháng 11, Baker lại một lần nữa ngất đi. Trí não anh đã không còn tỉnh táo trên đường đi cấp cứu. Dù vậy, anh vẫn nói với cha mẹ qua hơi thở thều thào rằng: *“Bố mẹ hãy bật đèn lên. Con muốn chào tạm biệt hàng xóm của mình theo cách này”*. Sáng ngày 26 tháng 11, anh cố gượng dậy trên giường bệnh và nói với mẹ: *“Con xin lỗi vì đã gây ra nhiều phiền phức đến vậy”*. Sau tiếng thở khê, anh dần khép mắt lại, đôi tay vẫn nằm trong bàn tay của mẹ. Đó là ngày lễ Tạ ơn năm 1970 - mười tám tháng sau lần tái khám cuối cùng của John Baker với bác sĩ

Johnson - anh đã đẩy lùi tử thần để kéo dài cuộc sống thêm mười hai tháng.

Hai ngày sau, đội Duke City Dashers đã giành thắng lợi trong giải vô địch AAU tại St. Louis. Với hai hàng nước mắt chảy dài trên má, họ hô vang: *“Xin dành tặng huấn luyện viên Baker”*.

Có lẽ câu chuyện về John Baker đến đây là kết thúc ngoại trừ một sự kiện xảy ra sau đám tang của anh. Một số học sinh của Aspen bắt đầu gọi trường học bằng cái tên *“Trường John Baker”* và tên gọi đó nhanh chóng lan rộng. Sau đó, một cuộc vận động đã xuất hiện để chính thức hóa tên gọi mới. Những đứa trẻ nói: *“Đó là trường học của chúng ta và chúng ta muốn trường mang tên thầy John Baker”*. Ban giám hiệu trường Aspen đã trình bày vấn đề này lên hội đồng giáo dục ở Albuquerque và hội đồng đã gợi ý về một cuộc trưng cầu dân ý. Vào đầu xuân năm 1971, 520 gia đình ở quận Aspen đi bỏ phiếu. Kết quả là cả 520 phiếu đều tán đồng.

Tháng 5 năm đó, trong ngày lễ có sự có mặt của hàng trăm người bạn của Baker cùng toàn thể học sinh của anh, trường Aspen đã chính

thức đổi tên thành *Trường tiểu học John Baker*. Ngày nay, ngôi trường ấy vẫn hiện diện như một “*tượng đài sống*” dành tặng người thanh niên can đảm, người mà trong thời khắc tăm tối nhất của cuộc đời đã biến bi kịch đau đớn thành một huyền thoại sống mãi cùng thời gian.

- William J. Buchanan

Sứ mệnh của Antonia

Người có lý do để sống có thể vượt qua tất cả.

- Friedrich Nietzsche

Câu chuyện về bà vẫn được người dân khắp vùng Tijuana, Mexico truyền tụng, một trong số đó là câu chuyện về cuộc nổi loạn tại nhà tù La Mesa. Ngày ấy, 2.500 tù nhân bị giam hãm trong một khu trại với sức chứa chỉ 600 người đã nổi giận và ném chai lọ về phía cảnh sát. Để đối phó, những viên cảnh sát này đã dùng một loạt súng máy bắn trả.

Trong lúc vụ hỗn loạn này đang ở độ cao trào, một hình ảnh hết sức kinh ngạc đập vào mắt mọi người: một phụ nữ nhỏ nhắn, cao chừng 1,6 mét, khoảng 63 tuổi trong bộ quần áo nữ tu thanh

khiết đã điềm tĩnh đi vào khu chiến sự, tay dang rộng bày tỏ thiện chí hòa bình. Không chút ngại ngần trước những làn “mưa đạn”, chai lọ bay vèo vèo, bà đứng yên lặng rồi đề nghị mọi người dừng lại. Thật kỳ lạ là ai nấy đều nghe theo lời bà. *“Không ai trên thế giới ngoại trừ xơ Antonia có thể làm được điều kỳ diệu này.”* - Robert Cass - một người tù tại đó nay đã trở lại cuộc sống bình thường - chia sẻ: *“Bà đã làm thay đổi cuộc sống của hàng ngàn người”*.

Ở Tijuana, khi xơ Antonia đi dạo trên hè phố, người đi đường không ai bảo ai tự động dừng lại; những người dân ở đây trù mến gọi bà là Mẹ Teresa⁽²⁾ của mình. Trong hơn một phần ba thế kỷ qua, bà đã sống - một cách tự nguyện trong ngôi nhà nhỏ chỉ chừng mười mét vuông ở La Mesa, không có nước nóng và xung quanh toàn là những kẻ sát nhân, trộm cắp, nghiện ngập. Tất cả bọn họ đều được bà gọi với cái tên âu yếm “con trai”. Bà chú tâm tới

(2) Mẹ Teresa (1910 –1997): Nữ tu người Albania – người đã sáng lập ra Dòng Thừa sai Bác ái ở Calcutta, Ấn Độ năm 1950. Suốt hơn bốn mươi năm, bà đã chăm sóc người nghèo, bệnh tật, trẻ mồ côi, người hấp hối và giữ nhiệm vụ lãnh đạo dòng tu phát triển khắp Ấn Độ cũng như các quốc gia khác trên thế giới.

những nhu cầu hàng ngày của họ, kiếm cho họ thuốc kháng sinh, phân phát mắt kính, khuyên can những người định tự tử và tắm rửa cho các thi thể trước khi đem chôn. *“Tôi phải chuẩn bị mọi thứ để phòng ai đó bị đâm vào lúc giữa khuya.”* - Bà giải thích mà không hề biểu lộ sự phàn nàn nào.

Đó là một thế giới hoàn toàn đối lập với vùng ngoại ô sang trọng ở Beverly Hills⁽³⁾, nơi xơ Antonia - hay Mary Clarke - lớn lên. Cha của bà từ một người thấp hèn đã vươn lên trở thành ông chủ của một công ty làm ăn phát đạt chuyên cung cấp vật dụng cho các văn phòng. *“Cha tôi luôn nhắc nhở rằng, chúng ta sẽ dễ dàng vượt qua mọi thứ khi chúng ta giàu có.”* - Bà nhớ lại. Ông cũng bảo bà: *“Đã là con gái của Beverly Hills thì sẽ mãi mãi là con gái của Beverly Hills”*. Và bà tin vào điều đó.

Bà nói: *“Tôi là một người khá lãng mạn, cho đến bây giờ tôi vẫn vậy, thực sự là như thế. Tôi luôn nhìn thế giới bằng lăng kính màu hồng”*. Clarke lớn lên trong thời kỳ hoàng kim

(3) Beverly Hills: Thành phố phía tây của hạt Los Angeles ở California, Hoa Kỳ, là nơi ở của nhiều nghệ sĩ nổi tiếng Hollywood và những người giàu có.

của Hollywood - khi các ngôi sao thường nhảy điệu clacket⁽⁴⁾, đồng thời, đây cũng là khoảng thời gian diễn ra thế chiến thứ hai. Với vẻ đẹp quyến rũ của tuổi thanh xuân, bà không thiếu những buổi tối cuối tuần dập dìu trong điệu nhảy với các chàng lính trẻ ở cảng tin và cùng họ mơ mộng về tương lai. Ước mơ của bà rất bình dị: một người chồng, những đứa con và một ngôi nhà như vẫn gặp trong sách vở.

Tất cả đều diễn ra đúng như nguyện ước của bà. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, Clarke kết hôn và sinh hạ bảy người con. Gia đình bà luôn rộn rã tiếng cười. Hai mươi lăm năm sau, cuộc hôn nhân ấy kết thúc bằng một phiên tòa ly dị. Đây là nỗi đau mãi dai dẳng trong lòng bà và không bao giờ bà muốn đề cập tới. Bà nói: *“Một giấc mơ kết thúc không đồng nghĩa với việc nó chưa từng một lần trở thành hiện thực. Điều quan trọng bây giờ là cuộc sống hiện tại của tôi”*.

Sau khi cuộc hôn nhân tan vỡ và các con đã trưởng thành, bà đưa ra một quyết định rất bản năng rằng mình phải giúp đỡ những người

(4) Clacket: Điệu nhảy dùng bàn chân gõ nhịp cầu kỳ.

ít may mắn hơn. Nỗi đau của người khác luôn khiến bà thổn thức. “Trong buổi công chiếu phim *Cuộc nổi loạn trên tàu Bounty*⁽⁵⁾, tôi đã bước ra khỏi rạp vì không thể chịu đựng nổi khi chứng kiến cảnh người ta bị trói vào cột và bị đánh đập dã man.” - Bà chia sẻ. Bà vẫn tiếp tục công việc kinh doanh của cha suốt mười bảy năm sau khi ông qua đời nhưng bà không muốn mở rộng thêm nữa. Bà nói: “*Những cuộc gọi nhằm mục đích kinh doanh cũng tiêu tốn sức lực ngang với những cú điện thoại để hiến tặng giường cho các bệnh viện ở Peru. Có những lúc bạn không thể chỉ đứng ngoài quan sát. Bạn cần phải bước qua ranh giới đó*”.

Và trong trường hợp của Mary Clarke, bà đã có một bước tiến lớn. Vào giữa những năm 60, bà bắt đầu chuyến hành trình qua vùng biên giới Mexico cùng một vị linh mục để phân phát thuốc cho người nghèo. Bà kể lại: “*Vào thời gian đó,*

(5) Cuộc nổi loạn trên tàu Bounty (Mutiny on the Bounty): Bộ phim kể về sự kiện có thật xảy ra năm 1789. Chuyến tàu mang tên Bounty của Hoàng gia Anh nhận sứ mệnh đến đảo Tahiti để tìm giống cây “bánh mì” (breadfruit, còn được gọi là cây “sa kê”). Chỉ huy con tàu là thuyền trưởng Bligh - một người độc đoán và khắt khe, đã thúc ép các thủy thủ bằng nhiều biện pháp cứng rắn, kể cả dùng roi quất.

người Mexico duy nhất mà tôi biết chỉ là những người làm vườn”. Giờ đây bà tự thấy bản thân có thể hòa nhập hết mình với mọi người.

Cuộc sống thứ hai của Mary Clarke bắt đầu vào cái ngày bà cùng vị cha xứ bị lạc đường ở Tijuana. Trong khi tìm kiếm một trại giam địa phương, họ tình cờ đi vào La Mesa. Những điều tai nghe mắt thấy ở đó khiến bà xúc động. *“Trong bệnh xá la liệt những người bệnh không thể nhắc nổi thân mình khi bạn bước vào”*. Bà đã ở lại đây vài đêm, ngủ cùng giường với những bệnh nhân nữ, học tiếng Tây Ban Nha và ra sức giúp đỡ những người bệnh cùng gia đình họ bằng mọi cách mà bà có thể.

Năm 1977, khi cảm nhận sâu sắc rằng mình đã tìm ra mục đích thực sự mà Chúa giao phó, Mary Clarke quyết định trở thành nữ tu Antonia. Nhà tù La Mesa trở thành ngôi nhà thường trú của bà, thậm chí cả trong những đêm Giáng sinh. *“Con cái đều hiểu nguyện vọng của bà.”* - Người bạn Noreen Walsh-Begun

của bà chia sẻ. *“Chúng hiểu rằng bà đã hết lòng vì chúng và giờ đây bà san sẻ sự quan tâm của mình cho những người khác”.*

Cass - một bệnh nhân đã đặt tên con gái theo tên của xơ Antonia - nói rằng: *“Tôi không biết làm thế nào người ta có thể theo kịp bà. Bà rất bận rộn nhưng luôn luôn có thời gian cho mọi người. Không phải tự nhiên mà mọi người lại yêu mến bà đến vậy”.*

Theo lời của xơ Antonia, tình yêu là thứ bà sẵn sàng chia sẻ cho mọi người. Bà nói: *“Tôi căm ghét tội ác nhưng không thờ ơ với những người phạm tội. Mới sáng nay thôi, tôi đã trò chuyện cùng một thanh niên trẻ mới mười chín tuổi, cậu vừa lấy cấp một chiếc xe ô tô. Tôi đã hỏi cậu bé rằng cậu bé có hiểu chiếc xe ấy quan trọng nhường nào với một gia đình và họ phải mất bao lâu mới có thể mua một chiếc xe mới hay không. Tôi nói “Ta yêu mến con nhưng không thể thông cảm với con. Con đã có bạn gái chưa? À, có thể một ai đó đang lấy cấp đồ của cô ấy trong khi con đang ở đây đấy”. Sau đó, tôi ôm lấy cậu”.* Bà luôn dang rộng cánh tay với mọi người, trong đó có cả những người lính gác mà bà đã khuyên can.

Là một diễn giả uy tín, có khả năng lay động lòng người, bà đã thu hút được một số lượng lớn người ủng hộ cho việc quyên góp mọi vật dụng, từ chăn đệm, thuốc men tới tiền bạc. Trong đó có một nha sĩ ở địa phương đã cung cấp hàng ngàn bộ răng giả theo giá gốc cho các tù nhân chưa từng một lần nhìn thấy chiếc bàn chải đánh răng. *“Để có được việc làm, bạn cần phải có một nụ cười thân thiện.”* - Xơ Antonia giải thích. Xơ còn tự nhận mình là người may mắn nhất trên hành tinh này. Xơ nói: *“Tôi sống trong một nhà tù nhưng trong suốt hai mươi bảy năm qua, tôi chưa từng phải nếm trải một ngày sống trong đau khổ, tôi chưa từng một lần cảm thấy tuyệt vọng. Và tôi cũng chưa bao giờ cảm thấy mình bất lực trong hành trình biến mọi thứ trở nên tốt đẹp hơn”*.

- Gail Cameron Wescott

Giữa những con sóng

Cuộc sống không phải lúc nào cũng êm đềm, nó luôn tiềm ẩn những biến cố thăng trầm tựa như những đợt sóng ngoài đại dương - đợt này chưa dứt, đợt khác đã dâng trào. Ở giữa những nhịp sóng gấp gáp đó, để có cho mình những phút giây ngưng nghỉ, suy ngẫm về con đường sắp tới thì thật không đơn giản. Tuy nhiên, chính những khoảng lặng, những phút giây ngưng nghỉ ấy lại vô cùng quan trọng đối với sự hoàn thiện của mỗi người.

Bill Tammeus từng mô tả một cách sinh động sức mạnh của những khoảng lặng đó trong một trang nhật ký viết vào tháng 12 năm 1989 rằng:

Có một khoảnh khắc đặc biệt khi những con sóng trào dâng. Nó xuất hiện ngay vào thời khắc mà một con sóng nhào mình vào cát trắng nhưng không vội vã trở lại biển khơi mà lặng lẽ dừng lại. Trong không đến một giây, những con sóng ngừng xô nhau và nhờ sự trong vắt đó tôi có thể thấy rõ đáy cát bên dưới, thấy rõ những viên sỏi, những vỏ sò và thấy cả những hạt cát vàng lấp lánh.

Đôi khi tôi nghĩ khoảnh khắc đó chính là khoảnh khắc chúng ta được ban tặng để nhìn nhận những điều đang thực sự diễn ra trong cuộc đời này. Khoảng lặng nhỏ nhoi đó chẳng khác nào động lực giúp chúng ta chạm tới trạng thái cân bằng rất hiếm hoi. Rồi những con sóng lại chìm xuống nhường chỗ cho đợt sóng mới trào lên và chúng ta sẽ mất sự trong vắt chỉ kéo dài trong tích tắc.

Vì thế, khi đáy nước trong veo, khi tất cả như ngừng nhịp, lặng im, dịu vợi, chúng ta nên nắm lấy nó, cất giữ nó trong sâu thẳm lòng mình để khi những đợt sóng mới trào lên, chúng ta vẫn có thể giữ mình cân bằng.

Những khoảnh khắc ấy khiến bạn nhận ra tiềm năng còn ẩn chứa trong con người mình. Những khoảnh khắc giúp bạn vượt lên tổn thương và nghịch cảnh. Hãy trân trọng và giữ gìn những khoảnh khắc ấy. Hãy giữ chúng trước tiên trong tâm trí mình, để khi những ngọn sóng của vụn vặt lo toan và bộn bề công việc bủa vây, bạn vẫn có thể giữ cho mình sự lạc quan và tập trung vào những ước mơ lớn lao nhất của đời mình.

- Stephen Covey

Nghệ sĩ đàn cello ở Serajevo

*Chỉ cần một ngôi sao nhỏ bé
cũng có thể tỏa sáng trong bầu trời đêm.*

- Cách ngôn

Là một nghệ sĩ dương cầm, có lần tôi từng được mời tham gia biểu diễn cùng nghệ sĩ đàn cello Eugen Friesen tại Festival quốc tế dành cho đàn cello ở Manchester, Anh. Cứ hai năm một lần, một nhóm các nghệ sĩ đàn cello danh giá nhất thế giới cùng những người cống hiến hết mình cho loại nhạc cụ khiêm nhường này lại tụ hội một tuần để thảo luận, dạy nhạc cao cấp, nghiên cứu, độc tấu và tổ chức những buổi tiệc tùng vui vẻ. Thường mỗi tối sẽ có khoảng 600 người quay quần chờ đón buổi hòa nhạc.

Buổi biểu diễn trong đêm khai mạc tại Học viện Âm nhạc Hoàng gia phía Bắc gồm những tác phẩm dành cho đàn cello, không kèm nhạc đệm. Trên sân khấu hội trường trắng lè chỉ đặt duy nhất một chiếc ghế. Không đàn piano, không dàn nhạc, không bục cho người chỉ huy. Vang vọng khắp hội trường chỉ có tiếng cello thanh khiết, say đắm lòng người. Bầu không khí như ngưng đọng, cảm giác thăng hoa tràn ngập khắp thính phòng.

Nghệ sĩ đàn cello nổi danh nhất thế giới Yo-Yo Ma⁽⁶⁾ là một trong những nghệ sĩ đã biểu diễn vào một đêm tháng 4 năm 1994. Chất chứa sau tác phẩm âm nhạc của ông là một câu chuyện đầy cảm động.

Vào ngày 27 tháng 5 năm 1992, tại Sarajevo, một trong các hiệu bánh mì hiếm hoi còn đủ bột mì đã quyết định làm bánh để phát chẩn cho những người đói khổ, nạn nhân của cuộc chiến tranh tàn khốc. Vào lúc 4 giờ sáng, trong khi đoàn người đứng xếp thành hàng dài trên

(6) Yo-Yo Ma: Nghệ sĩ bậc thầy về đàn cello người Mỹ gốc Trung Quốc, sinh ra ở Pháp vào ngày 7 tháng 10 năm 1955. Ông đồng thời còn là nhà soạn nhạc nổi tiếng từng giành nhiều giải Grammy.

hè phố thì bỗng đâu, một quả đạn súng cối rơi thẳng xuống giữa hàng người. Một cảnh tượng khủng khiếp lập tức hiện ra, máu me, xương thịt, gạch đá... vương vãi khắp nơi. Hai mươi hai sinh mạng bị cướp đi trong phút chốc.

Cách đó không xa là tư gia của nhà soạn nhạc 35 tuổi - Vedran Smailovic. Trước chiến tranh, anh từng là một nghệ sĩ đàn cello thuộc đoàn nhạc kịch ở Sarajevo, một công việc cao quý mà anh luôn mong chờ được trở lại. Chứng kiến cảnh tượng đẫm máu diễn ra ngoài khung cửa sổ, anh không thể chịu đựng nổi. Đau đớn, anh quyết tâm cống hiến hết mình bằng công việc mà anh làm tốt nhất: âm nhạc. Nhạc cho công chúng, nhạc thể hiện bản lĩnh, nhạc của chiến trường.

Từ đó, trong cả 22 ngày tiếp theo, cứ 4 giờ sáng, Smailovic lại khoác lên người bộ lễ phục trang trọng với chiếc cello bên mình rồi rời khỏi căn hộ, hòa mình vào cuộc chiến đang diễn ra khốc liệt từng ngày. Bên hố đạn súng cối còn sâu hoắm trên mặt đất, anh đặt chiếc ghế bằng nhựa rồi cất cao tiếng đàn cho trích đoạn *Adagio*

in *G minor* của nhà soạn nhạc Albinoni⁽⁷⁾, một trong những đoạn trích thê lương và ám ảnh nhất trong các tác phẩm kịch cổ điển. Anh chơi vì những con phố bị chia cắt, những chiếc xe tải bị đình trệ, những tòa nhà đổ nát và vì những con người đang sợ hãi ẩn mình trong hầm rượu để tránh bom đạn. Trong mưa bom bão đạn, anh đã dùng sự quả cảm của mình để ngồi ca, cổ vũ phẩm giá con người, những người đã hy sinh vì nền hòa bình và hạnh phúc nhân loại. Bất kể làn mưa đạn ào ào trút xuống, anh vẫn ngồi đó, tựa như được bao bọc trong một bàn tay vô hình.

Khi câu chuyện về người đàn ông phi thường này được đăng tải trên các mặt báo, nhà soạn nhạc người Anh - David Wilde, đã vô cùng cảm động. Ông quyết định viết một tác phẩm cho cello không kèm nhạc đệm, “*Nghệ sĩ cello ở Sarajevo*”. Tác phẩm là sự hòa trộn giữa sự oán giận chiến tranh, tình yêu và tình ái hữu với Vedran Smailovic.

(7) Tomaso Giovanni Albinoni (8/5/1671 - 17/1/1751): Nhà soạn nhạc theo xu hướng nghệ thuật Barock người Venice (bắc Ý). Ngoài sự nổi tiếng trong cương vị nhà soạn nhạc opera, ông còn được nhớ tới nhờ những bản nhạc soạn cho nhạc khí, trong số đó, một số bản ngày nay vẫn còn được thu âm.

“*Nghệ sĩ cello ở Sarajevo*” chính là tác phẩm mà Yo-Yo Ma đã chơi trong buổi tối hôm đó.

Yo-Yo Ma bước lên sân khấu, cúi người chào khán giả rồi lặng lẽ ngồi xuống ghế. Bản nhạc bắt đầu vang vọng khắp hội trường. Mỗi giai điệu như mở ra trước mắt mọi người một không gian mờ mịt, trống rỗng, tràn đầy lo âu và chết chóc. Cứ thế, nó dần thăng hoa thành nỗi đau đón quần quai, tiếng kêu xé lòng và sự giận dữ mãnh liệt... Tất cả như bóp nghẹt trái tim những người có mặt tại khán phòng để rồi sau đó lại như chìm lắng trong hơi thở hấp hối của những kẻ tử nạn. Cuối cùng cả hội trường chìm ngập trong sự tĩnh lặng nao lòng.

Khi đã hoàn thành bài biểu diễn, Ma vẫn ngồi im bên chiếc cello, cây vĩ đặt hờ trên phím đàn. Không một ai trong hội trường di chuyển hay tạo nên dù chỉ một tiếng động nhỏ trong một khoảng thời gian dài, cứ như thể họ vừa là chứng nhân của vụ thảm sát kinh hoàng ấy.

Cuối cùng, Ma đưa mắt nhìn xuống khán giả, anh đưa tay ra hiệu mời một người lên sân khấu. Một luồng điện mơ hồ chạy dọc tất cả chúng tôi khi chúng tôi nhận ra con người

đó: Vedran Smailovic - người nghệ sĩ cello ở Sarajevo.

Smailovic đứng lên khỏi ghế và bước ra lối đi giữa các dãy ghế trong khi Ma rời sân khấu để tới gặp anh. Họ ôm lấy nhau chứa chan tình cảm. Mọi người trong hội trường không khỏi xôn xao, họ tỏ ra rất phấn khích, vỗ tay reo hò và cổ vũ.

Ở trung tâm hội trường đó là hai người đàn ông - Yo-Yo Ma - ông hoàng tao nhã, tinh tế của dòng nhạc cổ điển, hoàn hảo trong cả diện mạo lẫn phần biểu diễn và Vedran Smailovic trong bộ trang phục đi xe mô tô bằng da cũ đã có đôi chỗ rách - đang đứng ôm nhau khóc. Mái tóc dài hoang dại cùng chòm râu lớn khiến Smailovic trông già hơn tuổi. Gương mặt ông nhòa lệ.

Tất cả chúng tôi đều bày tỏ sự đồng cảm sâu sắc khi gặp người đàn ông này, người đã cất cao tiếng đàn cello bất chấp bom đạn, cái chết và sự đổ nát.

Một tuần sau đó, khi trở lại Maine⁽⁸⁾, trong một buổi tối ngồi chơi đàn cho bệnh xá địa phương, tâm trí tôi cứ lan man so sánh nó với bài biểu diễn bi hùng mà tôi được chứng kiến ở festival. Sau đó tôi bỗng nhận ra nét tương đồng rõ rệt. Bằng âm nhạc, người nghệ sĩ ở Sarajevo đã đẩy lùi chết chóc và sự tuyệt vọng, đồng thời tán dương tình yêu và cuộc sống. Còn chúng ta ở đây cất cao lời ca tiếng nhạc với sự đậm lót của tiếng đàn piano cũng đang cố gắng làm điều tương tự. Tuy rằng không có bom rơi đạn nổ nhưng hiện hữu trước chúng ta là những vết thương có thực - đôi mắt mờ, sự cô đơn, tất cả những vết sẹo mà chúng ta gánh chịu trong cuộc đời này và những ký ức tươi đẹp về sự bình an. Tuy vậy, chúng ta vẫn hát và vỗ tay vui vẻ.

Thật vậy, âm nhạc là một món quà mà tất cả chúng ta đều có quyền thưởng thức và chia sẻ như nhau. Dù ta là người tạo ra hay chỉ đơn giản lắng nghe thì âm nhạc vẫn là một món quà có sức mạnh lắng dịu lòng người, truyền cho ta cảm hứng và giúp chúng ta xích lại gần nhau trong những thời khắc nguy hiểm nhất.

- Paul Sullivan

(8) Maine: Một tiểu bang thuộc vùng New England của Hoa Kỳ.

Tiếng nói của riêng mình

*Nhiệm vụ của con người là khám phá ra
nét riêng biệt trời ban cho mình.*

- Martin Buber

Khi tôi lên bảy, gia đình tôi chuyển tới New York. Lúc đó tôi đang học đánh đàn cello, một vài năm sau cha mẹ đăng ký cho tôi vào học một lớp của thầy Leonard Rose. Leonard là một nghệ sĩ cello bậc thầy và cũng là một giáo viên lòng danh. May mắn thay, thầy cũng rất kiên nhẫn vì tôi là một đứa trẻ rất rụt rè.

Mỗi lần lắng nghe tiếng đàn của thầy Leonard, tôi lại thầm nghĩ “*làm sao thầy có thể tạo ra những giai điệu tuyệt vời đến thế? Làm sao con người có thể làm được?*”. Nhưng đó không phải là

mục đích chính của âm nhạc. Thầy hiểu điều đó. Thầy bảo tôi: *“Ta đã dạy con nhiều điều, bây giờ con phải dừng lại và tự học”*.

Thật vậy, điều tồi tệ nhất chúng ta làm với bản thân là nói với mình rằng: *“tôi muốn được như người khác”*. Chúng ta cần học hỏi kiến thức từ người khác nhưng cuối cùng chúng ta phải tìm ra tiếng nói riêng cho mình.

- Yo-Yo Ma

Vị ân nhân trên chuyến tàu Pittsburgh

*Khi chết đi,
cát bụi sẽ trở về với cát bụi,
nhưng những gì ta từng chia sẻ
với người khác thì sẽ còn mãi.*

- Dewitt Wallace

Bất cứ khi nào mấy anh chị em trong gia đình có dịp sum vầy bên nhau, chúng tôi đều nói về cha. Tất cả thành công mà chúng tôi đạt được trong cuộc sống này là nhờ có cha và một người đàn ông bí ẩn cha từng gặp trên chuyến tàu đi Pittsburgh.

Cha tôi là Simon Alexander Haley. Ông sinh năm 1892 và sinh trưởng trong một thị trấn

nông nghiệp nhỏ ở Savannah, Tennessee. Ông là người con thứ tám trong gia đình. Ông nội tôi - Alec Haley - là một người rất gia trưởng, trước kia từng là nô lệ, còn bà nội tên là Queen.

Bà nội là một người rất tình cảm, dễ động lòng nhưng cũng rất nghiêm khắc, đặc biệt là trong việc giáo dục con cái. Một trong những mong muốn lớn nhất của bà là cha tôi phải được ăn học đàng hoàng.

Trở lại thời gian đó ở Savannah, nếu một thiếu niên đủ trưởng thành để làm công việc đồng áng mà chỉ biết “ru rú” trong trường học thì cậu ta sẽ bị coi là “đồ bỏ đi”. Vì thế, khi cha tôi bước vào lớp sáu, bà nội phải bắt đầu “làm công tác tư tưởng” để xoa dịu ông nội.

“Chúng ta có đến tám người con,” - bà nội lập luận, “nếu chúng ta “bỏ đi” một đứa và cho nó ăn học tử tế thì điều đó cũng chẳng có gì đáng mất mặt, đúng không?”. Sau nhiều lần tranh cãi, ông nội đành để cha học hết lớp tám, nhưng cha vẫn phải làm việc đồng áng sau các giờ học.

Nhưng, bà nội vẫn chưa hoàn toàn hài lòng.

Khi cha học hết lớp tám, một hôm vừa gieo hạt, bà nội vừa nói với ông tôi rằng nếu cha tôi được đi học cao hơn nữa thì ông nội có lẽ không còn phải sống cuộc đời thấp hèn thế này nữa. Quả nhiên lời nói của bà đã phát huy tác dụng. Ông nội đưa cha tôi 5 tờ ngân phiếu, mỗi tờ trị giá 10 đô la (dù vào thời đó, nông dân phải lao động rất vất vả mới kiếm được số tiền này) đồng thời nghiêm nghị nhắc nhở cha tôi không được xin thêm bất cứ đồng nào, rồi gửi cha tới học tại một trường ở Tennessee. Cha tôi bắt đầu hành trình bằng xe ngựa, sau đó tiếp tục bằng tàu hỏa - con tàu đầu tiên ông được trông thấy. Cuối cùng ông cũng tới Jackson - một thành phố thuộc hạt Madison, Tennessee. Ở đây, ông đăng ký vào một lớp dự bị ở trường Lane. Đây là một trường chuyên nghiệp dành riêng cho người da đen, chương trình đào tạo kéo dài 4 năm.

Năm mươi đô la mà cha mang theo nhanh chóng cạn kiệt, để tiếp tục việc học, ông phải làm thêm rất nhiều. Ông từng là hầu bàn, người phụ giúp các việc vặt và người giúp việc tại một trường nam sinh dành cho những học sinh bất trị. Khi mùa đông tới, ông phải thức dậy vào lúc

4 giờ sáng để tới nhóm lửa cho những gia đình người da trắng giàu có để họ có thể thức dậy trong ấm áp.

Lúc đó, cha Simon khốn khổ là đề tài giễu cợt của các học sinh cùng trường vì ông chỉ có duy nhất một đôi giày và một đôi tất, còn hai mắt ông thì lúc nào cũng sưng húp vì thiếu ngủ. Ông từng nhiều lần bị bắt gặp đang ngủ quên với quyển giáo trình trong lòng.

Nỗ lực kiếm tiền cũng có mặt trái của nó. Thành tích học tập của cha bắt đầu giảm sút, nhưng ông vẫn cố gắng hoàn thành năm học cuối cùng. Sau đó, ông đăng ký vào trường A&T ở Greensboro, Bắc California. Ở đây, trong hai năm đầu tiên cha từng hết sức khổ cực để kiếm tiền chi trả cho sinh hoạt và học tập.

Một buổi chiều lạnh lẽo vào cuối năm học thứ hai, cha được gọi tới phòng giáo viên. Tại đây ông hay tin mình đã thi trượt một môn học - một môn học đòi hỏi phải có giáo trình mà cha thì nghèo đến mức không thể mua nổi.

Cảm giác đau đớn vì thất bại vỡ òa trong ông. Suốt mấy năm qua, ông đã nỗ lực hết mình

và giờ đây ông cảm thấy tất cả công sức đổ bồng chốc đổ sụp. Có lẽ, ông nên thu xếp về quê, trở lại với định mệnh đã sắp đặt sẵn là làm một người nông dân suốt ngày quanh quẩn bên ruộng đồng.

Nhưng mấy ngày sau, cha nhận được lá thư do công ty Pullman gửi tới thông báo rằng ông là một trong 24 sinh viên được lựa chọn từ hàng trăm ứng cử viên khác để đảm nhận công việc phục vụ ở toa ngủ trên tàu vào mùa hè. Cha hết sức vui mừng. Đó thực sự là một cơ hội lớn. Ông nhanh chóng tới nhận nhiệm vụ và được phân công phục vụ trên chuyến tàu từ Buffalo tới Pittsburgh.

Một buổi sáng, vào lúc 2 giờ, trong khi chuyển tàu đang chìm trong giấc ngủ thì một tiếng còi gọi phục vụ vang lên. Cha bật dậy, vội vã khoác lên mình bộ đồng phục màu trắng rồi nhanh chóng tới toa ngủ của khách. Ông gặp một người đàn ông đáng vẻ sang trọng, người này nói rằng ông ta và vợ đang khó ngủ và cả hai cùng muốn dùng một ly sữa nóng. Cha bưng sữa và khăn ăn tới bằng một chiếc khay bạc. Người đàn ông đưa một ly sữa qua tấm màn cho vợ mình rồi vừa nhâm nhi từng hớp sữa vừa hỏi chuyện cha.

Công ty Pullman đã quy định rõ mọi cuộc chuyện phiếm đều bị nghiêm cấm ngoại trừ những câu xã giao lịch sự như “*Vâng, thưa ngài*” hoặc “*Không được, thưa bà*”; tuy vậy, vị khách này vẫn không ngừng đặt ra câu hỏi. Thậm chí ông ấy còn theo cha tới tận phòng ngủ dành cho nhân viên phục vụ.

- Quê cậu ở đâu?

- Thưa ông, ở Savannah, Tennessee.

- Cậu rất lịch sự.

- Xin cảm ơn, thưa ông.

- Trước khi làm công việc này, cậu đã làm gì?

- Tôi là sinh viên của trường A&T ở Greensboro, thưa ông.

Cha cảm thấy không cần thiết khi thêm vào rằng ông đang cân nhắc việc quay trở lại quê hương và tiếp tục công việc đồng áng. Người đàn ông nhìn cha thật lâu, sau đó chúc cha may mắn rồi quay trở lại giường ngủ của mình.

Sáng hôm sau, tàu tới Pittsburgh. Vào thời

điểm ấy, số tiền boa 50 cent đã được xem là hậu hĩ, nhưng vị khách tối qua đã boa cho cha tôi hẳn 5 đô la. Cha tỏ ra rất biết ơn. Trong cả mùa hè đó, cha ra sức gom góp mọi đồng boa nhận được và khi công việc này kết thúc, ông đã có số tiền đủ để mua cho mình một con lừa và một cái cày. Tuy vậy, ông cũng nhận ra rằng số tiền đó đủ để ông tiếp tục một năm học hoàn chỉnh tại trường A&T mà không cần phải kiếm thêm bất cứ một công việc vặt nào khác.

Cha quyết định tận hưởng ít nhất một kỳ học mà không phải lăn lộn với việc làm thêm. Chỉ có như thế, ông mới có thể biết chính xác điểm số mà ông xứng đáng được nhận. Ông trở lại Greensboro, nhưng ngay khi vừa về tới trường thì ông được yêu cầu đến gặp thầy hiệu trưởng. Cha vô cùng lo sợ khi ngồi trước người đàn ông quyền lực đó.

- Thầy có một bức thư ở đây, Simon ạ. - Thầy hiệu trưởng nói.

- Vâng, thưa thầy.

- Có phải vừa rồi trò đã làm phục vụ cho công ty Pullman phải không?

- Vâng, thưa thầy.

- À, ông ấy tên là R. S. M. Boyce và là vị giám đốc đã nghỉ hưu của công ty xuất bản Curtis, công ty cho ra đời tờ báo *The Saturday Evening Post* ấy. Ông ấy đã tài trợ cho toàn bộ tiền com tháng, học phí và sách vở cho cả năm học.

Cha tôi vô cùng kinh ngạc. Khoản trợ cấp bất ngờ đó không chỉ giúp cha hoàn thành chương trình học ở A&T mà còn giúp ông tốt nghiệp với vị trí dẫn đầu lớp. Thành tích này đã giúp ông lấy được học bổng toàn phần của trường Đại học Cornell ở Ithaca, New York.

Năm 1920, sau khi lập gia đình ít lâu, cha tôi quyết định chuyển tới Ithaca cùng mẹ tôi là Bertha. Ông đăng ký vào học trường Cornell để lấy bằng thạc sĩ, còn mẹ tôi đăng ký vào Học viện Âm nhạc Ithaca để học piano. Một năm sau đó, tôi ra đời.

Hơn bốn mươi năm sau, năm 1965, các biên tập viên của báo *The Saturday Evening Post* mời

tôi đến phòng biên tập ở New York để trao đổi về bản thảo đầu tiên của tôi - *Tự truyện của Malcom X*. Tôi vô cùng tự hào và hạnh phúc khi được đứng trong những văn phòng ộp gỗ ở đại lộ Lexington. Bất chợt, tôi nhớ tới ông Boyce và sự hào phóng của ông khi đã cho tôi cơ hội được đứng đây - giữa những biên tập viên nổi tiếng này với tư cách một nhà văn. Tôi bắt đầu khóc, những giọt nước mắt cứ lặng lẽ tuôn rơi.

Chúng tôi - những đứa con của Simon Haley, thường nghĩ về ông Boyce và sự giúp đỡ lớn lao của ông cho một con người kém may mắn không quen biết. Cũng nhờ sự hào phóng của ông mà chúng tôi có được một cuộc sống hạnh phúc như ngày hôm nay. Thay vì sinh trưởng trong một gia đình nông dân, chúng tôi được lớn lên trong vòng tay của cha mẹ - những người có học thức, được sống bên cạnh những giá sách cao ngất cùng niềm tự hào về chính bản thân mình. Anh trai của tôi, George, hiện là chủ tịch của US Postal Rate Commission; Julius là một kỹ sư; Lois là giáo viên dạy nhạc; còn tôi là một nhà văn.

Ông R. S. M. Boyce đúng là một “quý nhân phù trợ” mà cuộc đời đã ban tặng cho cha tôi. Có thể người khác xem đó là một điều may mắn, nhưng tôi lại xem đó như một động lực để cố gắng hơn. Tôi mong rằng những người được nâng đỡ để có được thành công nên chia sẻ niềm hạnh phúc của mình với người khác. Đó là việc nên và cần làm trong cuộc sống này.

- Alex Haley

Quy luật của lòng nhân ái

*Tôi tin rằng chỉ cần mỗi người
chúng ta góp sức một chút thì
bất hạnh trên thế gian này
sẽ vơi bớt vài phần.*

- Albert Schweitzer

Một buổi sáng, Bill Wilkins thức dậy trong một bệnh viện dành riêng cho người nghiện rượu. Chán nản, ông dò dẫm tới phòng bác sĩ rồi rên rỉ:

- Bác sĩ, tôi đã tới cái chốn chết tiệt này bao nhiêu lần rồi?

- Năm mươi lần rồi! Và anh đã trở thành bệnh nhân “nhấn mặt” nhất của chúng tôi đấy!

- Thế mà tôi cứ tưởng tôi chết vì rượu lâu rồi chứ!

- Này Bill, cũng chẳng còn lâu nữa đâu! - Vị bác sĩ nói.

- Vậy ông nghĩ sao nếu tôi uống thêm một ngụm nhỏ nữa để giúp mình mạnh mẽ hơn? - Bill hỏi lại.

- Tôi đoán là cũng chẳng sao đâu! - Vị bác sĩ đồng ý. - Nhưng tôi có một thỏa thuận với anh. Có một anh bạn trẻ ở phòng kế bên đang trong tình trạng be bét. Anh ta mới tới đây lần đầu. Nếu anh dùng chính mình làm tấm gương khủng khiếp cho tật nát rượu thì có thể anh sẽ khiến anh ta sợ mà tránh xa rượu chè trong suốt quãng đời còn lại đấy.

Thay vì cáu giận, Bill cảm thấy thích thú trước gợi ý này. *“Được thôi”* - Bill đáp. *“Nhưng đừng quên đem rượu đến khi tôi quay trở lại nhé”*.

Người thanh niên nghiện rượu phải vào bệnh viện lần đầu tiên ấy chắc hẳn rằng mình sẽ bị trách mắng ghê gớm, còn Bill - người tự coi mình như một kẻ theo thuyết *“không có gì là không thể”* - cảm thấy khó tin khi chính mình lại làm công việc khuyên bảo người khác *“hướng thiện”*. *“Rượu là một thứ sức mạnh*

nằm ngoài con người cậu nhưng lại đang chi phối cậu.” - Bill nhấn mạnh. “Vì thế, chỉ có một sức mạnh bên ngoài khác mới có thể cứu vớt cậu mà thôi. Nếu cậu không muốn gọi sức mạnh đó là Chúa thì hãy gọi đó là Sự thật. Cái tên chẳng có gì là quan trọng cả”.

Không biết việc làm này có tác động gì tới cậu thanh niên kia hay không, chỉ biết rằng sau đó Bill hoàn toàn thay đổi. Trở lại phòng bệnh, ông quên mất cuộc thương lượng với vị bác sĩ. Ông cũng không đòi hỏi mấy chai rượu như vị bác sĩ đã hứa. Chính trong khoảnh khắc khuyên giải người khác đã khơi dậy khát khao sống có ích bấy lâu ngủ quên trong con người ông. Nó giúp Bill Wilkins hoàn toàn thay đổi và trở thành một người khác - người sáng lập chương trình điều trị cho người nghiện rượu AA (Alcoholics Anonymous), một chương trình vô cùng hiệu quả giúp tìm lại niềm tin và thay đổi thói quen không tốt ở những người ham mê rượu chè.

- Fulton Oursler

Tình yêu của một người anh

*Khi lắng nghe bằng cả trái tim,
ta sẽ thấy, sâu thẳm bên trong
những con người tưởng chừng mạnh mẽ
lại là rất nhiều xung đột và mâu thuẫn
gay gắt. Nhưng thay vì để bản thân bị chôn vùi
bởi những điều thấp hèn, họ biết hướng cuộc
sống của mình tới những giá trị quan trọng
rồi tập trung và nỗ lực hết mình vì chúng.*

- Harry Emerson Fosdick

Antonio Seay ngồi cạnh giường, thần thờ lật tới lật lui bức ảnh trong tay. Bức chân dung này được chụp một vài năm trước khi cậu tới phía bắc để học đại học. Cậu khẽ chạm lên bề mặt bức ảnh rồi đưa tay lau đi lớp bụi mỏng bám trên đó.

“*Quên quá khứ đi*” - cậu tự bảo mình, rồi buông tay cho bức ảnh rơi xuống tấm ra trải giường màu xanh. Cậu quay sang bức thư trong ngày, một khối lượng lớn hóa đơn và giấy tờ mà các viên chức yêu cầu cậu phải hoàn tất trước khi họ cân nhắc việc có nên trì hoãn thanh toán số tiền nợ lên tới 20.000 đô la trong thời gian học đại học của cậu hay không. Cậu nhìn và ném mấy phong thư xuống phía cuối giường rồi thả mình xuống gối, mắt ngược nhìn lên trần nhà.

Hai người bạn thân ở đại học vừa gọi điện cho cậu. Họ đã có việc làm ổn định và khoản thu nhập béo bở. Một người vừa kết hôn. Antonio cũng mong muốn những thứ đó. Cậu từng dự định sẽ học trường luật hoặc trở thành một cảnh sát. Nhưng tất cả chỉ là dự định. Giờ đây, đã 25 tuổi nhưng cậu đang mắc kẹt trong một dự án thuộc khu dân cư xiêu vẹo ở Miami. Gian chật hẹp khắp bếp còn đồ đạc thì có số tuổi nhiều hơn tuổi của cậu. Sàn nhà, và thậm chí cả sàn phòng tắm đều lót bằng loại gạch cũ kỹ như một minh chứng cho cuộc sống khốn khó trong nhiều thập kỷ.

Antonio liếc nhìn hình ảnh người thanh niên tràn trề hy vọng trong tấm chân dung. Sau đó cậu xoay chân xuống giường rồi bước ra khỏi ngôi nhà chẳng khác gì cái nhà kho đổ nát rồi mất hút vào bóng đêm.

Tiếng nhạc rap “*thump-thump-thump*” vang lên từ đâu đó trong bóng tối. Trên đại lộ, ai đó đang cất tiếng chửi, xen lẫn là tiếng lốp rin rít xiết xuống mặt đường. Antonio đi xuống con đường mòn ngập rác rồi hướng về nhà mình - nơi cậu vẫn đang cầu nguyện từng giây từng phút để thoát khỏi đó. Cậu nhắm mắt lại và từ vô thức, cậu nghe thấy tiếng mẹ. Bà muốn cậu chở bà tới một cửa tiệm. Đó là điểm khởi đầu cho chuyến hành trình của cậu - chuyến đi tới cửa tiệm vào bốn năm trước.

Đó là một buổi chiều tháng 8 nóng nực năm 2002, Antonio kéo chiếc cửa xe ô tô xuống rồi đánh xe khỏi lề đường. Cậu khó mà nhận ra khu lán giềng hoang vắng mà cậu cùng bốn người

em trai em gái đã sống cùng mẹ Dorothea. Tâm trí cậu còn mãi miết với những dự định cho tương lai.

Antonio là người đầu tiên trong gia đình được tới trường đại học và trong mười tháng, cậu đã tốt nghiệp hai chứng chỉ ở trường Thánh Peter tại New Jersey: quản trị kinh doanh và tội phạm học.

Cậu thoáng nhìn mẹ, bà đang ngồi lặng lẽ ở chiếc ghế phía trước, mắt hướng ra cửa sổ. Trong một gia đình thiếu vắng vai trò trụ cột của người cha, bà là động lực, là sức mạnh của cậu. Bà không bao giờ than phiền. Tất cả mong muốn của bà là con cái đủ thông minh để tránh xa vết xe đổ của bà.

- Con yêu, mẹ có chuyện muốn nói với con.
- Bà cất giọng dịu dàng.

Antonio tỏ ra chăm chú. Khi mẹ cậu có dáng điệu như thế nghĩa là có chuyện gì đó rất nghiêm trọng.

- Mẹ biết, lẽ ra mẹ nên nói với con từ trước, nhưng mẹ thực sự không biết phải nói với con thế

nào. - Nói rồi, bà dừng lại giây lát như cố gạn lọc từ ngữ. - Mẹ muốn nói với con, như một người mẹ nói với con trai, rằng mẹ đã nhiễm HIV.

Antonio chết lặng. Hai bàn tay cậu nắm chặt vô lăng.

- Con yêu, mẹ chẳng còn sống được bao lâu nữa...

Cậu trở lại trường đại học, những tuần sau đó, cậu và mẹ đều trò chuyện điện thoại với nhau. Antonio được biết, người đàn ông mà mẹ hết lòng tin tưởng lại chính là người đã truyền cho mẹ căn bệnh quái ác này. Mãi đến khi bà bị ốm, các xét nghiệm cho thấy vi rút đã chuyển sang giai đoạn AIDS. Dù vậy, bà vẫn sống khi con trai học hết khóa học và trở về nhà vào tháng 5. Hai tháng sau đó, bà đồng ý nhập viện và ngay ngày hôm sau, người ta phải chuyển bà đến phòng dành cho những bệnh nhân hấp hối.

Cái chết của bà làm đảo lộn cuộc sống cả gia đình. Antonio có thể trốn tránh nếu cậu bỏ lại sau lưng em gái Shrona 15 tuổi, Keyera 13 tuổi và hai đứa em trai song sinh 14 tuổi tên là Torrian và Corrian.

Cô di chú bác sống ở gần đó, một số người thân khác thì sống ở bang khác. Dù vậy, chẳng mấy ai quan tâm tới anh em cậu. Các em cậu được chính quyền bảo trợ và gửi tới nhà nuôi dưỡng đặt dưới sự giám sát của Phòng Gia đình và Trẻ em Florida.

Antonio nảy ra một ý tưởng điên rồ rằng điều gì sẽ xảy ra nếu cậu giành quyền giám hộ các em? Cậu chưa từng nghe về điều này nhưng tại sao nó lại không thể xảy ra chứ? Cậu kể cho bạn bè nghe về dự định của mình. Một số người tỏ ra thán phục trước sự can đảm của cậu, số khác lại khuyên cậu nên suy nghĩ kỹ về quyết định của mình vì khi đã quyết định thì sẽ không thể rút lại được nữa. Cậu hiểu các em thực sự là một gánh nặng. Cậu sẽ phải từ bỏ ước mơ về một tương lai tươi sáng trong tám năm trước khi đưa em nhỏ nhất bước sang tuổi 21. *Một ngôi nhà trong khu phố xinh đẹp ư? Quên chuyện ấy đi. Trường luật sao? Không thể.* Cậu biết, cậu có thể nhận được sự giúp đỡ của chính phủ nhưng lúc đó, cậu vẫn chưa có việc làm và

cũng không có cách nào để nuôi bốn đứa em, thậm chí là nuôi chính bản thân mình.

Có lẽ sẽ tốt hơn cho từng thành viên nếu tạm thời sống tách nhau ra. Các em cậu có thể có một khởi đầu mới mẻ. Lựa chọn đã quá rõ ràng - từ bỏ chúng hay từ bỏ ước mơ của chính mình. Cậu cầu nguyện rằng mình đã làm đúng.

Một vị luật sư tư vấn pháp lý đã giúp cậu chuẩn bị hầu tòa. Bà đặt các câu hỏi rồi hoàn tất thủ tục giấy tờ. Antonio đến văn phòng vị luật sư ấy vào tháng 8 năm 2003, đúng cái ngày mà trước đó tròn một năm, cậu nhận được tin dữ từ mẹ.

Vài giờ sau đó, Antonio tập hợp các em lại trong phòng khách và nói rõ ràng về tương lai. *“Chúng ta cần mạnh mẽ lên”*. Cậu nói trong nước mắt. *“Mẹ mất không có nghĩa là tất cả đều chấm dứt. Chúng ta vẫn là một gia đình, vẫn phải sống và yêu thương nhau dù bất cứ chuyện gì xảy ra. Chúng ta cần ở bên nhau”*.

Một tuần sau tang lễ, khi những người tới dự tang không còn mang tới những bữa ăn cho gia đình, Antonio phải tự lực cánh sinh. Cậu mong chờ tới ngày ra tòa và hy vọng rằng thẩm phán sẽ không cho cậu là một thằng ngốc mà là một người đàn ông trưởng thành, đủ năng lực gánh vác việc gia đình và đem lại những điều tốt đẹp nhất cho các em.

Tại phiên tòa, Antonio và các em đang đứng trước mặt vị thẩm phán. Ông nói:

- Cậu còn trẻ quá! Cậu bao nhiêu tuổi rồi?

- Hai mươi ba tuổi. - Antonio đáp.

- Đây là một trách nhiệm nặng nề, cậu hiểu chứ? Không phải người đàn ông nào cũng có thể chăm sóc chu đáo cho con cái mình, hướng chỉ là chăm sóc đến bốn đứa em như cậu.

Vị thẩm phán xem xét kỹ lưỡng giấy tờ do vị tư vấn pháp lý cung cấp.

- Tôi rất cảm phục cậu.- Vị thẩm phán nói trước khi quay sang các em của cậu. - Các cháu có muốn sống cùng anh trai mình hay không?

- Có ạ! - Bốn đứa trẻ đồng thanh.

Năm phút sau, phiên tòa kết thúc. Antonio ký những giấy tờ cần thiết rồi chở các em về nhà. Một khởi đầu mới đang chờ đón họ.

- Em làm bài tập chưa đấy? - Antonio hỏi.

- Không có. - Keyera nói. Antonio trợn mắt nhìn. *“Ý em là, hôm nay em không có bài tập về nhà.”* - Cô bé nhanh nhẩu bào chữa.

Antonio tìm Corrian để hỏi em trai về tình hình học tập ở trường.

- Chiều nay em phải đi bộ về! - Cậu bé làu bàu. - Em không có tiền đi xe buýt vì em phải trả 15 đô la cho chiếc cặp sách mà em bị mất. Em vẫn còn thiếu tiền. Làm sao bây giờ?

Antonio chỉ tay, nghiêm giọng. *“Đó là trách nhiệm của em. Em làm mất, vậy thì tại sao anh phải mua đền cho em. Nếu không có tiền đi xe buýt thì em hãy đi bộ đi. Mỗi bước đi sẽ dạy em phải cẩn thận hơn”*.

Antonio quay lưng bước đi để chắc chắn rằng hai đứa em không thấy cậu đang mỉm cười. Cậu vẫn còn nhớ mình đã ngây ngô thế nào khi lần

đầu tiên đứng ra lo cho gia đình. Cậu muốn các em yêu quý mình và không đưa ra nhiều yêu cầu đến thế. Nhưng cuộc sống ngày càng khó khăn. Thành tích học tập trượt dốc thảm hại, bài tập không hoàn thành và không ai giúp việc nhà. Vì thế, một buổi tối, cậu đóng cửa phòng rồi ngồi suy nghĩ về các em, cứ như thể cậu là một ông chủ máu lạnh được gửi đến để giúp đỡ một công ty đang trên bờ vực phá sản.

Điểm số của Shrona rất tệ vì không có ai thúc ép con bé học hành. Corrian là một đứa trẻ chỉ biết phục tùng vì bạn bè thường xuyên chèn ép nó. Trong khi đó, đứa em sinh đôi của nó, Torrian, lại thường có thái độ lén lút lút. Keyera thì suốt ngày lo lắng và thiếu niềm tin vào bản thân.

Một buổi tối, Antonio tập hợp các em lại. Mỗi đứa trẻ tìm một chỗ ngồi trên chiếc ghế xô-pha hư nát mà những người họ hàng đã cho. Cậu đứng trước các em, đi tới đi lui để đảm bảo cả bốn đứa đều hiểu điều cậu muốn nói. *“Chúng ta đang sống trong cuộc đời này và chúng ta sẽ thành*

công. Điều đó sẽ khiến mẹ hạnh phúc.” - Giọng Antonio vừa ân cần vừa nghiêm nghị.

Kể từ đó, mỗi ngày cậu đều viết bốn mảnh giấy, dính chúng lên tủ lạnh trong nhà bếp. *“Các việc vặt trong nhà,”* - Antonio giải thích. *“Đó là những việc các em phải làm”*. Bọn trẻ than vãn rồi cũng phải cùng nhau vào bếp. Rửa bát, đổ rác, dọn phòng tắm, nhà bếp, phòng khách. Ai nấy đều có nhiệm vụ riêng và ngày thứ Bảy là ngày tất cả cùng dọn dẹp.

Chúng kêu gào và chỉ trích anh trai quá nghiêm khắc, nhưng Antonio chỉ muốn hâm nóng bầu không khí gia đình. Cậu đặt ra *“lệnh giới nghiêm”*. Bài tập phải hoàn thành đúng giờ. Cậu đọc thêm sách báo và tìm ra cách giải những bài toán mà mẹ cậu cũng không thể làm. Và nếu mấy đứa em nghĩ rằng giáo viên của chúng quá khắt khe thì hãy đợi đến khi gặp Antonio. Cậu lên kế hoạch đem trường học tại gia tới Miami.

Ngoài ra, cậu còn yêu cầu mỗi đứa em phải tìm cho mình một niềm đam mê, rèn luyện một thói quen, một môn thể thao hay bất cứ điều gì

giúp chúng hiểu ra rằng thế giới rộng lớn hơn rất nhiều so với khu dân cư này. Tương lai của chúng không nằm trên đường phố hay la cà với mấy tay bán thuốc phiện đứng đầy rẫy khắp các góc phố. Chúng phải đi học đại học, cũng như cậu trước kia.

Lúc đó, điểm số của Shrona đã được cải thiện từ điểm C và D thành điểm A rồi lọt vào top danh dự trong lớp. Kết quả tương tự đối với hai đứa em sinh đôi. Corrian chơi trong đội bóng đá. Torrian nhận ra sở thích hát hò nên gia nhập đội hợp xướng ở trường. Còn Keyera và người chị gái tham gia đội khiêu vũ tại nhà thờ.

Một ngày, hai đứa em gái mang về nhà hai chiếc nhãn dính có hình viết rằng *“Tôi là người cha tự hào có đứa con là một sinh viên danh dự”*. Hai chiếc nhãn được dán lên cửa trước để tất cả mọi người trong xóm biết thành tích của những đứa trẻ đang sống trong ngôi nhà ấy.

Tháng 12 năm 2003, Antonio kiếm được việc làm. Cậu trở thành tư vấn tâm lý thiếu nhi cho một tổ chức phi lợi nhuận và kiếm được khoản

tiền lương 31.000 đô la một năm. Vì giờ giấc làm việc đều đặn nên mỗi ngày Antonio đều có thể về nhà ăn cơm tối với các em. Cậu còn thu xếp tới xem các trận bóng đá, buổi biểu diễn tại nhà thờ và tham gia các cuộc họp phụ huynh của các em. Mỗi tháng, cậu đều gửi một khoản tiền nho nhỏ vào tài khoản tiết kiệm của chúng.

Tối hôm nay, một buổi tối nóng nực như bao tối khác ở Miami, tấm ảnh cũ và những hóa đơn vẫn nằm la liệt trên giường, Antonio dừng lại giấy lát trên vỉa hè ngập rác bên ngoài căn nhà. Dưới đường, cậu trông thấy Corrian đang trò chuyện cùng mấy đứa bạn trai. Quanh đó - trong một khu phố của riêng các bà mẹ - Antonio được biết đến là người đàn ông khát khe, không dung thứ cho bất cứ kẻ nào lãng vãng ra vào nhà cậu mà không có lý do.

Khẽ liếc nhìn, cậu bắt gặp chiếc xe Hummer màu đồng trị giá 50.000 đô la đang chậm chậm lướt xuống con đường. “*Ai thế nhỉ, sao mình không biết?*” - Antonio thầm nói với mình. “*Này, kết thúc rồi vào nhà đi!*” - Cậu gọi Corrian và mấy đứa bạn của nó.

Bắt chéo tay, Antonio nhìn thẳng về phía trước khi chiếc Hummer dừng lại. Mười lăm giây trôi qua trước khi chiếc xe quay đầu về phía khu phố tới chỗ mấy tay môi giới thuốc phiện. *“Tất cả các em phải ở trong nhà.”* - Antonio nói. - *“Các em nghe không?”*.

Tự hài lòng trong giây lát, Antonio bước vào nhà và dừng lại trước phòng trưng bày. Tro cốt của mẹ được đựng trong chiếc hộp màu trắng để trong phòng. *“Mẹ, chúng con luôn yêu mẹ.”* - Một đứa đã viết như vậy bên ngoài chiếc hộp. Bức ảnh nhỏ của Dorothea Seay được dán phía trên đó khiến bà như thể đang nhìn xuống dõi theo cả nhà.

Người đàn ông trụ cột ngáp dài rồi lấy tay xoa mặt. Cậu cần phải dậy lúc 5 giờ rưỡi để đánh thức bọn trẻ và cho chúng ăn sáng trước khi đưa chúng tới trường. Sau đó, cậu sẽ đến phòng tư vấn. Trong giờ nghỉ trưa, cậu tắt ngang mấy cửa hàng thực phẩm để mua đồ chuẩn bị cho bữa tối. Khó khăn nhưng tất cả rồi sẽ qua. Cậu ngồi ở mép giường. Các hóa đơn vẫn còn đó bên cạnh bức ảnh về người thanh niên trẻ tuổi tràn đầy ước mơ.

Cậu nghe thấy tiếng cười trên bậc thang.
“*Mọi thứ vẫn ổn chứ?*” - Antonio cất tiếng hỏi.
“*Không có vấn đề gì đâu ạ.*” - Giọng đứa em trai
đáp.

Mọi thứ đều ổn.

- *Tom Hallman, Jr.*

Niềm mong ước

Xin cho con thành cầu nối an bình
Trong nơi hận thù con gieo tình thương
Trong nơi dối gian con gieo tha thứ
Trong nơi oan ức con đem công bằng
Trong nơi nghi vấn con đem niềm tin,
Trong nơi khó khăn con mang hy vọng,
Trong nơi tăm tối con gieo ánh sáng
Trong nơi buồn sầu con gieo niềm vui
Lạy Chúa, thay vì an nhân phúc ban, xin
cho con tự tay tìm kiếm
Không đợi an ủi, nhưng đem ủi an
Không đợi yêu thương, nhưng gieo nhân từ
Sẻ chia là đón nhận

Quên mình là được đền đáp

Tha thứ là được thứ tha

Chết đi là được lên cõi vĩnh hằng.

- Thánh Francis thành Assisi

Cậu bé không thể đọc

*Nếu bạn muốn người khác hạnh phúc,
hãy mở rộng tình thương.
Nếu bạn muốn hạnh phúc,
hãy chia sẻ lòng trắc ẩn.*

- Đạt Lai Lạt Ma

Tôi nhận ra Rommel không biết đọc ngay từ buổi học đầu tiên tại trường tiểu học Mildred Green. Khi đó, tôi đã ra một bài tập có tên “Viết về em”. Với trẻ nhỏ, đó là những câu hỏi vui nhộn. (Chẳng hạn: “Nếu em có thể trở thành một hương vị kem bất kỳ thì em sẽ chọn hương vị nào? Tại sao?”). Còn với tôi, đó là cơ hội để tôi hòa nhập với các học sinh mới.

Sau khi dẫn cả lớp (gồm 27 học sinh lớp 4) tới một quán ăn tự phục vụ để dùng bữa trưa,

tôi trở lại phòng và đọc chồng phiếu khảo sát. Tôi nhận ra lớp mình phụ trách có thật nhiều “*cầu thủ bóng đá*”, “*ca sĩ*” và các “*hộp đựng kem sô-cô-la vị bạc hà*”. Nhưng bất chợt tôi tìm thấy trong số đó một tờ khảo sát còn bỏ trống. Không ngày sinh, không màu yêu thích, và dường như cậu bé Rommel Sales không muốn trở thành một “*que kem*” đủ hương vị như các bạn. Trang giấy bỏ trống của Rommel khiến tôi vô cùng ngạc nhiên vì thông thường bọn trẻ đều tỏ ra thật dễ thương vào ngày đầu tới trường.

Tôi đi xuống quán ăn tìm Rommel. Nhưng cậu bé là ai trong số những đứa trẻ này? Và rồi, tôi cũng tìm ra. Đó là một đứa trẻ mười tuổi không mặc đồng phục học sinh. Cậu bé trông khá gầy nhưng khỏe mạnh, chiều cao vừa phải và có mái tóc cụt ngắn.

- Thầy có thể nói chuyện với em một chút được không? - Tôi hỏi cậu bé.

- Vâng, thưa thầy. - Rommel đáp.

Cậu bé theo tôi xuống sảnh, vừa đi cậu bé vừa nhún nhảy.

- Mùa hè của em thế nào? - Tôi hỏi.

- Dạ cũng tốt ạ.

- Em đã làm gì?

- Dạ, em cũng không nhớ rõ nữa ạ!

Cậu bé tỏ ra hơi hoảng sợ.

- Đừng lo lắng, không có gì đâu em. - Tôi vội trấn an. - Thầy muốn biết môn tập đọc của em thế nào?

- Dạ, không tốt lắm. Em đang cố gắng ạ. - Rommel e dè.

Tôi rút ra một cuốn sách mà trẻ học hết lớp một đã có thể đọc vanh vách. “*Để thầy xem nào!*” - Nói rồi, tôi mở trang đầu tiên.

Rommel nhăn nhó với từ đầu tiên: “con”. Nhưng sau đó, tất cả chữ viết trong trang sách cứ như thể được viết bằng tiếng nước ngoài và Rommel không thể đọc nổi một từ nào khác. Cố biện hộ, cậu bé nói rằng cậu biết từ m-è-o vì mẹ đã dạy cậu.

- Tốt lắm! - Tôi nói.

- Còn từ này thì sao? - Tôi chỉ vào chữ cái “r”. Cậu bé biết chữ này vì đó là chữ cái đầu tiên trong tên của cậu được phát âm là Ro-mel.

Cuộc trò chuyện giữa chúng tôi diễn ra rất ngắn ngủi. “*Em đang tham gia lớp giáo dục đặc biệt, thưa thầy!*” - Rommel bảo tôi. Lời nói của cậu bé chứa đầy mặc cảm như thể cậu tự thừa nhận mình thuộc đẳng cấp thấp kém trong xã hội vậy. Cậu bé nói là cậu không thích thể thao, cũng không yêu âm nhạc. Cậu thích vẽ tranh. Rồi cậu bé cho tôi xem một tập vẽ theo phong cách truyện tranh Nhật Bản. Những nhân vật được phác họa như Ninja rất cao lớn, cường tráng và có mái tóc lập di, trông thật dũng mãnh khi dùng tay ném ra những quả cầu lửa. Tôi rất thán phục những bức vẽ của Rommel nhưng tôi không biết rồi mình sẽ phải làm gì với cậu bé này. Đứa trẻ này không thể nào theo kịp lớp 4 được.

Đó là ngày mùng 5 tháng 9 năm 2000, cũng là năm thứ hai tôi giảng dạy tại Mildred Green - một ngôi trường đơn sơ xây bằng gạch ở phía Nam Washington, trung tâm của khu phố cổ. Sau khi giành được tấm bằng tiếng Anh của Đại học Michigan, tôi đăng ký gia nhập *Teach for America* - tổ chức này sẽ chỉ định các sinh viên mới tốt nghiệp đại học về giảng dạy tại các lớp học ở vùng ngoại ô dành cho những người thu nhập thấp trên khắp đất nước.

Hầu hết bọn trẻ ở đây đều đọc và viết tương đối tốt. Một bé gái đã có thể đọc tác phẩm *Dấu hiệu đỏ của lòng dũng cảm* của tác giả Stephen Crane, trong khi đó, Rommel thậm chí không bằng một học sinh yếu kém. Giáo viên lớp giáo dục đặc biệt lấy làm tiếc khi phải báo cho tôi biết rằng “*Rommel sẽ không bao giờ đọc được*”.

Trong một thời gian dài, tôi không dă động gì đến khả năng nhận âm quá kém của cậu bé. Tôi luôn bận rộn với việc giữ cho lớp trật tự và dạy các em còn lại trong lớp. Vì thế, tôi đã vô tình gạt Rommel sang một bên. Trong tiết học ngôn ngữ, khi cả lớp đọc tác phẩm văn học thì Rommel ngồi ở cuối lớp để nghe những câu chuyện được ghi âm sẵn. Chẳng lẽ tôi phải bắt cậu bé dùng tranh vẽ để hoàn thành bài tập, vì cậu không thể viết?

Thực sự, Rommel không tối dạ. Trong các tiết học toán của tôi, cậu bé không gặp phải bất cứ trở ngại gì so với bạn bè. Thế thì tại sao Rommel lại không thể học đọc? Tôi thường xuyên đặt ra câu hỏi này bởi vì trong ngày có đến hai tiết học Rommel tỏ ra rất xuất sắc, đó là giờ toán và kể chuyện. Vào đầu giờ các buổi

sáng và sau giờ giải lao, tôi thường đọc cho cả lớp nghe những cuốn sách mà hầu hết tất cả các em không thể tự xoay xở một mình, đặc biệt với Rommel.

Tuy nhiên, Rommel lại tỏ ra đặc biệt hứng thú với cốt chuyện. Cậu bé cười thầm mỗi khi các bạn khác quên hoặc thốt lên “*không công bằng*” trước sự bội tín của nhân vật. Cậu trả lời các câu hỏi, bảo vệ ý kiến riêng và thách thức những lời diễn giải của các bạn trong lớp. Khi tôi đọc truyện *Người lùn Hobbit* của tác giả Tolkien, Rommel không ngừng đi vòng quanh và luôn miệng xuýt xoa như nhân vật Gollum. Nhưng khi giờ kể chuyện kết thúc, Rommel thay đổi nhanh chóng. Như một phù thủy mất hết pháp thuật, Rommel mất hẳn sự tự tin, sôi động. Một lần nữa, cậu lại trở về là một đứa trẻ không thể đọc.

Khi kỳ nghỉ Giáng sinh kết thúc, tôi lập ra một kế hoạch để giúp đỡ Rommel. Tôi đặt tên cho kế hoạch này là “Phương pháp Pinching Words”. Rommel và tôi dành ra mười phút mỗi ngày để đọc truyện *Harry Potter và Phòng chứa bí mật*. Chỉ hai chúng tôi mà thôi. Tôi đảm nhận

việc đọc truyện còn nhiệm vụ của Rommel là điền vào một hoặc hai từ đã được chỉ định trước.

“Rommel, hôm nay chúng ta học cách dùng từ “off””. Tôi viết ra: o-f-f. Sau đó, tôi bắt đầu đọc truyện. Khi tôi đọc đến câu “Và cụ già ôm chặt Dursley rồi đi...”, Rommel phải đoán từ tiếp theo là từ gì. Nếu cậu bé nói “off”, để trọn nghĩa cho câu tôi đang đọc “Và cụ già ôm chặt Dursley rồi đi ra ngoài”, thì tôi sẽ tiếp tục đọc; ngược lại, tôi sẽ phát một cái vào cánh tay cậu.

Dần dần, những từ Rommel không biết ngày càng thu hẹp lại. Phương pháp của tôi chưa được kiểm chứng, cũng không phải phương pháp chính thống, nhưng lại hiệu quả, Rommel đặc biệt hứng thú với câu chuyện và cả sự quan tâm của tôi. Thêm vào đó, tôi chỉ “phát nhẹ” để nhắc cậu bé nhớ lại.

Nhưng nhiều tuần qua đi mà Rommel vẫn không đọc được. Tôi đã căn dặn trước với cậu bé rằng chúng tôi phải thật nghiêm túc nhưng cậu bé tỏ ra chống đối và nghỉ học. Đây không phải là lần đầu.

Sau một tuần, cậu bé đến trường trở lại với mẹ - bà Zalonda Sales. Florine Bruton - người

trợ lý đầy nhiệt huyết của hiệu trưởng, và tôi lần lượt cho Rommel những lời khuyên quen thuộc như phải tập kiểm chế, tranh cãi chẳng thể giải quyết được vấn đề; hoặc hãy nhờ giáo viên giúp đỡ, v.v.

Tôi không khỏi xúc động khi bắt gặp ánh mắt của bà Sales dõi theo cậu con trai. Rommel cúi đầu xuống. Mẹ cậu bé suýt khóc, bà năn nỉ: *“Rommel, nếu con chịu khó lắng nghe lời thầy giáo, con sẽ đọc được mà. Hãy chú ý những lời chỉ bảo của thầy Currie. Thầy sẽ dạy cho con”*.

Tôi không muốn nói với bà Sales rằng vấn đề không nằm ở con trai bà mà là nằm ở chúng tôi - những giáo viên lẽ ra phải dạy cho Rommel cách đọc, và lỗi ở người quản lý nhà trường đã cho Rommel lên tới lớp 4 khi cậu bé vẫn chưa biết đọc. Tất cả chúng tôi đã làm hại cậu bé gây yếu này, để rồi bây giờ, những gì cậu nhận được chỉ là sự tự ti.

Năm học gần kết thúc, tôi cũng đã đọc xong cuốn *Harry Potter và Phòng chứa bí mật* cho Rommel nghe. Cậu bé hỏi mượn trang 341. Yêu cầu đó khiến tôi rất ngạc nhiên. *“Không đâu,*

Rommel, thậm chí em còn không thể...”. May thay, tôi đã kịp ngừng lại trước khi khĩa vào nỗi đau vốn ăn sâu trong cậu bé. “Rommel, đó chỉ là bản photo thôi”. Cuối cùng, sau khi nài nỉ mà vẫn không được, Rommel trở về chỗ ngồi rồi lấy ra một tờ giấy vẽ.

Cuối ngày, tôi về nhà, cởi bỏ giày, xoa bóp đôi chân mỏi nhừ và nhìn quanh căn hộ nhỏ bé của mình. Sách được xếp chồng chất trên giá. Với tôi, sách luôn là một đam mê lớn lao.

Tôi xỏ lại đôi giày, đi bộ ra cửa tiệm sách và mua cuốn băng cát sét *Harry Potter và Phòng chứa bí mật*. Ngày hôm sau, khi tôi đưa cho Rommel cuộn băng, đôi mắt cậu bé lộ rõ vẻ ngạc nhiên.

- Hãy giữ lấy chúng, Rommel. Chúng là của em đấy!

- Ôi, em cảm ơn thầy, thầy Currie.

Cậu bé khoác chiếc ba lô lên vai, vô tình chiếc ba lô bị móc vào bàn. Hàng chục bức họa trên giấy viết bung ra ngoài. Cậu bé ôm chúng bỏ vào thùng rác. Thật lãng phí. Không phải lãng phí giấy mà là lãng phí một năm.

Đêm đó, tôi quyết định: *Mình sẽ dạy Rommel đọc sách.*

Tôi ôm hôn cô Bruton. Cô chúc tôi may mắn với quyết tâm giúp đỡ Rommel khắc phục việc đọc, thậm chí cô còn cho tôi mượn một lớp học nhỏ, phòng của nhóm nhạc trước kia. Mỗi tuần, tôi và Rommel sẽ dành ra 9 giờ. Trong thời gian này, tôi không dạy bất cứ học sinh nào khác và tôi chấp nhận không lương. Điều này chẳng thành vấn đề gì bởi công việc bồi bàn mới của tôi vào các buổi tối có thể mang lại số tiền còn cao hơn cả tiền lương cũ.

Ngày mùng 4 tháng 9 năm 2001, lần đầu tiên Rommel và tôi ngồi trong phòng học nhỏ đó. *“Hoan nghênh vì sự có mặt trong dự án dạy đọc Douglass.”* - Giọng tôi hài hước. Tôi đã lấy tên ông Frederick Douglass⁽⁹⁾ để đặt tên cho thử thách này. Ông là một nhà văn lớn kiêm một chính trị gia quyền lực, người cũng giống Rommel - được sinh trưởng tại đây và thời trẻ, ông cũng từng gặp rất nhiều khó khăn trong việc đọc.

(9) Frederick Douglass (1818 - 1895): Một người theo chủ nghĩa bãi nô, người tán thành việc mở rộng quyền bầu cử cho phụ nữ. Ông còn là một biên tập viên, nhà hùng biện, chính khách và người đưa ra chủ trương cải cách ở Mỹ.

Tôi lấy ra một cuốn sách tập đọc. “*Được rồi, chúng ta bắt đầu học thôi*”. Rommel không biết cách phát âm các chữ cái, vì thế chúng tôi bắt đầu với chữ cái “A”. Mỗi tuần, chúng tôi học một nguyên âm và một phụ âm. Rommel tự nghĩ ra cách để ghi nhớ. Với mỗi âm mới, cậu sáng tạo ra một nhân vật. *Alex - kẻ dùng rìu màu xanh. Iggy - con cự đà ngu ngốc. Oscar - con bạch tuộc. Dingo - con chó*. Cậu vẽ tranh về những nhân vật này và dán chúng khắp tường của lớp học. Khi quên một âm, cậu lại liếc nhìn tường. Dần dần, cậu học cách nối những âm này thành từ.

Nhiều tuần sau, Rommel cùng tôi tới văn phòng của cô Bruton, ở đó rất đông học sinh. “*Các em, chờ cô một lúc nhé,*” - cô nói. Rommel đứng bên cạnh cô. Cậu bé háng giọng rồi mở cuốn *The Foot Book (Cuốn sách về chân)* của Giáo sư Seuss. Chẳng khác gì vị bộ trưởng uy nghiêm, cậu long trọng đọc từng câu trong đó.

Suốt một tuần, Rommel đã chuẩn bị rất kỹ lưỡng cho cuộc gặp gỡ với cô Bruton. Khi cậu bé đọc xong, cô Bruton đã ôm lấy cậu và nói “*Cô rất tự hào về em*”. Rommel tỏ ra bình thản như thể

đó chẳng phải việc gì lớn lao. Sau đó, cô Bruton nói rằng: “*Cô sẽ gọi điện cho mẹ em và kể cho mẹ em nghe về thành tích này*”. Đến lúc này thì Rommel không thể kìm nén thêm nữa. Gương mặt cậu rạng rỡ chưa từng thấy.

Khi kỳ nghỉ tới gần, việc luyện đọc của Rommel tiến triển với tốc độ bất ngờ. Chúng tôi chìm ngập trong từ, âm và các câu chuyện, Rommel tiếp thu tất cả như một người bị bỏ đói lâu ngày nay có được miếng ăn. Nhưng sau tất cả phương pháp nghĩ ra để luyện đọc, tôi đã quên một điều không kém phần quan trọng: viết. Tôi yêu cầu Rommel phải hoàn thành một bài viết sau kỳ nghỉ Giáng sinh và nói với cậu bé rằng chúng tôi sẽ bắt đầu mỗi buổi học bằng cách viết về kỳ nghỉ.

Trong bài viết của Rommel, câu đầu tiên do chính tay cậu bé viết là “*Em thích pa tê*”. Tới khi tiếp tục đi học sau kỳ nghỉ mùa xuân, cậu bé hoan hỉ khoe với tôi rằng cậu đang đọc *Harry Potter và tên tù nhân ngục Azkaban* - cuốn thứ ba trong loạt truyện Harry Potter. Tôi yêu cầu cậu viết về những gì đọc được. “*Trong chương hai, Harry đã quyết định bỏ nhà ra đi. Cậu lựa chọn ra đi vì cậu đã hất*

tung di Marge. Kết quả là cậu gặp Fudge và họ đã nói chuyện. Theo em, Harry đã có quyết định sáng suốt vì nếu ở lại, cậu chắc chắn sẽ gặp rắc rối”.

Trong một thời gian dài, tôi luôn cho rằng cơ hội để học tốt ở trường là không thiếu và lỗi là do Rommel chưa chịu cố gắng học đọc. Nhưng thực tế thì chẳng ai trong chúng tôi hiểu được niềm khát khao mong mỏi được đọc viết bình thường như các bạn của cậu bé. Không phải Rommel không thể đọc mà đơn giản vì chúng tôi đã không dạy cho cậu bé.

- Tyler Currie

Tình yêu trở lại

*Siêng năng như loài ong thôi chưa đủ.
Điều quan trọng là bạn dốc sức cho việc gì?*

- James Thurber

T rên đường lái xe trở lại khu nhà nghỉ bên bờ biển, tôi đã tự hứa với chính mình rằng, trong vòng hai tuần, tôi sẽ cố gắng trở thành một người chồng và một người cha biết yêu thương. Chỉ yêu thương thôi, không “nếu”, “và” hay “nhưng” gì cả.

Ý tưởng đó chợt đến khi tâm trí tôi đang mãi mê với lời một nhà tâm lý trên đài phát thanh được phát qua chiếc radio lắp sẵn trên xe. Thông điệp anh ta đưa ra được trích từ Kinh Thánh rằng những người chồng cần biết quan tâm và yêu thương vợ mình. Nhà tâm lý còn nói: “*Tình*

yêu do lý trí của chính ta quyết định. Mỗi người có thể lựa chọn người mình yêu thương". Nhìn nhận lại bản thân, tôi phải thừa nhận rằng tôi là một người chồng ích kỷ và tình yêu giữa chúng tôi đang chết dần do sự vô tâm của tôi. Điều đó thể hiện ở những việc hết sức vụn vặt như tôi hay cầu nhàu rằng Evelyn chậm chạp; tôi khăng khăng đòi bật kênh truyền hình mà tôi muốn xem; tôi ném những tờ báo cũ đi dù biết rằng Evelyn vẫn muốn đọc. Vâng, trong hai tuần, điều đó phải thay đổi.

Và thực sự mọi thứ đã thay đổi, thay đổi ngay từ khi tôi hôn Evelyn ở cửa rồi nhẹ nhàng cất lời khen: *"Em mặc chiếc áo len màu vàng này rất đẹp đấy"*.

"Ôi Tom, anh cũng nhận ra sao!" - Cô ấy thốt lên đầy ngạc nhiên và hạnh phúc. Đâu đó trên gương mặt Evelyn xen lẫn chút khó hiểu.

Sau một chuyến đi dài, tôi muốn ngồi nghỉ và đọc sách, nhưng Evelyn lại gợi ý đi dạo trên bãi biển cùng cô ấy. Ngay lập tức, tôi từ chối, nhưng sau đó tôi nghĩ *"Cả tuần nay Evelyn đã phải ở đây một mình cùng bọn trẻ, bây giờ cô ấy chỉ muốn những phút giây riêng tư bên mình"*. Nghĩ rồi, tôi

đứng lên cùng cô ấy đi dạo dọc bờ biển trong khi bọn trẻ mãi mê thả diều.

Và mọi việc cứ thế tiếp diễn. Hai tuần tôi không gọi điện đến công ty đầu tư ở phố Wall dù tôi làm giám đốc, thay vào đó, chúng tôi tới thăm viện bảo tàng (nơi mà trước đây tôi từng rất ghét đến). Tôi cố gắng không phàn nàn tiếng nào khi sự chuẩn bị của Evelyn khiến cả hai trẻ giờ hẹn hò ăn tối. Thư giãn và hạnh phúc, đó là cảm giác mà tôi có được trong và sau kỳ nghỉ. Tôi tự hứa với mình rằng tôi không được quên rằng mình đang *lựa chọn* yêu thương.

Và một chuyện khá hài hước đã xảy đến với thử nghiệm của tôi. Cho đến bây giờ tôi và Evelyn vẫn còn bật cười khi nhớ về nó. Trong đêm cuối cùng ở nhà nghỉ, khi đang chuẩn bị đi ngủ thì Evelyn nhìn tôi, vẻ mặt đầy lo lắng.

- Chuyện gì vậy em? - Tôi hỏi cô ấy.

- Tom...- Evelyn nói, giọng đầy căng thẳng. - Anh có biết điều gì đang xảy đến với em không?

- Ý em là sao?

- À, ... thì về lần khám bệnh vài tuần trước... bác sĩ... ông ấy có nói gì với anh về em không?

Tom, anh thật tốt với em... có phải em sắp chết không?

Phải mất một phút chúng tôi cùng im lặng, sau đó, tôi phá lên cười.

- Không em yêu ạ! - Tôi nói rồi ôm cô ấy vào lòng. - Em sẽ không chết. *Chỉ là anh đang bắt đầu thực sự sống thôi!*

- Tom Anderson

Tôi sẽ làm được

*Chúng ta thường xuýt xoa trước thành tích
của những người hùng mà quên mất rằng
chúng ta cũng là anh hùng trong mắt
người khác.*

- Hellen Hayers

Không đợi đến khi rời khỏi Nhà Trắng⁽¹⁰⁾ để trở về với cuộc sống đời thường, người thân trong gia đình mới nhận thấy những vấn đề bất ổn ở tôi. Suốt 14 năm trước đó tôi liên tục phải dùng thuốc để chữa trị chứng đau nhức dây thần kinh, bệnh viêm khớp, chứng co thắt cơ ở cổ, thêm vào đó là ca phẫu thuật vú vào năm 1974. Trước hàng loạt thuốc được kê, cơ thể tôi tự hình thành khả năng chịu thuốc rất cao, chỉ cần một ngụm rượu nhỏ uống sau khi dùng thuốc cũng có thể khiến tôi chệnh choáng không đứng vững.

(10) Tác giả bài viết này là Betty Ford, phu nhân của Tổng thống Gerald Rudolph Ford (nhiệm kỳ 1974 -1977).

Mùa thu năm 1977, tôi tới Mátxcova để biểu diễn vở ba lê *Chú lính gỗ* do đài truyền hình tổ chức. Sau đó, có những lời bình luận không hay về bài biểu diễn của tôi, rằng tôi cứ đứng trân trân trên sân khấu, mắt ngơ ngác còn lưỡi thì như cứng lại. Jerry và các con tôi rất lo lắng nhưng tôi không biết chuyện gì đang xảy ra và tôi đã thay đổi thế nào. Chỉ đến bây giờ tôi mới biết rằng sau chuyến đi Nga, tôi bắt đầu mắc chứng đãng trí.

Cuối cùng, con gái tôi - Susan - đã bàn bạc về tình trạng của tôi với bác sĩ. Ông ấy khuyên gia đình tôi áp dụng phương pháp can thiệp trực tiếp. Trước đây, người ta cho rằng đối với một người nghiện rượu hoặc quá phụ thuộc vào thuốc, hãy để họ nếm trải tình trạng tồi tệ nhất, có thể tự bản thân họ mới quyết tâm chữa trị và quá trình điều trị sau đó mới đạt hiệu quả. Nhưng giờ đây, khoa học hiện đại đã chứng minh rằng gia đình và những người thân cận của bệnh nhân đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ người bệnh. Với biện pháp mới này, tỷ lệ khỏi bệnh gia tăng đáng kể.

Trong lúc Jerry đang có chuyến công tác

ở phía Đông, bác sĩ, Susan và thư ký của tôi - Caroline Convetry, đã họp nhau lại trong phòng khách và bắt đầu gạn hỏi tôi. Họ bắt đầu bằng việc khuyên tôi nên từ bỏ mọi loại thuốc và rượu. Điều này khiến tôi hết sức buồn bã và giận dữ. Ngay khi mọi người ra về, tôi liền gọi điện thoại cho một người bạn và than phiền rằng họ đã can thiệp quá sâu vào cuộc sống riêng tư của tôi. (Tôi không nhớ cuộc gọi, sau này người bạn ấy đã kể lại cho tôi).

Một buổi sáng thứ Bảy, ngày mùng một tháng Tư, tôi đang định gọi điện thoại cho con trai Mike và vợ của nó - Gayle, ở Pittsburgh thì cánh cửa chính bật mở và rồi chúng bước vào cùng toàn thể gia đình. Tôi bắt đầu lo lắng vì cho rằng chúng tập trung lại là do tôi bị ốm. Chúng tôi ôm hôn nhau rồi cùng bước vào phòng khách, ở đây bọn trẻ lại gạn hỏi tôi thêm lần nữa. Tất cả đều tỏ ra rất nghiêm túc. Chúng còn đưa theo đại tá Joe Pursch - vị bác sĩ quân y hiện đứng đầu *Dịch vụ phục hồi chức năng cho những người nghiện rượu và thuốc* ở Long Beach.

Tôi ngỡ ngàng. Mike và Gayle nói chúng muốn có con, vì vậy chúng muốn tôi phải thật

khỏe mạnh để có thể tự chăm lo cho bản thân mình. Jerry nhắc lại những lần tôi ngủ gật trên ghế và những bài phát biểu mà tôi bỗng quên giữa chừng. Steve thì nhắc lại chuyện từng xảy ra một tuần trước đó, khi nó cùng người bạn gái tới nấu bữa tối cho tôi nhưng tôi lại quên, không tới bàn ăn đúng giờ. Steve kể: *“Lúc đấy, mẹ mãi mê ngồi xem ti vi và còn uống rượu nữa chứ, một cốc, hai cốc, rồi ba cốc. Mẹ khiến con thực sự đau lòng”*.

Tim tôi nhói đau. Bọn trẻ khiến tôi bị tổn thương. Rồi tôi khóc. Nhưng tôi vẫn đủ minh mẫn để nhận ra rằng không phải chúng đến để đay nghiến, chỉ trích tôi mà chúng có mặt ở đây là vì yêu thương và muốn giúp đỡ tôi.

Tôi kiên quyết bác bỏ mọi lời giải thích rằng rượu là nguyên nhân dẫn đến căn bệnh của tôi và chỉ dám thừa nhận rằng tôi đã dùng thuốc quá nhiều. Đại tá Pursch an ủi tôi là mọi chuyện không có gì nghiêm trọng cả. Ông đưa cho tôi cuốn *Phương pháp cai rượu* rồi bảo tôi đọc, ông đã thay từ *“chất gây nghiện”* bằng từ *“rượu”*. Khi một liều thuốc an thần hoặc một ly rượu Martini có tác dụng an thần tương tự

nhau thì bạn cũng có thể dùng chung một cuốn sách cho cả hai vấn đề: *ruou* và *thuốc*. Và khi tôi nói “*thuốc*” thì điều đó có nghĩa là tôi đang nói về những loại dược phẩm đã được kiểm duyệt và được bác sĩ kê toa đang hoàng.

Thực tế, tôi bắt đầu lạm dụng thuốc như vậy kể từ khi nghe lời khuyên rằng hãy uống thuốc trước khi bệnh tật ghé thăm bạn. Tôi uống thuốc giảm đau, uống thuốc để dễ ngủ và uống cả thuốc an thần. Ngày nay, các bác sĩ mới nhận ra nhiều hiểm họa từ việc lạm dụng thuốc như vậy, trước đó nhiều bác sĩ vẫn tỏ ra tin tưởng và kê thuốc theo cách này.

Hai ngày sau sinh nhật lần thứ 60 của tôi, tôi nhập viện ở Long Beach. Mặc dù đủ khả năng để chọn một trung tâm y tế tư sang trọng nhưng tôi không làm thế. Tôi nghĩ, sẽ tốt hơn nếu tôi điều trị ở trung tâm y tế cộng đồng thay vì lán mình trong khu phòng khám xa hoa kia. Thêm vào đó, tôi sẽ công bố cho báo chí biết tình trạng dùng thuốc quá lâu của mình khi tôi được chăm sóc an toàn tại đây.

Đại tá Pursch gặp tôi ở tầng bốn rồi đưa tôi tới một căn phòng có bốn giường bệnh. Tôi

hơi do dự. Trước nay tôi vẫn muốn được riêng tư hơn. Có lẽ tôi sẽ không đăng ký vào đây và không công khai tình trạng của mình nữa. Nhưng lúc đó, đại tá Pursch đã xử lý tình huống rất khéo léo. Ông nói: *“Nếu bà muốn ở một căn phòng riêng thì tôi sẽ chuyển tất cả các nữ bệnh nhân này ra khỏi đây...”*. Ông ấy dẫn tôi vào thế bí bằng cách cho tôi toàn quyền quyết định. *“Không, không, ý tôi không phải như vậy!”* - Tôi gạt đi một cách vội vã và ngượng ngập. Một giờ sau, tôi đã yên vị trong căn phòng cùng ba nữ bệnh nhân khác và thông cáo của tôi cũng được tuyên bố cho giới truyền thông.

Ngày 15 tháng 4, ngày cuối trong tuần đầu tiên ở Long Beach, Steve - con trai tôi, đã trả lời một phóng viên khi bị anh ta săn đón ngoài bệnh viện rằng tôi phải đấu tranh trước tác hại của cả thuốc lẫn rượu. Tôi không thể vui nổi. Thậm chí tôi còn chưa kịp chuẩn bị tinh thần để chấp nhận điều ấy. Cả tuần qua tôi chỉ đề cập tới thuốc và mọi người đều gạt đầu tỏ vẻ thông cảm kia mà.

Năm ngày sau, một cuộc gặp gỡ tại văn phòng đại tá Pursch diễn ra. Jerry và tôi cũng

có mặt tại đó cùng một số bác sĩ khác. Họ nói với tôi rằng tôi nên công khai thừa nhận mình nghiện rượu. Nhưng tôi từ chối. *“Tôi không muốn chồng tôi phải xấu hổ.”* - Tôi trả lời.

“Bà đang cố gắng lẫn tránh bằng cách viện dẫn chồng bà làm lý do thôi.” - Đại tá Pursch nói. *“Tại sao bà không hỏi ông ấy xem ông ấy có cảm thấy xấu hổ không khi bà thừa nhận mình nghiện rượu?”*.

Câu nói của ông ấy khiến tôi bật khóc. Khi Jerry diu tôi trở lại phòng bệnh, tôi vẫn nức nở như muốn nghẹt thở. Tôi không bao giờ muốn khóc như vậy một lần nữa. Điều đó thật kinh khủng. Nhưng khi tất cả qua đi, tôi bỗng cảm thấy khuây khỏa lạ thường.

Đêm hôm đó, nằm trần trọc trên giường, tôi đã viết một thông cáo khác: *“Tôi nhận thấy tôi không chỉ lạm dụng thuốc để xoa dịu chứng viêm khớp mà tôi còn nghiện rượu. Tôi mong rằng phương pháp điều trị này cùng sự giúp đỡ tận tâm của các bác sĩ ở đây sẽ giúp tôi vượt qua những khó khăn hiện tại. Tôi làm điều này không chỉ cho cá nhân tôi mà còn cho những bệnh nhân khác đang có mặt tại đây”*. Viết được

những dòng chữ như vậy quả là một bước tiến lớn đối với tôi, nhưng nó chỉ là một trong rất nhiều bước tiến khác mà tôi sẽ thực hiện sau này.

Nói về lý do tại sao tôi không thừa nhận rằng mình nghiện rượu, đó là vì mức độ nghiện của tôi không rõ ràng. Đúng là tôi từng phải chuẩn bị trước các bài phát biểu và có quên một số cuộc điện thoại; đúng là tôi từng ngã trong phòng tắm và bị gãy ba chiếc xương sườn, nhưng tôi chưa bao giờ uống rượu để giải khuây, chưa bao giờ uống rượu một mình. Tôi chưa từng giấu giếm rượu trong nhà vệ sinh. Tôi cũng chưa từng thất hứa, tôi chưa từng lái xe khi say xỉn. Và tôi cũng chưa bao giờ mất kiểm soát đến nỗi say sưa ở một nơi xa lạ trong thành phố.

Tôi rất yêu mến những người bạn cùng phòng ở Long Beach. Tất cả chúng tôi đều gọi nhau thân thiết bằng tên thật. Khi phải đương đầu với nỗi sợ hãi và sự đau đớn do tác hại của chất gây nghiện, chúng tôi nắm chặt tay nhau.

Mỗi ngày, khi đồng hồ điểm 6 giờ sáng, tôi vội thức dậy, thu dọn giường ngủ, nhâm nhi

một cốc cà phê rồi ra ngoài tập hợp theo hiệu lệnh để điểm danh. (Dù thế nào đi nữa thì tôi cũng đang ở trong quân đội!). Tiếp theo là công việc dọn dẹp, mỗi người chúng tôi đảm nhận một công việc quản gia. Thông thường, 8 giờ sáng là giờ “*gặp gỡ bác sĩ*”. Đó là khoảng thời gian bệnh nhân được trao đổi chuyện trò cùng bác sĩ, hầu hết các bác sĩ đều là viên chức trong quân đội. Họ được đào tạo để nhận biết triệu chứng nghiện và họ không được phép sử dụng thuốc để giải quyết vấn đề.

Buổi sáng, vào những lúc không phải tới gặp bác sĩ, tôi thường tham gia lớp trị liệu theo nhóm vào lúc 8 giờ 45 và một nhóm khác ngay sau bữa trưa. Sau bữa trưa, chúng tôi được nghe thuyết giảng hoặc xem phim, sau đó là một hoạt động khác. Mỗi nhóm gồm sáu hoặc bảy bệnh nhân và một cố vấn viên. Ở đây, các thành viên sẽ cảm nhận được sự ấm áp, nhận được những lời động viên chân tình và tình đồng đội. Chính những tình cảm ấy khiến cuộc sống của chúng tôi vui vẻ, nhẹ nhàng hơn. Nhóm của tôi gồm một thanh niên hai mươi tuổi (một thợ cơ khí chuyên sửa máy bay biết uống rượu từ năm lên tám), một nhân viên trẻ (đã kết hôn hai lần và hai lần ly dị)

và một tu sĩ (nghiện thuốc và rượu, đầu óc không minh mẫn).

Ban đầu, tôi cảm thấy rất miễn cưỡng khi tham gia các hoạt động này. Tôi không thoải mái và cũng không muốn trò chuyện. Rồi một ngày, một người phụ nữ đã chia sẻ với tôi rằng cô ấy không nghĩ việc cô ấy uống rượu là vấn đề lớn. Những lời nói ấy khiến tôi rất xúc động và cảm thông. *“Tôi là Betty”* - Tôi nói. - *“Tôi nghiện rượu và tôi biết việc đó khiến gia đình tôi rất đau lòng”*. Tôi đã nói những lời nói tự chính lòng mình mà tôi cũng không thể tin được. Tôi đang run lên; chính tay tôi đã xé bỏ lớp vỏ bọc chống đối mà tự tôi đã khoác lên mình.

Tất cả tâm sự trong nhóm đều được giữ kín. Chúng tôi có thể thoải mái thừa nhận việc mình từng phá hỏng xe ô tô, hủy hoại lá gan, làm hỏng hàm răng, phá vỡ cuộc hôn nhân và ước mơ của cả đời mình. Các thành viên trong nhóm sẽ chỉ gạt đầu và chia sẻ; sẽ không còn cảm giác đơn độc. Tuy nhiên sau đó, mọi chuyện vẫn thật tệ hại, chúng tôi vẫn có thể tự lừa gạt bản thân, nguyên rủa chính mình và căm giận bác sĩ.

Cuối cùng, điều quan trọng là chúng tôi phải

tự chịu trách nhiệm về cuộc sống của mình. Sau khi nhập viện, tôi nhận được rất nhiều hoa và thư từ của những người quan tâm. Rất nhiều người tốt bụng đã động viên tôi. Tờ báo *Washington Post* đã đăng tải một bài xã luận viết rằng thái độ chân thành của tôi khi đề cập tới cuộc phẫu thuật vú đã truyền niềm tin cho *“rất nhiều bệnh nhân và những người có nguy cơ mắc căn bệnh ung thư vú”*. Không những thế, tờ báo còn tán dương tôi vì đã công khai thừa nhận việc tôi nghiện rượu và thuốc: *“Bất kể sự già yếu và về tinh thần và tâm lý cùng những đau đớn về thể xác, bà vẫn quyết tâm vượt qua. Và điều đáng khâm phục hơn là bà đã không sợ hãi hay xấu hổ khi thẳng thắn thừa nhận sự thực đó”*.

Thầm cảm ơn tờ báo vì những lời khen tặng tốt đẹp nhưng tôi tự cảm thấy mình không xứng đáng. Tôi từng sợ hãi và cảm thấy xấu hổ. Tôi cũng từng quẫn quại trong nỗi cô đơn, sự buồn chán, tức giận và thiếu niềm tin. Dưới đây là một minh chứng trong trang nhật ký được viết ngày 21 tháng 4 ở Long Beach mà tôi vẫn còn giữ.

Bây giờ phải đi ngủ thôi. Những chiếc chăn len rách nát chết tiệt này. Chà hiểu sao mình

lại chui vào cái chốn đáng ghét này, đáng ghét không chỉ bởi những cái chần. Chương trình này liệu có ích lợi gì với những người đã bước sang tuổi 60 như mình? Mình đang làm cái quái gì ở đây thế này? Thậm chí, mình lại còn bắt đầu nói chuyện huyền thuyên như mấy tay thủy thủ nữa chứ. Mình có thể yêu cầu được ra khỏi đây nhưng mình không nên làm thế. Ôi mình muốn thoát khỏi chốn này quá. Lúc này mình chỉ muốn khóc thôi.

Chính vào lúc tôi buồn chán, không thêm cố gắng nữa thì mọi chuyện lại chuyển biến theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Trước đó tôi chưa từng gặp gỡ những con người này, nhưng ở đây chúng tôi cùng nhau chia sẻ và động viên nhau cố gắng hơn.

Tới cuối đợt điều trị ở Long Beach, tôi đã cởi mở nói chuyện với các thành viên trong nhóm. Chúng tôi là nhóm thứ sáu nên tôi gọi nhóm mình là Đội Sáu. Trong lòng tôi, họ có một vị trí đặc biệt quan trọng không thể diễn tả thành lời. Tôi bắt đầu khóc. Một thành viên trong nhóm trao tôi chiếc khăn giấy và nói: *“Bây giờ thì chúng cháu chắc rằng cô tốt hơn rồi”*.

Chẳng dễ gì có được sự thanh thản trong cuộc sống, nhưng tôi đang từng bước tiến tới điều đó. Tôi không còn muốn uống rượu nữa, điều này khiến tôi cảm thấy nhẹ nhõm hơn rất nhiều. Bệnh viện Eisenhower ở Palm Springs đang lên kế hoạch một chương trình rất thiết thực cho những bệnh nhân nghiện và tôi hy vọng được tham gia để giúp đỡ mọi người. Đó là phương pháp trị liệu hữu hiệu nhất có thể.

Tôi biết, có rất nhiều người phụ thuộc vào chất gây nghiện như tôi. Nhiều phụ nữ nghiện rượu mà không ai biết, chỉ đến khi mọi người thẳng thắn gan hỏi hoặc khi chính họ đã suy sụp cả tinh thần lẫn thể chất thì mọi chuyện mới vỡ lở. Nhiều nữ doanh nhân thành đạt, nhiều nữ lãnh đạo thay vì dùng những ly trà đá, hay cà phê, họ lại dùng rượu Vodka để giúp mình tỉnh táo và hứng khởi hơn trong công việc. Dần dần, khi đã bị phụ thuộc vào những chất gây nghiện này thì việc dứt bỏ nó quả là khó khăn.

Tôi thực sự biết ơn đại tá Pursch và những người bạn tôi có được ở Long Beach. Chính kinh nghiệm và sự quan tâm của họ đã tiếp thêm sức mạnh cho tôi, giúp tôi thêm quý trọng bản thân.

Tôi tin rằng còn nhiều điều phía trước đáng để
tôi học hỏi, vì vậy tôi sẽ nỗ lực hết mình và mở
rộng vòng tay chào đón chúng. Tôi sẽ làm được!

- Betty Ford

Buổi lễ tốt nghiệp của Maya⁽¹¹⁾

*Tôi biết, thế giới này đầy rẫy
những khó khăn và bất công,
nhưng tôi nghĩ sống lạc quan
cũng quan trọng không kém
việc nhìn thẳng vào hiện thực
khắc nghiệt.*

- Oscar Hammerstein II

Những ngày cuối năm học 1940, sự hào hứng lộ rõ trên từng gương mặt những đứa trẻ da đen ở Stamps. Đây là thời điểm tốt nghiệp của lớp đàn anh và các học sinh năm thứ 3 sẽ kế thừa chỗ ngồi của các anh chị lớp trước. Chúng hùng dũng bước đi khiến học sinh lớp dưới cũng cảm thấy căng thẳng. Nhưng, sự thay đổi

(11) Maya Angelou (1928 -): Nữ thi sĩ nổi tiếng người Mỹ da đen.

ở những học sinh sắp tốt nghiệp là rõ hơn cả. Ngay đến cả các giáo viên cũng phải ngạc nhiên trước sự trầm lắng và chững chạc lạ thường này.

Không giống những trường học của người da trắng ở Stamps, trường đào tạo Hạt Lafayette mang một dáng vẻ riêng - không bãi cỏ, không hàng rào, không sân tennis. Hai tòa nhà của trường được xây dựng trên một ngọn đồi xấu xí. Một phần diện tích lớn mở rộng về phía trái của trường được sử dụng luân phiên làm sân tập bóng rổ và bóng chày. Những chiếc vòng tròn han gỉ trên mấy cây cột đung đưa chính là những dụng cụ giải trí lâu đời của trường.

Giữa khu vực lớn ngổn sỏi đá chỉ loáng thoáng đâu đó bóng mát của mấy cây hồng vàng, học sinh cuối cấp đang dạo bước. Chúng dường như chưa sẵn sàng chia tay trường cũ, những con đường quen thuộc, những lớp học thân thương. Trong số những học sinh này, chỉ một số nhỏ tiếp tục học lên đại học, còn đại đa số sẽ trở thành những thợ mộc, nông dân, thủy thủ, thợ xây, hầu bàn, đầu bếp, hoặc bảo mẫu. Tương lai đầy khó nhọc chờ đợi phía trước khiến chúng khó lòng tận hưởng trọn vẹn niềm vui của ngày lễ tốt nghiệp.

Trong khi đó, tại nhà, tôi đang đắm mình trong niềm vui - niềm vui của một cô gái chuẩn bị đón ngày trọng đại, niềm vui được là trung tâm của mọi sự chú ý. Các bạn gái trong lớp tôi sẽ mặc bộ váy vải bông sọc màu vàng trong buổi lễ tốt nghiệp còn chiếc váy của tôi đã được mẹ trang trí đẹp mắt bằng những nếp gấp chéo rất khéo. Tôi tin chắc mình sẽ rất đáng yêu nên không còn bận lòng với việc tôi chỉ mới 12 tuổi và đang là học sinh lớp tám sắp tốt nghiệp trường phổ thông nữa.

Ở lớp, tôi luôn dẫn đầu về thành tích học tập, vì vậy tôi trở thành một trong những học sinh đầu tiên được vinh danh trong buổi lễ mừng tốt nghiệp. Nhưng Henry Reed - cậu bạn nhỏ thó có đôi mắt to sâu, mới là người đại diện cho học sinh toàn trường đọc diễn văn tạm biệt. Học kỳ nào, cậu ấy và tôi cũng đạt điểm cao. Thường thì điểm của cậu ấy cao hơn tôi một chút. Tuy vậy, tôi không lấy thế làm thất vọng, trái lại, tôi cảm thấy vui khi cả hai chúng tôi cùng chia sẻ vị trí dẫn đầu lớp. Trong giao tiếp, cậu ấy rất nhã nhặn với những người lớn tuổi, nhưng trên sân chơi, cậu ấy luôn lựa chọn những trò chơi

nhiều kịch tính nhất. Tôi rất ngưỡng mộ Reed. Những người có thể chiếm được cảm tình của cả người lớn và trẻ nhỏ như vậy thật đáng phục.

Vài tuần trước ngày tốt nghiệp, trường tôi diễn ra rất nhiều hoạt động sôi nổi. Một nhóm học sinh lớp dưới diễn kịch. Người ta có thể nghe thấy tiếng học sinh tập khiêu vũ và ca hát trong khắp các phòng học. Nữ sinh lớp lớn hơn được giao nhiệm vụ làm thức ăn cho đêm lễ hội. Mùi thơm của gừng, quế, hạt nhục đậu khấu và sô-cô-la phảng phất khắp tòa nhà. Trong các phân xưởng, các nam sinh mài miết tay rìu tay cưa xẻ gỗ dựng sân khấu.

Cuối cùng thì ngày quan trọng nhất cũng tới. Tôi nhóm dậy khỏi giường, mở toang cửa sổ phía sau để quan sát mọi vật rõ hơn. Những tia nắng tinh khôi len qua khe cửa. Chắc chắn chỉ vài giờ nữa thôi, nắng vàng sẽ trải đều khắp nơi. Khoác hờ chiếc áo choàng, trong khi đôi chân vẫn để trần, tôi đắm mình dưới ánh nắng ấm áp và cầu nguyện: *Lạy Chúa, dù cho con đã mắc phải bất cứ lỗi lầm gì đi nữa cũng xin Người để con được sống và tận hưởng hết ngày hôm nay.*

Anh trai tôi, Bailey, bước vào rồi trao cho tôi một cái hộp được bọc cẩn thận bằng giấy Giáng sinh rất đẹp. Anh ấy nói rằng để có được món quà này, anh ấy đã phải dành dụm tiền trong rất nhiều tháng. Đó là bản photo có bìa da mềm tuyển tập thơ của nhà thơ Edgar Allan Poe. Cả hai anh em cùng đứng dậy bước xuống đi dọc những luống cây trong vườn, đất mềm mại mát lạnh giữa những ngón chân khiến tôi chột liên tưởng đến những dòng thơ buồn nhưng diễm lệ.

Trong nhà, mẹ tôi đã làm bữa sáng ngày Chủ nhật mặc dù hôm nay mới chỉ là thứ Sáu. Sau khi cả nhà cầu nguyện xong, tôi mở mắt ra thì thấy cái đồng hồ chuột Mickey trên đĩa của mình. Tất cả như một giấc mơ. Mọi thứ diễn ra thật suôn sẻ. Gần tối, tôi xúng xính trong bộ váy đẹp nhất. Bộ váy vừa vặn một cách hoàn hảo. Mọi người khen rằng tôi chẳng khác nào một tia nắng tinh khôi.

Trước khi bước vào trường, tôi gia nhập vào nhóm “*những học sinh xuất sắc*” của lớp sắp tốt nghiệp. Các bạn nữ đều búi tóc ra sau, mặc váy mới và mang vớ một cách chần chừ; thêm vào đó

là những chiếc khăn tay sạch đẹp và những chiếc túi nhỏ điệu dàng. Tất cả đều được may tại nhà. Lòng tôi tràn ngập cảm giác náo nức.

Ban nhạc của trường đang tập hợp diễu hành, tất cả các lớp đều ngồi trong khán phòng chật cứng theo sự sắp xếp trước đó. Chúng tôi đứng phía trước dãy ghế đã được chỉ định để hát quốc ca, sau đó đọc lời cam kết trung thành với Tổ quốc.

Sau đó, chúng tôi vẫn đứng trang nghiêm để hát vang bài hát mà người dân da đen chúng tôi gọi là bài quốc ca Negro. Nhưng đúng lúc đó, người chỉ huy hợp xướng và thầy hiệu trưởng lại ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống. “*Thật khó chịu*” - Tôi thầm nghĩ. Trong lúc lóng ngóng tìm ghế ngồi cho mình, tôi chợt có linh tính về điều gì đó không hay sắp xảy ra.

Sau khi lên tiếng chào mừng các bậc phụ huynh và đông đảo bạn bè đã tới dự buổi lễ, thầy hiệu trưởng mời vị mục sư Tin lành Baptist lên làm lễ để mọi người cầu nguyện. Khi thầy hiệu trưởng trở lại sân khấu, giọng nói của ông thay đổi hẳn. Thầy nói những điều mơ hồ về tình bạn của những người tốt bụng đối với những

người kém may mắn. Giọng thầy như muốn vỡ òa. Nhưng rồi thầy hắng giọng và tiếp tục nói: *“Vị khách mời đáng kính sẽ đọc bài diễn văn cho lễ phát bằng của chúng ta tối nay đến từ Texarkana. Nhưng vì lịch trình đoàn tàu có một số thay đổi bất ngờ nên theo như thông báo, ông sẽ tới phát biểu một vài lời rồi phải đi ngay. Tôi xin trân trọng giới thiệu tới các bạn: Thầy Edward Donleavy”.*

Nhưng không phải một người mà là hai người đàn ông da trắng bước ra từ cánh cửa đằng sau sân khấu. Người thấp hơn bước tới bục dành cho diễn giả còn người đàn ông cao lớn chưa được giới thiệu bước tới phía ghế ngồi ở trung tâm - ghế ngồi của thầy hiệu trưởng, rồi ngồi xuống. Thầy hiệu trưởng nhún người, hít một hơi thật sâu. Cuối cùng vị mục sư Baptist đã nhường cho ông chiếc ghế của mình rồi rời khỏi sân khấu. Không khí lúc này có vẻ căng thẳng hơn bình thường.

Ông Donleavy nói với chúng tôi về những thay đổi tuyệt vời mà những đứa trẻ da đen ở Stamps như tôi sắp được hưởng. Trường Trung tâm (dĩ nhiên, trường của người da trắng được

gọi là trường Trung tâm) đã thuê được một họa sĩ nổi tiếng ở Little Rock tới để dạy vẽ cho học sinh trong trường. Các học sinh đó còn sắp có những chiếc kính hiển vi mới nhất cùng các thiết bị hóa học tân tiến nhất cho phòng thí nghiệm. Sau những lời mào đầu đó, ông Donleavy không để tôi và mọi người phải tò mò lâu về người đã đưa những tiến bộ này tới trường phổ thông trung tâm. Và ông cũng nhấn mạnh rằng toàn thể học sinh ngồi đây cũng sẽ được hưởng những tiến bộ chung mà ông đã lên kế hoạch sẵn.

Ông kể ông đã nói với các cán bộ cấp cao rằng một trong những trung vệ phòng ngự xuất sắc nhất ở trường Đại học Arkansas Agriculture, Mechanical and Normal (AM&N) đã tốt nghiệp từ trường đào tạo Hạt Lafayette. Ông tiếp tục nói về niềm tự hào khi *“một trong những cầu thủ bóng rổ giỏi nhất ở trường Đại học Fisk đã có bước khởi đầu từ trường đào tạo Hạt Lafayette”*.

Ông còn kể nhiều điều khác. Nếu những đứa trẻ da trắng sẽ có cơ hội trở thành Galileo⁽¹²⁾,

(12) Galileo Galilei (1564 – 1642): Nhà vật lý, toán học và thiên văn học người Ý.

Marie Curie⁽¹³⁾, Edison⁽¹⁴⁾ hay Gauguin⁽¹⁵⁾ thì những bé trai ở đây (bé gái không được nhắc tới) hãy cố gắng trở thành Jesse Owens⁽¹⁶⁾ và Joe Louis⁽¹⁷⁾. Đúng là Owens và Joe Louis là những anh hùng vĩ đại của người da đen, nhưng người đàn ông da trắng kia có quyền gì mà dám khẳng định rằng *đó sẽ là hai người hùng duy nhất* của chúng tôi? Ai dám nói rằng để trở thành nhà khoa học, Henry Reed phải làm việc giống như George Washington Carver⁽¹⁸⁾ - một người Mỹ

(13) Marie Curie (1867 – 1934): Nhà hóa học người Pháp gốc Ba Lan đã hai lần nhận giải Nobel (Vật lý năm 1903 và Hóa học năm 1911). Bà đã thành lập Viện Curie ở Paris và Warszawa.

(14) Thomas Alva Edison (1847 - 1931): Nhà phát minh và kinh doanh người Mỹ. Ông đã cho ra đời khoảng 1.300 phát minh có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống con người trên toàn thế giới; trong số đó nổi tiếng nhất là việc phát minh ra bóng đèn điện và máy quay đĩa.

(15) Eugène Henri Paul Gauguin (1848 - 1903): Họa sĩ hàng đầu của trường phái Hậu - Ấn tượng.

(16) Jesse Owens (1913-1980): Vận động viên điền kinh nổi tiếng thế giới.

(17) Joe Louis (1914-1981): Võ sĩ huyền thoại trong làng quyền Anh hạng nặng trên thế giới. Ông được đánh giá là một trong mười võ sĩ vĩ đại nhất của lịch sử quyền Anh.

(18) George Washington Carver (1864 -1943): Nhà khoa học, nhà thực vật học, nhà sư phạm và nhà sáng chế người Mỹ. Những nghiên cứu và thành quả mà ông tìm ra đã tạo ra cuộc cách mạng cho nền nông nghiệp ở phía Nam Hoa Kỳ.

gốc Phi, mới có thể mua được một chiếc kính hiển vi rẻ tiền?

Thầy Donleavy đang tranh cử và ông đang cố gắng thuyết phục các bậc phụ huynh rằng nếu ông giành thắng lợi, chúng tôi sẽ có sân chơi đẳng hoàng duy nhất dành cho người da màu ở khu vực Arkansas. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng sẽ có những thiết bị mới cho tòa nhà kinh tế gia đình và các phân xưởng.

Những từ ngữ khó chịu của người đàn ông này bị mọi người tảng lờ chẳng khác nào mấy viên gạch vô nghĩa quanh khu sân khấu. Cả bên trái và bên phải chỗ ngồi của tôi, lớp sắp tốt nghiệp đầy kiêu hãnh đã ngủ gục từ bao giờ. Còn các nữ sinh ngồi cùng hàng với tôi thì chăm chú thực hiện những ý tưởng mới lạ mà họ vừa nghĩ ra cho chiếc khăn tay. Một số bạn ngồi xếp khăn thành những biểu tượng nút thắt tình yêu, một số khác gấp thành hình tam giác.

Trên khán đài, thầy hiệu trưởng ngồi một cách khó nhọc, và đầy vẻ bất lực. Thân hình to lớn nặng nhọc của ông dường như chẳng còn chút sinh khí và sự nhiệt tâm nào. Đôi mắt ông như muốn nói rằng ông chẳng còn được gần bó với học sinh ở đây nữa.

Buổi lễ tốt nghiệp, khoảnh khắc tuyệt vời đáng nhớ của hoa giấy và các món quà cùng lời chúc mừng và tấm bằng tốt nghiệp đã kết thúc trước khi tên tôi được xướng lên. Tôi không nhận được gì hết. Những tấm bản đồ được vẽ tỉ mỉ bằng ba màu mực, những buổi học và luyện tập phát âm những từ có mười âm tiết, những khoảng thời gian cố gắng học thuộc lời thoại của vở kịch... Tất cả đều trở thành vô nghĩa. Chính thầy Donleavy đã làm hỏng công sức của chúng tôi. Chúng tôi sẽ trở thành những người bảo mẫu và nông dân, thủy thủ và người giặt giũ; còn những địa vị cao quý hơn thì dù chúng tôi luôn khao khát đi nữa vẫn sẽ chỉ là một ước mơ mực cười khó có cơ may trở thành hiện thực.

Đâu đó có tiếng xì xầm và rồi Henry Reed lên đọc bài diễn văn từ biệt trước khi tốt nghiệp: *“Tồn tại hay không tồn tại”* - giáo viên tiếng Anh đã giúp cậu sáng tạo một lời tự vấn phỏng theo đoạn độc thoại của Hamlet. *“Là một người đàn ông, một người dám làm, một thợ xây, một người lãnh đạo hay chỉ là một công cụ, một câu chuyện đùa nhợt nhẽ hoặc một chiếc máy nghiền”*. Tôi lấy làm lạ rằng Henry có thể trình bày bài diễn văn

suôn sẻ như thể cậu ấy đang đứng trước những sự chọn lựa vậy.

Tôi chăm chú lắng nghe, đôi mắt tôi khép lại để lặng yên cảm nhận từng câu chữ; sau đó có một tiếng sượt. Tôi quay ra nhìn thì thấy Henry quay lưng về phía khán giả rồi quay về phía chúng tôi - những gương mặt sắp tốt nghiệp năm 1940 và hát, giọng cậu gần như đọc.

“Hãy cất lời ca tiếng hát

*Cho đến khi trái đất và thiên đàng cùng
ngân vang*

Vui mừng với niềm hạnh phúc

Được tự do...”

Đó là bài hát quốc ca Negro của người da đen. Dù không quen nhưng những học sinh sắp tốt nghiệp chúng tôi cũng bắt đầu cất tiếng hát. Các phụ huynh đứng lên rồi cất giọng hòa vào bầu không khí vui vẻ ấy. Tiếp theo là những học sinh lớp dưới, chúng hân hoan hát:

“Dù đường ta đi có lắm gian nan

Đắng cay khổ sở muôn vàn

Những tưởng hy vọng đã vụt tắt

Nhưng với một trái tim đập rộn ràng

Dù đôi chân trần

Ta vẫn vững bước theo khát vọng ông cha”.

Mỗi đứa trẻ ở đây đều thuộc lòng bài hát này từ thuở bập bẹ từng chữ cái A B C. Nhưng với tôi, chưa bao giờ tôi chăm chú lắng nghe và hết mình cảm nhận từng câu từng chữ mặc dù đã hát chúng hàng ngàn lần. Chưa bao giờ tôi nhận ra những câu từ ấy lại có ý nghĩa lớn lao với mình đến vậy. Và bây giờ tôi đã hiểu, hiểu thực sự lần đầu tiên:

“Ta đã bước qua con đường

Thấm đẫm bao lệ rơi đau khổ

Quyết chí theo mục đích đã chọn

Dù cho máu xương hy sinh chất chồng”.

Trong khi âm hưởng của bài hát vẫn vang vọng khắp hội trường thì Henry Reed đã quay về chỗ ngồi trong hàng ghế. Gương mặt những người tham dự không giấu nổi giọt nước mắt xúc động nghẹn ngào.

Chúng tôi cảm nhận rõ niềm kiêu hãnh đang chảy tràn trong tim mình. Luôn luôn như vậy. Chúng tôi vẫn sống, vẫn vượt qua. Dù cuộc sống có muôn vàn khó khăn nhưng tâm hồn chúng tôi luôn tỏa sáng.

- *Maya Angelou*

Tạo ra bước ngoặt cho chính mình

*Tôi thực sự tin rằng
chất lượng cuộc sống và hạnh phúc
của bạn phụ thuộc vào sự can đảm,
ý chí và quyết tâm của chính bạn.
Có thể bạn sẽ va vấp với nhiều khó khăn
trắc trở, nhưng thành hay bại
đều là do bạn.*

- Laura Schlessinger

Năm 16 tuổi, tôi tìm được công việc đóng gói hàng tạp phẩm tại một cửa hàng dành cho nam giới ở Gardena - một vùng ngoại ô của Los Angeles. Đó là vào những năm 50 và khi đó, các cửa hàng tạp phẩm thường sử dụng hộp lớn để đựng vật phẩm nặng.

Tôi nghĩ mọi thứ vậy là ổn cho đến cuối

ngày làm việc đầu tiên, khi người quản lý bảo tôi không cản trở lại làm việc nữa. Tốc độ đóng gói của tôi quá chậm.

Vốn là một đứa trẻ rụt rè, nhưng không hiểu sao, lúc ấy tôi dám tự tin nói với người quản lý rằng: *“Xin hãy để cháu quay lại vào ngày mai và thử thêm lần nữa. Cháu tin rằng cháu sẽ làm tốt hơn”*. Câu nói ấy hoàn toàn trái ngược với bản tính nhút nhát vốn có của tôi, nhưng nó đã phát huy tác dụng. Tôi nhận được cơ hội thứ hai, và tôi đã làm việc nhanh hơn rất nhiều. Một năm rưỡi sau đó, với những hàng tạp phẩm được đóng hộp từ lúc bốn giờ tới mười giờ mỗi ngày, tôi được trả tiền lương 1,25 đô la một giờ và đôi khi mức lương đó được áp dụng trong cả ngày thứ Bảy hoặc Chủ nhật.

Cũng chính giây phút thốt ra câu nói ấy đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong tâm trí tôi, đồng thời dạy tôi một bài học lớn: *Để có bất cứ điều gì trong đời, ta không thể chỉ ngồi và hy vọng điều đó xảy ra. Hãy hành động để buộc nó phải đến.*

Khi chọn con đường võ thuật karate, tôi vốn không phải một vận động viên có năng khiếu bẩm sinh nhưng tôi đã luyện tập chăm chỉ hết mình và

liên tiếp giữ chức vô địch thế giới cho hạng cân trung bình trong suốt 6 năm. Sau này, tôi còn quyết định trở thành một diễn viên, lúc đó tôi đã 36 tuổi và không có một chút kinh nghiệm nào. Vào thời điểm này, Hollywood có đến 16.000 diễn viên đang ngồi nhà chờ việc, vậy mà tôi dám đứng ra tranh tài với những người hiện là ngôi sao màn bạc nổi tiếng. Nếu tôi nói rằng “*tôi không có cơ hội*” thì một điều rõ ràng là tôi sẽ không có.

Nhiều người thường ca thán rằng, họ không thành công là vì họ chẳng có cơ hội nào để bứt phá. Nhưng họ quên mất rằng chính họ có thể tạo ra cơ hội cho mình.

- Chuck Norris

Ánh sáng trong địa ngục

*Chính bản thân chúng ta cũng hiểu rằng
những điều chúng ta đang làm chỉ như
hạt mưa sa giữa biển cả,
nhưng đại dương sẽ không thể tràn đầy
nếu thiếu những giọt nước nhỏ bé ấy.*

- Mẹ Teresa

Tại khu trại tập trung Bergen-Belsen, một đám trẻ quần áo rách nát, tả tơi đang đứng co ro ngoài trời. Những đợt gió lạnh cắt da cắt thịt liên tiếp quất vào cơ thể nhỏ bé khiến chúng run lên cầm cập. Đây là tuần đầu tiên của tháng 12 năm 1944, nhưng đã là bốn năm rưỡi kể từ khi những đứa trẻ người Do Thái bị bắt từ Hà Lan sang phải sống chui lủi trong

suốt những năm tháng chiến tranh và nhiều tháng trời liên miên bị cầm tù. Lúc này, chúng đang bị bỏ trong đơn độc và đói khát.

Tâm trí những đứa trẻ đáng thương ấy không thôi ám ảnh về cái ngày mà chúng đứng chết lặng nhìn cha và anh trai mình bị đưa lên những chuyến xe do quân phát xít Đức áp tải. Chẳng ai nói cho chúng nơi những người ruột thịt này sẽ bị đưa tới, chúng chỉ nghe bọn áp tải thì thầm tên của những doanh trại tử thần như: Auschwitz, Treblinka và Chelmno.

Sau khi bắt hết đàn ông, những chuyến xe tải lại tới để bắt phụ nữ. Khi người lớn đã bị đưa đi hết, những chuyến xe ấy lại tiếp tục đến bắt những đứa trẻ và rồi ném chúng xuống các khu trại phụ nữ. Khi đoàn xe tải vừa rời đi, cậu bé 11 tuổi Gerard Lakmaker nhận ra rằng những vật dụng cuối cùng được bọc trong chiếc chăn màu vàng đã biến mất. Giờ đây, trong bóng tối, chúng chỉ còn biết ôm lấy nhau. Những đứa trẻ lớn hơn cố gắng dỗ dành những đứa nhỏ đang quấy khóc.

Giữa sự u ám của một doanh trại gần kề, một người phụ nữ có tên Luba Gercak đang vội

và đánh thức những người bị giam cùng phòng: *“Có nghe thấy không? Tiếng trẻ con đang khóc đấy!”*. Có tiếng đáp: *“Chẳng có gì cả. Chắc cô lại mơ ngủ rồi”*. Luba trở lại chỗ nằm, cô nhắm chặt mắt và cố chôn vùi những ký ức kinh hoàng vừa hiện về trong tâm trí.

Luba lớn lên giữa một thị trấn nhỏ thuộc cộng đồng người Do Thái ở Hà Lan. Cô kết hôn với chàng trai Hersch Gercak làm nghề đóng đồ gỗ mỹ thuật khi còn rất trẻ và có một đứa con trai kháu khỉnh tên là Isaac. Cuộc sống hạnh phúc với niềm hy vọng về những đứa con khác và một tương lai yên bình những tưởng cứ thế trôi qua. Nhưng chẳng bao lâu sau chiến tranh nổ ra, và cũng như bao người khác, họ lập tức bị cuốn vào vòng xoáy ác nghiệt của bom đạn. Quân Đức Quốc xã tống tất cả những gì thuộc về người Do Thái lên những chiếc xe ngựa và bắt đầu chuyến hành trình kinh hoàng tới Auschwitz - trại tập trung khủng khiếp nhất trong hệ thống trại tập trung của Đức.

Khi Luba bước qua cánh cửa doanh trại, tay cô vẫn đang ôm chặt Isaac trong lòng, nhưng chỉ trong giây lát, quân SS đã giằng đứa bé ba

tuổi ra khỏi tay cô. Chúng ném Issac xuống chiếc xe tải chở những người già cả và trẻ con không đủ sức lao động. Tiếng thét gọi mẹ của Issac khiến trái tim cô quặn thắt. Chiếc xe tải lao đến phòng hơi ngạt. Nỗi đau mất con chưa kịp dịu đi, Luba lại phải tiếp tục đối diện với nỗi đau đón khôn cùng khi tận mắt chứng kiến chiếc xe tải chở thi thể của chồng. Cô chết lặng và không muốn sống nữa.

Nhưng trái tim ngoan cường không cho phép Luba đầu hàng. Đầu cô bị cạo trọc, con số tù 32967 được xăm lên cánh tay, và từ đó, cô bắt đầu công việc trong một bệnh viện ở Auschwitz - nơi những người bệnh bị bỏ mặc cho tới chết.

Chuỗi ngày cùng khổ vô tận và những đêm đầy bóng ma cứ lần lượt trôi qua. Luba dần học tiếng Đức và ra sức nghe ngóng mọi động tĩnh bên ngoài. Một lần, cô nghe tin chúng chuẩn bị chọn y tá để chuyển tới một doanh trại ở Đức. Luba đã tình nguyện xin đi. Vào tháng 12 năm 1944, cô được chuyển tới Bergen-Belsen. Ở đây không có phòng hơi ngạt nhưng đói khát, bệnh tật và những bản án tử hình được thi hành ngay tại chỗ khiến khắp không gian sặc mùi chết chóc.

Trước sức ép của lực lượng quân Đồng minh, tình hình vốn đã khốn khổ nay còn khủng khiếp gấp muôn phần. Những chuyến xe tải nối đuôi nhau mang tới những cơ thể đã mềm nhũn vì đói khát rồi ném vào các trại lính được xây dựng cầu thả và bẩn thỉu.

Nằm trong trại, Luba trần trọc không ngừng, vắng vắng bên tai cô là tiếng trẻ con khóc. Lần này, cô tiến về phía cửa trại và rồi chân cô khựng lại. Cảnh tượng một đám đông trẻ con đang run lên vì sợ hãi khiến cô chết lặng. Luba vẫy tay ra hiệu cho chúng tiến lại gần hơn. Sau vài giây suy nghĩ, mấy đứa trẻ thận trọng tiến về phía cô.

Giọng cô thì thào: *“Chuyện gì xảy ra vậy? Ai bỏ các cháu lại đây?”*.

Bằng tiếng Đức bập bẹ, một đứa trẻ lớn hơn tên là Jack Rodri đã giải thích rằng quân SS đã đưa chúng tới đây mà không nói chúng sẽ đi đâu. Đứa lớn nhất trong 54 đứa trẻ là Hetty Werkendam chỉ mới 14 tuổi. Cô bé đang bế Stella Degen 2 tuổi rưỡi. Những đứa khác ít tuổi hơn. Ôm Jack vào lòng, Luba ra hiệu cho những đứa trẻ còn lại đi theo cô.

Một vài phụ nữ ra sức ngăn cản việc Luba đưa bọn trẻ vào trại. Họ biết hậu quả của việc này có thể là một viên đạn phạt ngay sau giây vì dám chọc tức bọn lính SS. Nhưng Luba vẫn tiếp tục, cô tin tưởng vào việc mình đang làm. Những người phụ nữ đó chợt thấy xấu hổ khi Luba nói: *“Nếu những đứa trẻ này là con các chị thì các chị có bảo tôi đuổi chúng ra ngoài không? Nghe này, chúng cũng là con của một ai đó”*. Và rồi cô đưa đám trẻ vào trong.

Buổi sáng hôm sau, Jack Rodri kể cho Luba nghe những việc đã xảy ra với chúng. Ban đầu, bọn Đức Quốc xã chưa đối xử tàn bạo với chúng vì cha chúng là lực lượng trụ cột trong công cuộc khai thác kim cương ở Amsterdam và bọn Đức thì rất thèm khát kỹ thuật khai thác kim cương của họ. Những người thợ kim hoàn cùng gia đình của họ bị bắt đưa tới Bergen-Belsen. Sau đó, những đứa trẻ bị tách khỏi người thân và bị bỏ rơi ở nơi Luba đã tìm thấy chúng.

Trái tim Luba chợt rộn rã niềm vui. Cô cảm tạ Chúa đã đưa những đứa trẻ tới bên cô. Một lần nữa, Người giúp cô hiểu thêm ý nghĩa của

cuộc sống. Đúng là con trai cô đã bị giết hại, nhưng cô sẽ không để những đứa trẻ này rơi vào số phận tương tự.

Biết mình không thể giấu giếm bọn trẻ mãi như vậy được, Luba bèn trình bày sự việc xảy ra cho tay quản lý doanh trại. *“Hãy để tôi chăm lo cho chúng.”* - Cô nói rồi đặt một tay lên vai ông ta. *“Chúng sẽ không gây rắc rối đâu. Tôi xin hứa đấy!”*.

“Cô là một y tá, cô muốn gì ở bọn nhóc Do Thái khốn kiếp này?” - Ông ta hỏi.

“Bởi vì tôi cũng là một người mẹ, và bởi vì tôi đã mất đi đứa con của mình ở Auschwitz.” - Cô cay đắng nói.

Nói đến đây, viên SS bỗng nhận ra bàn tay cô đang đặt trên cánh tay ông ta. Tù binh không được phép chạm tới người Đức cao quý. Ông ta giáng thẳng vào mặt cô một cú đấm trời giáng khiến cô ngã lăn ra sàn.

Luba bò dậy, môi cô rỉ máu. Nhưng cô không phản kháng. Cô nói: *“Ông cũng ở tuổi làm cha, vậy tại sao ông lại muốn làm hại những đứa trẻ vô tội, những sinh linh vừa mới chào đời?”*

Chúng sẽ chết nếu không có ai chăm lo cho chúng”.

Có thể lời nói của cô khiến ông ta xúc động, hoặc cũng có thể ông ta không biết phải quyết định thế nào với lũ trẻ này. Ông ta la lên: *“Giữ lấy chúng đi. Quý tha ma bắt, cô hãy cút xuống địa ngục với chúng đi!”.*

Nhưng Luba chưa thôi. *“Chúng cần có thứ gì đó để ăn. Hãy cho tôi một ít bánh mì”.* Cuối cùng, ông ta cũng cho cô một tờ phiếu cấp hai ổ bánh mì.

Ở nơi mà cái đói kéo dài tưởng chừng bất tận như nơi đây, thức ăn trở thành mối quan tâm duy nhất trong ngày. Khẩu phần ăn quy định gồm một mẩu bánh mì cháy và một nửa bát xúp loãng khó có thể giúp người ta đánh bại cái đói. Vì thế mỗi sáng, Luba lại đi loanh quanh khu trại - kho dự trữ, bếp, lò bánh mì - cô nài nỉ, dối chác và thậm chí lấy trộm thức ăn. Những đứa trẻ ủa ra của khi trông thấy bóng dáng cô trở về. *“Cô ấy về rồi! Và cô ấy còn mang theo thức ăn cho chúng ta nữa!”*

Chúng yêu thương Luba như yêu thương người mẹ thứ hai của chúng bởi cô đã cứu

chúng thoát khỏi đói khát, chăm sóc chúng mỗi khi chúng bị bệnh và hát ru chúng trong những đêm dài tăm tối. Những đứa trẻ nói tiếng Hà Lan này không hiểu cô nói gì, nhưng chúng biết tình yêu cô dành cho chúng.

Hàng tuần rồi hàng tháng cứ nối tiếp trôi qua. Tù binh ở Bergen-Belsen đều đã hay tin quân Đồng minh giành được thế áp đảo. Khi mùa đông lạnh giá dần qua đi, mùa xuân năm 1945, quân Đức ra sức phi tang hàng loạt tử thi la liệt trong doanh trại. Nhưng chúng bất lực vì xác người ngày càng chồng chất. Bệnh dịch lan tràn khắp nơi, trẻ con mê man vì mất nước. Đói khát khiến cơ thể chúng suy nhược, dịch sốt Rickettsia tấn công.

Trong doanh trại kể đó, một đứa trẻ tới từ Amsterdam - Anne Frank - đã chết do không chịu nổi. Tại doanh trại của Luba, một số đứa trẻ cũng bị nhiễm bệnh. Cô tới bên từng đứa, cho chúng ăn, kê môi lên trán chúng để kiểm tra nhiệt độ và cho những đứa bệnh nặng nhất uống những viên aspirin hiếm hoi còn lại. Cô cầu xin một phép màu nào đó cứu vớt những đứa trẻ này.

Chủ nhật, ngày 15 tháng 4 năm 1945, một chiếc xe tăng của Anh tới Bergen-Belsen. Loa phóng thanh hô vang bằng nhiều thứ tiếng: *“Các bạn đã được tự do! Các bạn đã được tự do!”*.

Quân Đồng minh đem thuốc men và bác sĩ tới nhưng nhiều người vẫn không thoát khỏi bàn tay tử thần. Khắp các doanh trại, hàng ngàn thi thể nằm la liệt, chồng chất lên nhau không được chôn cất. Mùi tử thi nồng nặc. Trong số 60.000 người bị bắt giam tại đây, gần một phần tư đã chết sau khi được giải phóng.

Nhưng 52 đứa trẻ của Luba (chỉ trừ hai đứa trong nhóm mà cô tìm thấy 18 tuần trước đó) vẫn còn sống. Khi các em đủ khỏe mạnh và có thể đi lại, một chiếc máy bay quân sự của Anh đã đưa chúng hồi hương. Luba cũng được đi theo để chăm sóc cho các em trên đường. Một viên chức người Hà Lan sau này đã viết: *“Nhờ có cô mà những đứa trẻ này mới giữ nổi mạng sống. Người Hà Lan nợ cô quá nhiều trước những việc làm cao quý của cô”*.

Trong thời gian những đứa trẻ chờ đợi được đoàn viên cùng cha mẹ, người ta lập cho chúng những lều trại tạm thời. Gần như tất cả cha

mẹ của chúng đều sống sót. Sau này, theo lời đề nghị của Hội Chữ thập đỏ quốc tế, Luba còn đưa 40 đứa trẻ mất gia đình trong chiến tranh từ rất nhiều doanh trại tới Thụy Điển để bắt đầu một cuộc sống mới.

Một cuộc sống mới cũng đang chào đón Luba. Ở Thụy Điển, cô gặp Sol Frederick - một trong những người còn sống sót khỏi nạn tàn sát người Do Thái của quân Đức Quốc xã. Họ kết hôn rồi chuyển tới định cư ở Mỹ, sau đó có hai đứa con. Dù vậy, Luba không bao giờ quên những đứa con khác của mình.

Bất kể định cư ở đâu, hầu hết “những đứa con” của Luba đều thành công rực rỡ. Jack Rodri cuối cùng đã chuyển tới Los Angeles, ở đó cậu trở thành một doanh nhân thành đạt. Hetty Werkendam kinh doanh bất động sản ở Úc và sau này cậu được bầu chọn là người nhập cư thành công nhất đất nước. Gerard Lakmaker là một nhà sản xuất tài ba. Stella Degen-Fertig dù không còn nhớ gì về những ngày tháng khủng khiếp ở Bergen-Belsen nhưng khi cô bé trưởng thành, người mẹ đã nói cho cô về sự biết ơn của bà đối với người phụ nữ có tên Luba và nỗi băn khoăn của bà

về nơi ở hiện tại của người đã cứu vớt mạng sống con gái mình giữa chốn địa ngục ấy.

Những đứa trẻ này quyết định tìm kiếm Luba. Jack Rodri đã thu xếp để đưa câu chuyện của Luba lên đài truyền hình. *“Nếu bất cứ ai biết bà hiện đang ở đâu, hãy gọi tới trung tâm này.”* - Jack khẩn cầu. Một người gọi điện tới từ Washington D.C. đã cho hay: *“Tôi biết. Bà ấy sống trong thành phố”*. Ngay sau đó, Jack đã gọi cho Luba. Nội trong tuần, cậu đã có mặt tại nhà Luba và ôm Luba vào lòng. Những giọt nước mắt hạnh phúc tuôn rơi.

Một thời gian sau, mặc dù sống ở Luân Đôn nhưng Gerard Lakmaker vẫn gửi tới Luba một món quà cảm tạ. Tiếp sau đó, những người bắt được liên lạc tiếp tục tìm kiếm những người khác.

Một buổi chiều quang đãng vào tháng 4 năm 1995, trong buổi lễ kỷ niệm lần thứ 50 ngày giải phóng, 30 người đàn ông và phụ nữ - những đứa trẻ đã từng ở bên nhau trong những ngày tháng tăm tối tại trại tập trung 50 năm về trước - đã tụ hội ở quảng trường thành phố Amsterdam để vinh danh Luba.

Vị phó thị trưởng thay mặt Nữ hoàng Beatrix của Hà Lan trao Huân chương danh dự bằng bạc *Vì tinh thần phục vụ cộng đồng Hà Lan* cho Luba. Luba bật khóc trong xúc động.

Sau buổi lễ, Stella Degen-Fertig đến gặp Luba. “*Con đã nghĩ tới người rất nhiều!*” - Stella nói và cố kìm nén để giọng mình không bị vỡ òa. “*Mẹ con luôn nói với con rằng mẹ đã sinh ra con nhưng người cho con cuộc sống là người phụ nữ có tên Luba. Mẹ còn dặn con không bao giờ được quên điều đó*”. Cô nói xong, bật khóc rồi ôm lấy Luba và thì thầm: “*Con sẽ không bao giờ quên!*”.

Họ ôm lấy nhau, mắt nhắm lại. Món quà quý giá cuộc đời dành tặng Luba đó là được ở bên “*những đứa con*” để thêm một lần nữa hiểu rằng tình yêu đã cứu vớt chúng và cả chính mình khỏi bóng tối của sự hủy diệt.

- Lawrence Elliott

Lắng nghe

*Điều cần thiết nhất ở một người bạn
là một đôi tai để lắng nghe
và một tấm lòng để thấu hiểu.*

- Maya Angelou

Bố mẹ chồng tôi vừa từ New York trở về sau chuyến nghỉ đông kinh khủng tại Florida. Qua điện thoại, mẹ kể với tôi rằng khi bố mẹ vừa tới North Carolina thì chiếc xe bị hỏng. Họ đã đưa nó đi sửa nhưng sau đó nó lại hỏng lần nữa ở Delaware. “Nhưng, điều tồi tệ nhất có lẽ vẫn là những giây phút chìm ngập trong khói bụi vì ách tắc trên cầu Verrazano. Lúc ấy chúng ta có cảm giác như mình chẳng bao giờ về nhà được nữa.” - Mẹ kể.

“Thật kinh khủng.” - Tôi nói, và thực sự cũng muốn được chia sẻ câu chuyện của mình - thảm kịch khi chiếc xe của tôi bị chết máy vào

lúc chín rười tối ở bãi đậu xe vắng ngắt trong khu mua sắm.

Nhưng đúng lúc đó có người gõ cửa nên chúng tôi đành bỏ dở cuộc trò chuyện. Trước khi cúp máy, mẹ nói thêm rằng: *“Cảm ơn con vì đã lắng nghe, nhưng mẹ cảm ơn nhất vì con đã không kể câu chuyện về chiếc xe bị hỏng tôi tặc kia”*.

Mặt tôi nóng bừng vì ngượng. Tại sao mẹ có thể đọc được suy nghĩ của tôi rõ đến vậy? Nhiều ngày sau đó, tôi vẫn còn băn khoăn về điều này.

Tôi không thể đếm được đã bao nhiêu lần tôi phàn nàn về những bất đồng giữa tôi và con trai, rồi nổi thất vọng của tôi về công việc, những rắc rối với xe cộ... đến nỗi bạn tôi từng phải ngắt lời và than rằng: *“Nhưng điều đó cũng xảy ra với tớ”*.

Thế rồi không biết từ lúc nào, chúng tôi mãi mê đề cập tới thằng con trai bất trị của cô ấy, ông chủ lắm điều của cô ấy, và cả cái bình nhiên liệu bị rò rỉ của cô ấy. Tôi chẳng thể làm gì khác ngoài việc gật đầu đúng lúc mà trong lòng không khỏi băn khoăn rằng có phải chúng tôi đều là những người vô tâm trước cảm xúc của người khác hay không.

Người ta rất dễ nhầm lẫn giữa “*Tôi hiểu cảm giác của bạn vì tôi cũng từng trải qua điều đó*” với sự cảm thông thực sự. Không điều gì tự nhiên hơn việc cố gắng xoa dịu một người bạn đang trĩu nặng buồn lo bằng việc khẳng định chắc chắn rằng cô ấy không cô đơn.

Những buồn đau này chỉ giống nhau ở một mặt nào đó, còn về cụ thể, chúng muôn màu muôn vẻ như những dấu vân tay vậy. Câu nói: “*Tôi hiểu nỗi đau của bạn*” chỉ là lời mào đầu cho một chuỗi lời khuyên tiếp sau đó: Đây là những việc tôi đã làm, và đây là những việc anh nên làm, v.v. Nhưng khi chuyến du lịch bằng xe ô tô của bạn kéo dài gấp ba lần thời gian thông thường hay khi con bạn bị sốt cao lúc nửa đêm thì bạn có thực sự muốn nghe cách bạn mình từng xử lý trong tình huống tương tự hay không?

Khi ta cảm thấy buồn nản, bối rối hay hạnh phúc, điều ta mong muốn nhất chính là sự sẻ chia của một người bạn sẵn sàng lắng nghe chúng ta bất cứ lúc nào. Lắng nghe để đồng điệu với nỗi đau hay niềm vui của người khác mới là biểu hiện của sự cảm thông thực sự.

Rất may, cảm thông là đức tính mà chúng ta

có thể dễ dàng học được. Kể từ buổi trò chuyện hôm đó với mẹ chồng, tôi đã chấm dứt thói quen ngắt lời người khác trong khi họ đang giải bày tâm sự. Tôi đã học cách lắng nghe và tôn trọng mạch cảm xúc của họ, quan tâm hơn tới ngôn ngữ cơ thể, biểu hiện gương mặt, âm điệu giọng nói và những hàm ý chưa bộc lộ thành lời của họ.

Và khi chính tôi là người được giải bày, tôi càng hiểu và trân trọng hơn sự thông cảm của người khác. Một ngày nọ, tôi gọi cho một người bạn, than phiền rằng tôi đang lo lắng và không thể tập trung.

“Bạn có muốn kể cho mình nghe về điều đó không?” - Cô ấy có vẻ ngóng chờ và kết quả là tôi đã được dốc bầu tâm sự.

Cuối cùng, tôi cảm ơn cô ấy vì đã lắng nghe và hỏi cô ấy đang sống thế nào. Cô ấy đáp rằng: *“Chúng ta sẽ nói về việc của tớ vào ngày mai”*. Đó chính là sự cảm thông.

Không phải lúc nào chúng ta cũng chờ đợi những câu trả lời hoặc những lời khuyên nhủ. Đôi khi chỉ cần một ai đó im lặng lắng nghe, thế là đủ.

- Roberta Israeloff

Quan điểm khác biệt

*Đừng để những điều bạn không thể làm
cản trở những điều bạn có thể làm.*

- John Wooden

Chúng tôi hơn hở ra mặt - tất cả chúng tôi - khi tưởng tượng đến những tiếng cười sảng khoái và niềm vui sướng vô vàn chúng tôi sắp có. Chúng tôi sẽ tự sơn một căn nhà! Cây lăn sơn, vải phủ đồ và hàng can chất sơn lót cùng một vài gam màu sáng nhạt đã được chúng tôi chuẩn bị sẵn. Rồi tất cả chúng tôi sẽ lao vào làm và những căn phòng đó sẽ được nhanh chóng khoác lên tấm áo mới.

- Hôm ấy sẽ chẳng khác nào buổi lao động tập thể của người Amish!⁽¹⁹⁾ - Sue nói - Mọi người sẽ cùng hợp lại để tạo nên một điều tuyệt vời.

- Đúng đấy, thật là tuyệt!

Tôi nói trong tâm trạng vui thích hơn hẳn những người khác, bởi ngôi nhà mà chúng tôi sẽ sơn chính là nhà của tôi. Rõ ràng là tôi đã sai lầm khi yêu cầu người thầu khoán thực hiện nâng cấp ngôi nhà mà không sơn phòng. Nhưng giờ đây, tôi không còn lo lắng phải một mình thực hiện công việc tẻ ngắt là sơn bốn căn phòng với nhiều mảng màu khác nhau đó nữa.

- Chúng ta sẽ cùng làm. Hôm đó chắc chắn sẽ rất tuyệt! - Jack nói.

Đúng lúc đó thì Beth lên tiếng. Trông cô ấy có vẻ trầm ngâm.

(19) Amish: Một cộng đồng Công giáo gốc Đức ra đời từ phong trào cải cách tôn giáo ở châu Âu thế kỷ 16. Cộng đồng này theo tín ngưỡng thuần khiết, họ từ chối khoa học kỹ thuật, từ chối nền văn minh hiện đại như không dùng đồ điện, máy điện toán, điện thoại, xe hơi, hệ thống phúc lợi xã hội, chế độ quân dịch, cưỡng bách giáo dục trung học, chế độ chủng ngừa dịch bệnh... Họ dùng nguyên liệu tự nhiên, ăn mặc theo lề lối thế kỷ 16, dùng xe ngựa để di chuyển. Họ sống biệt lập với thế giới bên ngoài về mặt xã hội và địa lý.

- Ô, còn tớ thì sẽ không sơn đâu! - Cô ấy tuyên bố.

Ôi vì Chúa. Tất cả mọi ánh mắt trong phòng đều đổ dồn vào cô ấy với cùng một suy nghĩ.

Beth giải thích:

- Nghe này, lý do duy nhất khiến tớ trả 20 đô la một giờ để người ta sơn căn nhà cho tớ là vì tớ không muốn sơn.

- Nhưng mục đích chính của chúng ta hôm ấy đâu chỉ là sơn. Đó là cơ hội để chúng ta giúp đỡ lẫn nhau để cùng đạt được một mục tiêu chung nào đó cơ mà. - Bill, bạn trai của cô ấy lên tiếng.

- Đúng. Vậy tớ có thể chọn cách khác là làm thức ăn hay một thứ gì đó để ủng hộ mọi người được không?

- Cũng tốt thôi.

Mọi người đều nói vậy. Nhưng Beth đã ngầm bị loại khỏi nhóm Ý Thức mới được thành lập gần đây khi ý tưởng về một buổi sơn nhà cùng nhau đều được mọi người nhất trí, trừ cô ấy.

Mười bảy người đã đồng ý tham gia và từng

người một rồi từng đôi một đã tới, mang theo vật dụng cần thiết. Leslie có chiếc sào để phụ giúp phần trần nhà, Nancy và Jack có những cây lăn sơn và các hộp đựng, Vince và Chris sắp xếp các dụng cụ để sơn phần góc nhà và gờ tường dễ dàng hơn. Sue và Heidi có những tấm nhựa để phủ các vật dụng trong nhà. Họ phân chia nhóm. Một nhóm ở trên gác phụ trách phòng tắm, một nhóm khác phụ trách văn phòng, hai người đảm nhiệm phần cầu thang còn một nhóm lớn phụ trách phòng riêng cho trẻ. Riêng Beth ngồi một mình trong bếp. *“Tớ không sơn đâu.”* - Cô ấy nói với những người chưa biết thông tin đó. Và tôi có thể cảm nhận được thái độ không mấy hài lòng của mọi người tăng lên như lớp sơn phủ ngày càng dày và rộng trong ngôi nhà.

Khi xử lý những phòng riêng, nhóm Ý Thức dần tách ra từng nhóm nhỏ, gồm đội Màu Vàng (phòng tắm), Màu Xanh (phòng cho trẻ), Màu Vô Trúng A (văn phòng) và Màu Vô Trúng B (cầu thang). Ngay sau đó, Màu Xanh bàn luận gay gắt cùng Màu Vàng để tìm ra cách trang trí phần trần nhà hoàn hảo nhất trong khi Màu Trúng A và Màu Trúng B tranh giành nhau phần việc với ván gỗ ghép chân tường.

“Chúng ta nghỉ giải lao một lúc thôi!” - Màu Vàng (đội của tôi) lên tiếng, bởi vì chúng tôi quyết định không quan tâm tới tranh đua (tuy nhiên, chúng tôi cũng rất ghét thất bại). Thêm nữa, lưng chúng tôi cũng đã mỏi nhừ rồi.

Chúng tôi lao vào phòng bếp tìm Beth. Cô ấy đang đứng bên bàn tiệc với rất nhiều sandwich ăn kèm với dưa chua cùng rau tươi trộn. Tất cả được sắp xếp một cách đẹp mắt. Thật là đúng lúc. Vừa nghĩ tới, bụng chúng tôi đã sôi sùng sục. Chúng tôi chớp nhanh lấy những chiếc bánh mì kẹp ngon nhất trước khi Màu Xanh và Màu Trứng phát hiện ra là bữa trưa đang đợi họ. Chúng tôi đứng đó nhai nhồm nhoàm và bàn tán rôm rả về kỹ năng lăn sơn. Sau khi ăn xong, tất cả lại tiếp tục lao vào việc.

Trong lần nghỉ giải lao sau đó, chúng tôi vội vã tới nhà bếp và thấy Beth đang đứng bên bồn rửa, cẩn thận rửa rau diếp cá. Nghĩ lại, chúng tôi thầm cảm ơn vì cô ấy luôn có mặt ở nơi mà chúng tôi đã bỏ cô ấy một mình. Cô ấy chỉ chúng tôi tới bàn tiệc đứng với bánh quy, bánh sô-cô-la hạnh nhân và một số loại đậu phộng ngon bất ngờ, nhưng chỉ còn sót lại hai cái. Tuy

thế, chúng tôi vẫn thầm cảm ơn Màu Xanh vì chúng tôi cứ tưởng họ đã lên đi “*ăn mảnh*” và dọn sạch sẽ tất cả bàn tiệc rồi.

Nhìn Beth đứng bên bồn rửa, tôi chợt nhớ tới mẹ mình, mẹ của những người bạn và mẹ của nhiều người khác. Những người mẹ luôn đứng đó, ngay ở cái nơi mà họ bị bỏ lại một mình.

Đến 9 giờ, đội chúng tôi hạ quyết tâm “*Làm cho xong đồng hồ tạp này*”. Bấy giờ, tất cả chúng tôi đều tập trung vào phòng trẻ. Ôi chắc sẽ lâu lắm mới xong đây. Chúng tôi phải xử lý thế nào với chỗ ván ép chân tường liên tục ngấm sơn lót? Lúc này, một số người đã bắt đầu gất gỏng do mệt, cau có và hỏi ai đã nghĩ ra ý tưởng điên rồ này.

- Thôi nào các bạn, có người không chịu nổi rồi đây này. - Beth nói khi bước vào.

Chúng tôi đồng loạt nhìn cô ấy. Chúng tôi đã tỏ ra khó chịu khi Beth không tham gia cùng chúng tôi, còn bây giờ thì chúng tôi biết ơn cô ấy với lý do tương tự. Và chúng tôi càng yêu quý Beth hơn khi cô ấy tiếp lời:

- Hãy xuống nhà và dùng bữa tối đi, sau đó các cậu có thể thoải mái tiếp tục việc lau dọn.

Chúng tôi trở vào nhà bếp thì thấy hai món bột với cà chua, pho mát và nước sốt hấp chung, bánh mì nóng giòn cùng một đĩa xa lát với pho mát Gorgonzola và quả hồ đào pê can nướng. Chúng tôi ăn sạch đĩa thức ăn rồi bỏ chúng vào bồn rửa giống như những công nhân xây dựng đã kiệt sức sau một ngày làm việc vất vả rồi thả mình ngồi phịch xuống ghế, sau đó chẳng còn câu nệ, ngồi luôn xuống sàn bếp. Bữa tối giúp chúng tôi nhanh chóng hồi phục sức lực.

- Chúng tớ mừng vì cậu đã không sơn. -
Vince nói với Beth.

Nhìn Beth, chúng tôi thấy cô ấy thật chẳng khác nào một người mẹ đã chờ đợi rất lâu dù chỉ để nhận lấy một lời cảm ơn nhỏ bé.

- Jeanne Marie Laskas

Độc trong yêu thương

*Sự chuyển biến tự nhiên
trong tâm lý con người
không phải là từ niềm vui
sang sự sung sướng
mà là từ hy vọng sang hy vọng.*

- Samuel Johnson

Ngay sau khi đưa con trai Steven ra đời, Lindy Kunishima đã gọi hai con gái là Trudi 13 tuổi và Jennifer 9 tuổi vào phòng khách để nói chuyện.

- Cha muốn kể cho các con nghe một câu chuyện, - người đàn ông sinh ra tại Mỹ nhưng lại thuộc dòng dõi Samurai Nhật Bản cất tiếng.
- Một ngày kia, một chiến binh Samurai ngồi xuống cùng ba con trai rồi lấy ra một mũi tên.

Ông bảo các con lần lượt bẻ gãy các mũi tên đó. Cả ba đều bẻ một cách dễ dàng. Sau đó, ông lấy ra ba mũi tên được buộc chặt với nhau rồi đặt chúng trước mặt các con. Ông bảo: Nào, bây giờ các con hãy bẻ cả ba mũi tên này đi. Nhưng cả ba người con đều không thể bẻ được.

Trước khi kết thúc câu chuyện, Lindy lặng lẽ nhìn vào mắt hai cô con gái của mình rồi nói:

- Người chiến binh samurai ấy đã quay sang các con trai và bảo: Đây chính là bài học cho các con. Nếu ba con cùng hợp sức với nhau thì các con sẽ không bao giờ bị đánh bại.

Là con trai duy nhất trong một gia đình đầm ấm, Steven luôn nhận được sự ưu ái đặc biệt của cả nhà. Cậu được trao trọn tình yêu thương của cha mẹ là Lindy và Geri Kunishima, còn hai chị gái lúc nào cũng nựng nịu và chiều chuộng cậu ngay từ ngày cậu mới lọt lòng vào tháng 9 năm 1982.

Khi Steven được 6 tháng tuổi, mẹ cậu bé mơ hồ cảm thấy có điều gì đó không ổn với con trai mình. Một giáo viên như Geri Kunishima không thể hiểu được tại sao con trai nhỏ bé của mình thường xuyên tỉnh giấc lúc đêm khuya và

quấy khóc đòi ăn. Những biểu hiện của nó lúc ban ngày cũng khiến cô không khỏi bối rối. Dù Geri đặt nó ngồi đâu, nó cũng chỉ ngồi im ở đó và rất ít khi dịch chuyển hay gây ồn. “Thằng bé không giống các chị nó vào tầm tuổi này.” - Geri nói với bác sĩ khoa nhi.

Ông bác sĩ trấn an: “Cô quá lo lắng rồi. Steven không sao đâu. Ở giai đoạn này, bé gái thường có xu hướng phát triển nhanh hơn bé trai mà”.

Mười tám tháng tuổi, Steven vẫn không thể chập chững đi lại hay bập bẹ nói đôi ba từ. Đầu năm 1984, do không yên tâm trước sự phát triển chậm chạp của con, Geri đã đưa Steven tới gặp bác sĩ thần kinh học. Kết quả chụp cắt lớp điện toán cho thấy phần tiểu não của Steven không phát triển. Đây là khu vực giúp truyền mệnh lệnh từ bộ não tới hệ cơ cũng như tiếp nhận phản hồi của hệ cơ lên não.

Tình trạng này gọi là tiểu não kém phát triển. Đó là nguyên nhân lý giải tại sao các cơ của Steven vẫn rất yếu. Nó cũng lý giải tại sao cậu bé thường xuyên thức giấc lúc nửa đêm, cơ lưỡi của Steven quá yếu nên không thể bú đủ lượng sữa để thỏa mãn cơn đói.

“Cô Kunishima. Tôi e rằng con trai cô sẽ

không bao giờ đi lại được. Nó cũng khó có thể làm bất cứ điều gì đòi hỏi khả năng kiểm soát cơ.” - Bác sĩ thần kinh nói.

Cố gắng kìm nén nỗi đau quặn thắt trong lòng, Geri gượng hỏi bác sĩ về ảnh hưởng của tình trạng này tới trí thông minh của Steven. “Trí thông minh của thằng bé sẽ phát triển rất chậm. Nó không thể học hỏi điều gì ngoại trừ những hành động đơn giản nhất. Tương lai, cô nên cân nhắc việc cho con vào trung tâm điều trị chuyên khoa.” - Vị bác sĩ chia sẻ.

Quá đau lòng trước thực tế phũ phàng đó, Geri đã buồn bã mất ăn mất ngủ nhiều ngày liền. Trong đêm khuya, Trudi và Jennifer thường nghe thấy tiếng khóc nghẹn ngào đau xót của mẹ và giọng nói buồn buồn nhẹ nhàng an ủi của cha.

Lúc này, Jennifer đã 11 tuổi. Tâm lý con bé không thoải mái chút nào. Nó là một học sinh giỏi và cũng là một vận động viên có năng khiếu, và có rất đông bạn bè. Mặc dù rất yêu Steven nhưng nó không dám đối mặt với cảm giác xấu hổ nếu bạn bè biết được nó có một đứa em không bình thường. Vì thế, khi ở bên bạn bè, nó thường tránh nhắc tới em trai mình.

Trudi cũng là một học sinh giỏi với nhiều thành tích. Con bé thông minh và già dặn hơn tuổi 15 của nó. Trudi có thể chấp nhận khuyết tật của Steven nhưng muốn chắc chắn em nó khuyết tật ở mức độ nào. Một ngày kia, để cố gắng xoa dịu nỗi buồn của mẹ, Trudi đã tỏ ý nghi ngờ chẩn đoán của bác sĩ:

- Mẹ à, con không tin những điều bác sĩ nói về Steven đâu. Jen và con có thể cảm nhận được sự thông minh từ đôi mắt long lanh của em. Mẹ không được bỏ mặc em ấy. Nếu mẹ buông xuôi thì làm sao em ấy có cơ hội phát triển hơn.

Lời nói của Trudi đã khơi dậy tinh thần đấu tranh vốn có ở Geri. Ngay lập tức, cô tập hợp mọi người trong gia đình lại.

- Mẹ đã nghĩ về những điều Trudi mới nói với mẹ hôm nay. Khi hai con còn nhỏ, cha mẹ thường xuyên đọc rất nhiều sách cho các con vì cha mẹ cảm thấy điều đó sẽ giúp các con phát triển trí thông minh và ngôn ngữ. Mẹ nghĩ chúng ta cũng nên làm điều tương tự cho Steven.

- Vâng ạ! - Trudi phấn khởi đồng tình.

- Chúng ta nên bắt đầu ngay bây giờ! - Jennifer hăng hái.

Cả bốn người nắm lấy tay nhau và chụm đầu lại thể hiện sự quyết tâm và tin tưởng: *“Từ lúc này, chúng ta sẽ cố gắng bằng tất cả khả năng của mình để giúp Steven tiến bộ”*.

Buổi tối hôm sau, trong lúc Geri chuẩn bị bữa tối, Trudi mở chiếc đệm ngủ trải trên sàn nhà lát đá trắng rồi đỡ em trai lên tấm đệm. Nó dựa đầu dựa em vào cánh tay vì Steven không thể giữ cổ thẳng bằng lâu được, rồi nó xoay lại ngồi đối diện với em và bắt đầu đọc cho em nghe một cuốn sách thiếu nhi.

Cứ thế, tối này nối tiếp tối kia, các bài đọc dần trở thành một nếp sinh hoạt kéo dài nửa giờ sau mỗi bữa ăn tối. Ngoài việc đọc sách, Jennifer và Trudi còn đặt ra các câu hỏi và chỉ hình con vật hoặc hình người được minh họa trong cuốn sách. Nhưng nhiều tuần qua đi, Steven vẫn chỉ nhìn trân trân vào khoảng không vô định, thẳng bé dường như đã lạc vào một thế giới chỉ có bóng tối và sự trống rỗng. Geri thầm nghĩ: *“Steven thậm chí còn không nhìn vào các bức tranh. Vậy chúng ta có thể khai thông điều gì cho nó đây?”*.

Geri dần mất niềm tin vào sự triển vọng tiến

bộ của con trai. Một buổi sáng tỉnh mịch trong phòng ngủ, Geri tâm sự với chồng: *“Chúng ta đã cố gắng mọi cách nhưng Steven vẫn chẳng có chút tiến triển nào. Thậm chí bây giờ em cũng không biết việc đọc sách có giúp ích gì cho nó không, hay chỉ khiến tình hình thêm tồi tệ hơn”*.

Lindy thừa nhận: *“Có thể bây giờ chúng ta chưa đạt được thành quả gì. Nhưng tận trong lòng anh vẫn nghĩ là có làm thì sẽ tốt hơn nhiều so với không làm gì cả”*.

“Đến giờ đọc sách rồi, Steven.” - Trudi nói rồi ẵm em trai xuống sàn nhà bếp. Sau ba tháng, thằng bé vẫn không có phản ứng gì. Thậm chí nó còn không nhúc nhích dù chỉ một chút. Rồi một tối nọ, thằng bé đột nhiên bò ra khỏi tấm đệm.

Trudi mừng rỡ gọi mẹ: *“Mẹ ơi, nhìn Steven này”*. Vừa ngạc nhiên vừa vui mừng, họ cứ thế đứng nhìn thằng bé bò khắp sàn. Nó hướng tới mấy cuốn sách thiếu nhi để dọc theo tường rồi vụng về sờ soạng một cuốn.

“Em đang làm gì đấy?” - Trudi ngạc nhiên hỏi.

Dù không thể lật giở từng trang sách một cách chính xác bằng mấy ngón tay nhỏ nhưng Steven đã mở được cuốn sách bằng đôi tay mình. Khi lật tới một trang với đầy hình ảnh các con vật, nó nhìn thật lâu vào một hình. Rồi, cũng nhanh như khi nó mở cuốn sách, thế giới của Steven lại trở về khoảng không tối đen trống rỗng như trước.

Tối hôm sau, cảnh tượng này lại xảy ra một lần nữa. Khi Jennifer chuẩn bị đọc sách, Steven lại bò tới chính quyển sách hôm qua và dở đúng trang sách đó. Không nói lên lời, hai cô chị gái bật dậy ôm đứa em trai tội nghiệp vào lòng, rồi vừa khóc vừa cười sung sướng.

“Steven đã nhớ!”. Geri vui mừng khôn xiết trước bất ngờ tuyệt vời này.

Rồi Geri nghĩ việc để có thời gian chăm chút cho cậu con trai nhiều hơn. Tháng ngày cứ nối tiếp nhau, Steven ngày càng biểu lộ nhiều phản ứng tích cực hơn trước việc đọc sách buổi tối. Qua tìm hiểu về căn bệnh của con, Geri hiểu rằng các phần não khác có thể phát triển mạnh lên để bù lại cho vùng não bị tổn thương. *“Cầu trời điều đó sẽ xảy ra với Steven!”* - Cô thầm mong.

Cả Trudi và Jennifer đều chơi piano và bảy giờ hai chị em thường có thói quen đặt Steven ngồi bên cây đàn piano trong lúc chơi. Một ngày, sau khi tập luyện, Jennifer bế Steven đến ngồi bên cây đàn. Cậu bé chợt phát ra một âm thanh mới. “*Nó đang ngân nga khe khẽ theo âm thanh vừa nghe thấy!*” - Jennifer gọi bố mẹ rồi quay sang em trai: “*Steven, em hiểu âm nhạc đúng không?*”. Thành bé mỉm cười dễ thương.

Cùng lúc đó, gia đình cũng cố gắng hết sức để phát triển hệ cơ cho thành bé. Lindy đã tham gia một lớp học mát xa để học cách xoa bóp đôi tay và đôi chân cho con trai. Geri, Trudi và Jennifer thường chầm nhẹ bờ đùi phụng lên môi thành bé. Bằng cách liếm bờ, thành bé sẽ dần dần tập luyện cơ lưỡi và cơ hàm. Họ cũng cho nó nhai kẹo cao su và một số bong bóng để tập thổi. Dần dần, hệ cơ yếu ớt trên gương mặt của Steven phát triển khỏe khoắn hơn trước.

Khi được bốn tuổi rưỡi, thành bé vẫn không thể nói được một từ nào nhưng có thể phát âm ra tiếng “*aah*” hoặc “*waah*”. Nhờ sự hỗ trợ của chiếc khung tập đi, nó đã có thể đứng và bước đi một vài bước chậm chạp. Thêm nữa, nó đã

bộc lộ một trí nhớ đáng kinh ngạc. Sau khi nhìn thấy bức tranh mô phỏng một trò chơi xếp hình với 300 miếng ghép, nó có thể xếp chính xác nhiều miếng ghép trong một lần.

Tuy nhiên, Steven vẫn chưa tiếp thu được những chương trình tiền giáo dục mà mẹ áp dụng cho cậu. Cuối cùng, Geri đã đưa Steven tới gặp giáo sư Louise Bogart, sau này là hiệu trưởng trường L. Robert Allen Montessori thuộc Đại học Chaminade ở Honolulu.

Bogart đã chăm chú quan sát cách Steven bò trên sàn văn phòng của bà. Cậu bé nâng đầu mình và cố gắng nói với mẹ. “Aaaah....aaaah”. Nó lặp lại liên tục đầy kiên nhẫn. Bogart có thể cảm nhận nỗi đau và sự bức bối trên gương mặt thành bé. Không những thế, bà còn nhận ra rằng: Steven quyết tâm khiến người khác phải chú ý tới mình.

Bogart nói: *“Bà Kunishima, chúng tôi rất vui được nhận cháu Steven vào trường”*.

Nhiều tháng sau đó, cậu bé này tiếp tục có những tiến bộ, dù rất chậm chạp. Một buổi sáng, vào năm học thứ hai tại Montessori, Steven

ngồi chơi vắn vơ với mấy hình khối trên chiếc chiếu, Bogart đứng bên cạnh quan sát giáo viên chơi với những đứa trẻ khác cùng các con số.

- Con số nào tiếp sau đây? - Giáo viên hỏi.

Đám trẻ ngồi im không trả lời.

- Hai mươi! - Steven buột miệng.

Bogart ngỡ ngàng. Steven không chỉ nói rất rõ ràng mà còn đưa ra câu trả lời chính xác. Bogart tới gần, hỏi cô giáo:

- Steven có bao giờ làm được thế này không?

- Không. Chúng tôi chơi với em ấy trò các con số từ một đến mười nhiều lần rồi nhưng chúng tôi không hiểu sao em ấy lại biết một số lớn hơn mười.

Khi Geri đón Steven sau giờ học, Bogart đã trò chuyện với cô về chuyện vừa xảy ra và lạc quan rằng: *“Đó chỉ là điểm khởi đầu cho những việc cậu bé này có thể làm được”*.

Vào một buổi tối tháng 2 năm 1990, Jennifer cảm thấy bụng dạ không yên khi cha chở cô bé tới trận đấu bóng rổ tại trường phổ thông. Steven lúc này đã được bảy tuổi. Thằng bé ngồi

lặng lẽ ở ghế sau, mắt không ngừng quan sát dòng người qua lại náo nhiệt.

Jennifer yêu thương em trai một cách đặc biệt nhưng cô bé vẫn cố gắng giữ kín bí mật về những khiếm khuyết của Steven. Điều đó càng lúc càng trở nên khó khăn hơn. Hai năm trước, Steven đã học và có thể nói được nhưng chính cách nói của thằng bé lại là thứ rõ ràng nhất tố cáo vấn đề của nó. *“Bố à, con xin bố đấy. Bố hãy cố gắng đừng để Steven kêu gào trong trận đấu nhé.”* - Jennifer thầm thì trước khi vào phòng thay quần áo.

Khi trận đấu bắt đầu, Steven bắt đầu tỏ ra thích thú. *“Cố lên Jennifer!”* - Thằng bé hét thật to bằng giọng nói bập bẹ, ngắc ngứ. Jennifer vô cùng xấu hổ và đã không quay lại nhìn em trai. Cô bé biết mình đang khiến em thất vọng; cô đã không còn là mũi tên cứng cáp thứ ba trong câu chuyện cha từng dạy nữa.

Tuy nhiên, tại nhà, Jennifer lại tỏ ra vô cùng quan tâm và yêu thương em trai. Các cử động của thằng bé vẫn còn rất tệ, vì thế Jennifer, Geri và Trudi phải cố gắng rất nhiều để giúp nét chữ nguệch ngoạc của nó trở nên dễ nhìn

hơn. *“Em có thể làm được. Chỉ cần cho em thời gian thôi.”* - Steven đã thuyết phục Jennifer như thế.

Với Steven, khó khăn lớn nhất là việc đi vòng. Geri vẫn thường nghe thấy tiếng ngã ụcch của con trong phòng bếp. Steven đã ngã không biết bao nhiêu lần đến nỗi đầu gối nó chẳng chít sẹo. Nhưng thằng bé không bao giờ khóc. Thậm chí, nó còn tỏ ra hài hước trước những tai nạn như vậy. Một lần, Steven bị ngã trong lúc đang đi đôi dép lê, khi đó, nó quay sang nhìn cha mẹ bằng ánh mắt lém lỉnh: *“Bây giờ thì con biết tại sao người ta lại gọi chúng là dép lê rồi!”*.

“Em thực sự cần tham dự trại này. Nó rất quan trọng với em.” - Jennifer nói với thầy hiệu trưởng trường phổ thông vào một ngày tháng 3 năm 1991.

Trại Paumalu, nằm cách Honolulu hai mươi lăm dặm về phía Bắc, thường tổ chức định kỳ hai năm một lần trong bốn ngày nhằm tạo cơ hội cho học sinh và sinh viên đương đầu với thử thách, phát triển các kỹ năng lãnh đạo và đối mặt với nỗi sợ hãi cũng như những khó khăn. Jennifer hiểu rằng thử thách lớn nhất của cô

chính là cảm giác khổ sở và xấu hổ khi giới thiệu em trai Steven với các bạn.

Một buổi chiều ở trại, trong lúc dạo bước loanh quanh và trò chuyện cùng một người bạn trai, mặc cảm về người em trai lại hiện lên với Jennifer. Nhưng cô bé đã thẳng thắn chia sẻ: *“Tớ có một đứa em trai. Chưa lần nào tớ nói với bạn bè rằng nó rất quan trọng với tớ nhưng thực chất thì đúng là như vậy. Tớ chưa bao giờ dám đối mặt với thực tế là tớ có một đứa em bị khuyết tật. Tớ luôn muốn tàng lờ việc đó”*. Khi chia sẻ được tất cả những điều này, cô bé bỗng thấy lòng nhẹ hẫng.

Vào ngày cuối cùng ở trại, mỗi học sinh sẽ viết ra nỗi sợ hãi hay vấn đề mình đã vượt qua lên một tấm bảng bằng gỗ thông. Sau đó mọi người sẽ phá tấm bảng bằng tay hoặc chân, hàm ý rằng họ đã vượt qua khó khăn. Trên chiếc bảng đó, Jennifer đã viết ra nỗi sợ hãi của mình bằng chữ in lớn. Rồi cô bé đâm một cái thật mạnh vào tấm bảng nhưng chỉ đến lần thứ năm, cô bé mới cảm nhận được âm thanh rắc rắc cho thấy tấm bảng đã bị vỡ làm đôi.

Ngày hôm sau, khi đã trở về nhà, Jennifer

choàng tay ôm lấy mẹ. Cô bé tươi cười: *“Mẹ ơi, con thoải mái rồi. Bây giờ thì con thực sự thoải mái rồi!”*.

Từ đó, Jennifer đã đón nhận khuyết tật của Steven như một lẽ tự nhiên. Mùa thu năm ấy, trong trận đấu bóng rổ đầu tiên của mùa giải, cô bé lại nghe thấy tiếng cổ vũ thật to của Steven. Quay lại nhìn em trai đang hớn hờ, cô bé cũng vỗ tay vui vẻ. *“Vây là cả ba mũi tên đã chụm lại cùng nhau.”* - Cha cô bé thầm nghĩ.

Trong ba năm, bắt đầu từ năm 1990, Steven đã vào học trường Holy Trinity - một trường học của Cơ Đốc giáo. Dù rất chậm nhưng khả năng nói và viết của Steven đã tiến bộ tới mức người bình thường. Tới năm 11 tuổi, Steven đã được học ở lớp đúng độ tuổi của mình. Cậu bé có thể chạy nhảy thoải mái và giống như Jennifer, cậu bắt đầu tập chơi bóng rổ.

Năm 1992, Lynne Waihee - vợ của thống đốc Hawaii, John Waihee - bắt đầu chú ý tới Steven. Đệ nhất phu nhân của Hawaii đã tài trợ từ thiện cho một chương trình *“Đọc cho tôi”* với mục đích khuyến khích mọi người đọc sách cho trẻ nhỏ. Lấy ý tưởng từ tầm quan trọng của

việc đọc sách tới sự phát triển của Steven, bà đã xin hội đồng giáo dục của Hawaii vinh danh nhà Kunishima.

Tại buổi tiệc tiếp đón ở dinh thống đốc, Geri đã giới thiệu về Steven rằng cậu bé có thể kể tên hơn 200 vị lãnh đạo của vùng đất này nhờ sự nỗ lực trong nhiều năm qua, và cậu bé đã nhận được sự tán dương nhiệt liệt của mọi người.

Vào tháng 3 năm 1993, *Hội Chữ thập đỏ Hoa Kỳ* ở Hawaii đã trao tặng cho Lynne Waihee giải thưởng danh dự Humanitarian Award. Bà đã nhờ Steven viết lời đề tặng cho đại tiệc mừng giải thưởng của bà. Steven đã trầm tư suy nghĩ về lời đề tặng trong nhiều giờ liền. Cuối cùng cậu dừng lại ở tầm quan trọng của việc đọc sách với chính bản thân mình, và khi viết về điều đó, cậu đã gián tiếp tán dương sự tuyệt vời của gia đình Kunishima. “*Cả nhà đã đọc cho tôi nghe còn bây giờ tôi có thể đọc cho chính mình*”.

- John Pekkanen

Mục lục

<i>Lời giới thiệu</i>	5
Lễ vật thách cưới	7
Đảo ngỗng	16
Cuộc đua cuối cùng của John Baker	21
Sứ mệnh của Antonia	36
Giữa những con sóng	44
Nghệ sĩ đàn cello ở Serajevo	47
Tiếng nói của riêng mình	54
Vị ân nhân trên chuyến tàu Pittsburgh	56
Quy luật của lòng nhân ái	66

Tình yêu của một người anh	69
Niềm mong ước	84
Cậu bé không thể đọc	86
Tình yêu trở lại	99
Tôi sẽ làm được	103
Buổi lễ tốt nghiệp của Maya	117
Tạo ra bước ngoặt cho chính mình	131
Ánh sáng trong địa ngục	134
Lắng nghe	147
Quan điểm khác biệt	151
Đọc trong yêu thương	158

hạt giống tâm hồn

Vượt Qua Thử Thách

9

FIRST NEWS

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập : **Cầm Hồng**

Trình bày : **Trương Tiến Nhật**

Bìa : **Nguyễn Hùng**

Sửa bản in : **Hồng Anh**

Thực hiện : **First News – Trí Việt**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1

ĐT: 38225340 - 38296764 - 38221917 - 38223637 - 38296713

In 3.000 cuốn, khổ 13 x 20,5 cm tại Công ty TNHH một thành viên In Phương Nam (160/13 Đội Cung, Q.11, TP.HCM). Giấy đăng ký KHXB số 617-2009/CXB/10-94/THTPHCM ngày 07/07/2009 - QĐXB số 17/QĐ - THTPHCM-2010 cấp ngày 12/01/2010. In xong và nộp lưu chiểu quý I/2010.